

PHẬT GIÁO HÒA HẢO

**LUẬN GIẢI SÁM GIẢNG
KHUYẾN THIỆN**

Quyển thứ năm
của

Đức HUỲNH GIÁO CHỦ



Luận giả: Cư sĩ **Hồ Minh Châu**

ÍT DÒNG CẢM NGHĨ

-- *** --

Bình luận các tác phẩm lớn trên văn đàn Việt Nam mà không đề cập đến Quyển **KHUYẾN THIÊN** là một thiếu sót đáng tiếc,

Có đọc kỹ ta mới thấy **KHUYẾN THIÊN** xứng đáng xếp hàng đầu những tuyệt phẩm ...

Với 756 câu thơ mang nặng tính giáo dục, nhưt là thuộc đề tài Phật học, lời văn mượt mà, ý thơ trong sáng, Đức **HUỲNH GIÁO CHỦ** dẫn dắt cảm quan người đọc một rung cảm, thấm nhập nhẹ nhàng vùng tâm linh huyền diệu.

Chúng ta thử đọc hai câu mở đầu của tác phẩm viết hơn 65 năm trước:

... " Bểng tâm ngẫu hứng thừa nhân,
Theo đòi nghiên bút luận bàn tục tiên ..."

vài nét chấm phá đủ hình dung một bức phong tư tiêu sái nhưng vẫn thiết tha với nỗi thăng trầm thế sự ...

... " Đêm thanh hiền nguyệt dựa kê
Nhìn xem thế sự nầy tâm can ..."

đã xem danh lợi như bọt nước làn mây ...

... " Từ ta nương chốn Phật đàng,
Dứt tâm trần cấu chẳng màng vinh huê ..."

nhưng lòng từ bi xót xa trước cảnh thế nhân vì vô minh phải lặn lội trong vũng lầy tội lỗi, ngụp lặn giữa chốn trầm luân, nên **Người** khoác sòng nâu xông thuyền Giác vào cõi ta bà...

... " Buổi ló lửng Phật giáo suy đòi
Kẻ tu hành ai nỡ yên ngồi
Mà sớm kệ chiều kinh thông thả ..."

Đức **Huỳnh Giáo Chủ** đưa người đọc ngược dòng thời gian hai mươi lăm thế kỷ, tán thán công đức bao la của một bậc vĩ nhân, một đấng cứu thế từ ngoài cõi tử sanh mượn nhục thân vào chốn ta bà chung chịu khổ đau với người đời, để tìm phương cứu độ chúng sanh thoát cảnh trầm luân, ra khỏi vòng sanh tử luân hồi. Nhân đó, Đức **Huỳnh Giáo Chủ** hướng dẫn người học Phật thấy, hiểu cái chân lý tối thượng của **Tứ Diệu Đế** và **Bát Chánh Đạo** là phương thức diệt Tam nghiệp, Ngũ trược, Bát khổ, Thập tam ma, cũng như Thiên Định giúp hành giả sáng suốt thực hiện pháp tông Tịnh độ.

Theo thiện nghĩ, trong quyển **Khuyến Thiện** Đức Thầy đã chỉ dẫn rõ ràng căn bản giáo lý của **Phật Giáo Hòa Hảo**, thực hành đúng đạo lý này, người học Phật chắc chắn xây dựng được cho mình một nếp sống có chuẩn mực, một tình thương rộng rãi, một ý chí kiên cường, một nghị lực vững mạnh, một trí huệ thông thoáng.

Với nhận thức đó, chúng tôi cố gắng thực hiện phần luận giải này, theo suy nghĩ và sự hiểu biết có giới hạn của mình, như một đóng góp nhỏ vào hành trang tu học trân trọng gửi Quý Đồng Đạo thân thương.

Kính mong được Quý Đồng Đạo và các bậc cao minh vui lòng chỉ dẫn những sai lầm và bỏ khuyết phần thiếu sót, chúng tôi vô cùng cảm kích.

Pháp quốc, ngày 1 tháng 7 năm 2006.
Hồ Minh Châu.



PHẦN LUẬN GIẢI

-- *** --

Lời khuyên thiện của ÔNG VÔ DANH CƯ SĨ.

Đức Thầy mượn lời Ông **VÔ DANH CƯ SĨ** khuyên người đời làm lành tránh dữ. (từ đây, chúng tôi dung từ **Người** thay Ông **Vô Danh Cư Sĩ**)

Nghĩa chữ khó:

Khuyến: *khuyên, dùng lời dịu dàng để người nghe vui vẻ làm theo ý của mình.*

Thiện: *lành, tốt, thuận theo đạo lý.*

Khuyến Thiện: *khuyên làm lành, tốt; tránh điều dữ.*

Vô Danh: *không tên họ; ý không muốn ai biết đến mình.*

Cư Sĩ: *người tu tại nhà, khác với nhà sư tu ở chùa.*

Đạo lý: *nghĩa lý chơn chánh của tôn giáo. Phép tắc, luật lệ hay tốt từ xưa lưu lại, được xã hội thừa nhận làm khuôn thước trong đối xử giữa người với người.*

Tu: *sửa, sửa tánh răn lòng khép mình theo luật Đạo.*

-- *** --

1.-"Băng tâm ngẫu hứng thừa nhân - Theo đời *(đời) nghiên-bút luận bàn Tục, Tiên".

Luận giải: *(dòng 1 và 2, trang 115)*

Vốn dày công đèn sách, lòng lúc nào cũng sạch trong như tuyết, nhân lúc rảnh rang, cảm thấy hứng thú **Người** mượn văn chương luận bàn, so sánh cuộc sống bận rộn, đua chen giữa người đời với nếp sống thanh nhàn của các bậc thoát trần, lòng không vương bận điều giận ghét, oán thù, chẳng màng chuyện lợi danh, thua được, sớm chiều vui cùng trăng ngàn gió núi, bận bận với trúc tùng ... Cuộc sống đó phải chăng là Tiên ... - * *Ấn bản 1998 in đời.*

Nghĩa chữ khó:

Băng tâm: lòng sạch trong như băng như tuyết.

Ngẫu hứng: tâm hồn tự nhiên khoan khoái, hứng thú.

Thừa nhận: nhân lúc rảnh rang.

Theo đòi nghiên bút: từng học chữ nghĩa, văn chương.

Nghiên: đĩa mài mực tàu. **Bút** ở đây chỉ viết lông của nhà Nho. **Nghiên bút:** nghĩa bóng chỉ chung về chữ nghĩa, văn chương, thi phú...

Luận bàn Tục Tiên: xét nét, cân nhắc, so sánh quanh câu chuyện Tục và Tiên.

Tục: cõi trần, người bình thường sống trên mặt đất.

Tiên: những bậc sống ngoài vòng danh lợi, không vương vấn chuyện buồn phiền.

-- *** --

2.-"Ta là cư sĩ canh điền - Lo nghề cày cuốc cũng chuyên tu hành".

Luận giải: (dòng 3 và 4, trang 115)

Người tu tại nhà, quanh năm vui với ruộng vườn, ngoài việc cuốc cày còn siêng tu hành.

Nghĩa chữ khó:

Canh điền: cày ruộng, người sống với ruộng, vườn.

Chuyên: siêng năng và chăm chú làm một việc gì.

-- *** --

3.-"Xa nơi tranh-đấu lợi-danh - Giữ lòng thanh-tĩnh tánh lành trau-tria - Gắng công trì niệm sớm khuya - Thân tuy còn tục tâm là cõi mê".

Luận giải: (dòng 5 tới 8, trang 115)

Người xa lánh chuyện lợi danh, sống an nhàn trong sạch, luôn sửa tánh răn lòng, sớm khuya chuyên cần

niệm tướng Phật. Thân xác **Người** tuy ở thế gian nhưng tâm trí suốt thông, không còn mê tối.

Nghĩa chữ khó:

Tranh đấu: dùng hết ý chí, sự khéo khôn, sự bền bỉ lẫn sức lực giành cho được điều mình muốn.

Lợi danh: tiền của và danh vọng.

Thanh tịnh: trong sạch và vắng lặng.

Tánh lành trau tria: cố gắng ôn nhuần, luyện tâm tánh luôn trong sạch, ngay thẳng và hiền hòa.

Gắng công: cố sức, ráng sức.

Trì niệm: niệm Phật sớm khuya không xao lãng.

Tâm lia cõi mê: lòng không còn mê tối, lạc lảm.

Phu giải:

Danh vọng: tên tuổi được nhiều người biết.

Mục đích của Niệm Phật: diệt trừ vọng niệm, bởi tâm con người quá nhiều vọng niệm, mê làm chông chát, lòng mất an vui, phiền não ngăn che khiến chơn tâm mờ ám. Nên, hễ thành tâm niệm Phật ắt dứt tạp niệm, khi tâm không loạn động thì lòng ham muốn và các dục tình cũng bị tiêu diệt. **Niệm** còn có nghĩa nghĩ tưởng công đức của Ông Bà, Cha Mẹ, nghĩ tưởng công đức của Phật và học theo 4 đức lớn của Phật là **Từ - Bi - Hỷ - Xả**, còn gọi **Tứ vô lượng** hay **Tứ vô lượng tâm**:

- **Từ:** Phật đối với chúng sanh như mẹ đối với con, nên gọi **Từ**, lúc nào cũng lo lắng, hết lòng dịu dặt, dạy dỗ, không nỡ để chúng sanh sa vào đường tội lỗi chịu khổ.

- **Bi:** nếu chúng sanh nào dạy dỗ chẳng nghe, làm điều độc ác để phải tội thì Phật chẳng vì thế mà ghét bỏ, trái lại, thương xót vô cùng và cố cứu vớt họ ra khỏi các tai nạn, nên gọi **Bi**.

- **Hỷ:** thường an vui làm những việc lành. Dầu gặp hoàn cảnh trái nghịch cũng chẳng vì thế mà buồn lòng.

- **Xả:** *Phật chẳng chấp một pháp nào, sẵn lòng tha thứ hết những ai tối tâm làm lỗi, chẳng còn vương vứu chi với lợi danh, tài sắc, nhìn cõi đời không luyến ái.*

Phật: *Bouddha* (scr) tiếng Phạn, là **Giác tức Giác ngộ.**

Giác ngộ: *sáng suốt, lòng vắng lặng, không vương mắc chuyện thương yêu, giận ghét, cũng như việc lợi danh ...*

Dục tình: *những ham muốn về thể xác.*

-- *** --

4.-"Chí toan gieo giống Bồ-Đề - Kiếm người lương thiện dắt về Tây-Phang - Dạy khuyên những kẻ ngỗ-ngang - Biết câu LỤC-TỰ gìn đàng TỨ-ÂN".

Luân giải: *(dòng 9 tới 12, trang 115)*

Người quyết chí mang lời Phật dạy giảng giải cho người đời hiểu biết, đồng thời tìm kiếm bực tu hiền điu dắt về Tây phương. **Người** cũng ân cần khuyên nhủ những ai ngang ngược, cứng đầu, sớm tỉnh thức, sửa tánh răn lòng, sớm chiều tưởng niệm sáu chữ "**Nam-Mô A-Di-Đà Phật**" và cố gắng làm tròn **Bốn Ân Lớn** của con người.

Nghĩa chữ khó:

Chí toan: *đã nuôi ý định thì phải cố thực hiện.*

Gieo giống: *gầy giống, nuôi mầm non.*

Bồ đề: *Bodhi* (scr) tiếng Phạn, nghĩa nhà Phật là suốt thông đạo lý; dứt mọi điều lo nghĩ buồn phiền. Thăng hoa về tâm linh, tức **Chánh Giác, Giác ngộ.**

Lương thiện: *hiền lành, tốt bụng hay giúp người.*

Tây Phang hay **Tây phương:** *phương tây. Chỉ thế giới an vui, trong sạch của Phật A-Di-Đà.*

Ngỗ ngang: *ngang ngược, không nghe lời khuyên dạy.*

Lục tự: *sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật.*

Nam Mô: *Namah* (scr) tiếng Phạn, có nghĩa Quy y.

Tứ ân là bốn ơn:

- 1.- *Ơn Tổ Tiên, Cha Mẹ.*
- 2.- *Ơn Đất Nước.*
- 3.- *Ơn Tam Bảo (Phật - Pháp - Tăng)*
- 4.- *Ơn Đồng bào và Nhân loại. (Đàn na thí chủ)*

Phật: *Bouddha (scr) tiếng Phạn, chỉ bậc sáng suốt.*

Pháp: *đạo lý, lời dạy của Phật.*

Tăng: *những nam tu sĩ rời gia đình vào chùa tu, hiến trọn đời cho đạo, thọ Cụ túc giới, rồi mang lời Phật dạy truyền lại cho người đời hiểu biết. (Theo Đức Lục tổ Huệ Năng, **Phật** là **Giác**, tức tánh giác ngộ, sáng suốt. **Pháp** là chánh, tức lời dạy chọn chánh. **Tăng** nghĩa là tịnh, tánh thanh tịnh.)*

Phu giải:

Ân cần: *vui vẻ và hết lòng chăm sóc.*

Khuyến nhủ: *chỉ bảo với lời lẽ thân mật dịu dàng mà không có ý bắt buộc.*

Quy y: *nuong theo, làm theo, cung kính nương theo và quyết gởi trọn đời mình cho Phật.*

Đồng bào: *chỉ chung người một nước (cùng một bọc sanh ra - chỉ anh em ruột).*

Nhơn loại: *con người sống trên mặt đất.*

Tỉnh thức: *tỉnh dậy sau giấc ngủ, hết mê tối biết điều sai trái để cải sửa.*

Thăng hoa: *phát triển nhanh cái đang có tốt đẹp hơn.*

Phát triển: *mở rộng thêm, lớn mạnh thêm.*

Cụ túc giới: *tức 250 giới điều cho ông Tỳ kheo và 348 giới điều cho bà Tỳ kheo.*

-- *** --

**5.-"Ở trần xử trọn nghĩa-nhân - Quyết làm tôi
PHẬT gởi thân Liên-Đài - Cầu cho mỗi Đạo
hoàng-khai - Cầu cho trăm họ Bồng-Lai được
gần".**

Luận giải: (dòng 13 tới 16, trang 115)

Người ở đời phải xử sự sao cho trọn Nghĩa với Nhân. Đã tu Phật thì phải theo đúng những lời Phật dạy và nghiêm chỉnh giữ gìn giới cấm. Người tu Phật, ai cũng mong Đạo Phật được truyền bá rộng rãi, và thâm nhuần lòng từ ái của Phật, luôn nguyện cầu tất cả chúng sanh trên cõi đời này được sống an vui, thong thả như ở cõi Bồng Lai.

Nghĩa chữ khó:

Nghĩa: *đối xử tốt với người như người đã đối xử tốt với ta. (Ở có nghĩa, giữ nghĩa với nhau).*

Nhân: *thương yêu, tha thứ, hay giúp đỡ người; thương sanh vật.*

Liên đài: *đài sen, chỉ nơi Phật ngồi, chỉ cảnh Phật.*

Hoàng khai: *làm lan rộng ra mọi người được hay biết.*

Bồng Lai: *tên ngọn núi có Tiên ở theo lời truyền miệng trong dân gian.*

-- *** --

6.-"Sớm về cõi PHẬT an-thân- Kẻo kiếp phong-trần dày gió dạn sương - Phật-đài phưởng-phất mùi hương - Cúi đầu đánh (đánh) lễ cật nương đức mẫu".

Luận giải: (dòng 17 tới 20, trang 115)

Đời sống thế gian quá nhiều sóng gió, nắng sương, mỗi mết và đau khổ, **Người** cúi đầu thành lòng đánh lễ, nguyện cầu ân trên ban phước cho người đời sớm biết tu hành để được sống vui vẻ an lành như cõi Phật, nơi mà lúc nào cũng phảng phất hương thơm.

...

Nghĩa chữ khó:

Kiếp: đời người, khoảng ngày giờ khi mới sanh tới chết.

Phong: gió. **Trần:** cát bụi.

Kiếp phong trần dày gió dạn sương: đời sống nhiều gió sương cát bụi; chỉ kiếp sống quá khổ sở.

Cây nương: dựa vào, nhờ vào sự giúp đỡ.

Đức mầu: nghĩa ở đây là hưởng được điều tốt lành nhờ ơn Phật ban cho.

-- *** --

7.-"Từ-bi oai lực nhiệm sâu - Độ con thoát chốn ưu-sầu trần-ai - Nam mô THÍCH-CA NHƯ-LAI- Ta-Bà Giáo-Chủ xin NGÀI chứng minh".

Luận giải: (dòng 1 tới 4, trang 116)

Nguyện cầu oai lực cao siêu của đấng Từ bi độ con dứt hết buồn phiền cùng những thương yêu, giận ghét để được sống đời thông thả yên vui. Ngưỡng mong Đức Phật Thích Ca Như Lai, vị Giáo Chủ cõi ta bà này chứng lòng cầu xin thành kính của con.

Nghĩa chữ khó:

Từ bi: hai trong bốn đức lớn của Phật. Xin xem số 3.

Oai lực: oai nghi - được sự kính trọng - và sức mạnh khiến ai cũng kính phục.

Nhiệm sâu: cao siêu một cách khác thường; khó đủ lời giải thích rõ được.

Độ: cứu, dìu dắt, đưa chúng sanh từ bến mê qua bờ giác, tức đưa từ chỗ khổ qua nơi an vui. Theo nhà Phật, đời là biển khổ, đạo pháp của Phật như thuyền, là phương tiện độ (đưa) nhưn sanh vượt qua biển khổ.

Ưu sầu: lo buồn.

Trần ai: cát bụi dơ. **Nghĩa bóng** chỉ cõi đời đau khổ.

Ta Bà: theo nghĩa nhà Phật là **Kham Nhẫn**. **Kham:** có thể chịu đựng được. **Nhẫn:** vui vẻ nhận chịu. Vì cõi ta

bà quá nhiều đau khổ, nên chúng sanh khó tu, do đó, cần có tánh kiên nhẫn (bền lòng) chịu đựng được đau khổ mới mong thành đạo.

Ta Bà Giáo Chủ: Đức Thích Ca là Giáo chủ cõi Ta Bà.

Chứng minh: xin làm chứng, nhìn nhận sự thật.

-- *** --

8.-"Dưới đây lược tả sách kinh - Cho trong nam nữ hữu tình thì coi- Lời lành của PHẬT truyền roi - Đọc qua suy nghiệm xét soi chánh tà".

Luận giải: (dòng 5 tới 8, trang 116)

Dưới đây kể sơ các điều hay trong kinh sách cho nam cùng nữ, những ai có duyên được đọc những lời dạy quý báu của Phật để lại. Đã đọc thì nên suy nghĩ, tìm hiểu ý nghĩa, phân biệt đâu đúng, đâu sai.

Nghĩa chữ khó:

Lược tả: nói sơ, kể sơ qua.

Kinh: những lời Đức Phật giảng giải về đạo lý được chư đệ tử gom kết lại đóng thành tập.

Hữu tình: sanh vật có tình thức (có cảm giác) có duyên với đạo. Theo nhà Phật, muôn vật trong Trời Đất chia hai loại: vô tình và hữu tình. **Vô tình:** những vật không chựa quậy, không cảm giác như cây, đá ... **Hữu tình:** sanh vật có cảm giác, biết đau đớn, biết suy nghĩ ...

THI

9.-"Tiếng kệ từ-bi quá diệu-trầm- Diệt lòng tham vọng diệt thịnh-âm - Trần-gian say-đắm theo màu-sắc -Tịnh-độ giác-thuyền trị dục-tâm".

Luận giải: (dòng 9 tới 12, trang 116)

Tiếng kệ nghe êm dịu, hiền hòa, chan chứa tình ý cao sâu như gỏi gắm lời khuyên tha thiết khiến người nghe phải suy nghĩ mà dứt bỏ ham muốn lợi danh; cũng hàm ý dạy rằng các điệu đàn giọng hát dễ làm thói chí, say lòng người nghe, bởi vậy, hãy rón bèn lòng tu học Pháp môn Tịnh độ, pháp môn này có năng lực làm tỉnh thức lòng người, nhờ đó vọng niệm sẽ không sanh bụi trần không vướng.

Nghĩa chữ khó:

Kệ là bài văn, dưới hình thức thi ca hay văn vần, kể công đức của chư Phật, chư Bồ tát, hoặc ghi lại những lời chỉ dạy của các Ngài.

Tịnh độ có hai ý:

a/- Pháp môn dạy niệm danh hiệu Đức Phật A-Di-Đà và cầu được sanh về cõi Tịnh độ của Ngài, gọi là Pháp môn Tịnh Độ.

b/- Cõi đất trong sạch, yên lành, không nhiễm dơ của Đức Phật A Di Đà.

Pháp môn: cách thức tu học do Phật dạy, chư đệ tử lấy đó làm phép tắc, gọi là **pháp**, do pháp đó mà tu học đến thành Đạo, gọi **môn**, là cửa vào đạo.

Diệu: tài tình, tốt đẹp một cách lạ lùng.

Trầm: giọng thấp và âm. **Diệu trầm:** tiếng kệ nghe trầm âm và hay lạ lùng, hay vô cùng.

Giác thuyên: chỉ sự giác ngộ. Xin xem **Giác ngộ**, số 3

Dục tâm: những ham muốn tầm thường trong lòng.

-- *** --

10.-"Phải rõ nghiệp-duyên trần cấu tạo - Nghe rành chánh pháp thoát tà dâm - Phù sanh nhược mộng đời lao khổ - Tỉnh trí tu thân khỏi lạc lầm". (dòng 13 tới 16, trang 116)

Luận giải:

Nên biết việc làm nào của thân xác, của lời nói, của ý nghĩ đều có kết quả của nó, người tu khi đã hiểu biết rành lý Đạo thì không còn phạm tội về tà dâm. Người ở thế gian ngày nay đau khổ rất đáng thương, thân thể như cánh bèo nổi trôi trên mặt nước, không biết tan nát lúc nào vì gió nhồi sóng dập, cuộc sống đó khác gì một giấc mộng xấu! Nên sớm tỉnh thức tìm về Phật Đạo tu tâm dưỡng tánh để chấm dứt đời sống lạc lăm, thoát khỏi kiếp lặn độn của cánh bèo.

Nghĩa chữ khó:

Nghiệp là sức mạnh sâu kín trong con người, chính nó làm cho con người tốt hay xấu, hiền hay dữ, an vui hay đau khổ. Theo nhà Phật, đó là việc làm của **Thân** (thân xác), của **Ngữ** (lời nói), của **Ý** (ý nghĩ, lòng mơ tưởng), các thứ ấy nương nhau, hiệp với **Duyên** (duyên là sự dính líu, níu kéo) liên lạc với nhau, giúp nhau làm thành kết quả. Kết quả có tốt, có xấu, hiền hay dữ, tạo thành nghiệp tốt hay xấu, lành hay dữ của ta. Tóm lại, mỗi chúng sanh đều có nghiệp riêng và phải nhận lãnh kết quả tốt hay xấu do những việc đã làm. **Ví dụ:** trồng lúa thì ta ăn lúa, còn trồng đậu ta ăn đậu.

Trần cấu tạo: bụi cát dơ của cuộc đời làm tâm tánh con người mê tối mới làm lạc, làm sai quấy gây nên tội lỗi.

Tà dâm: giao tiếp xác thịt với người không phải vợ, chồng mình, hay vợ, chồng người khác.

Phù Sanh: **Phù:** nổi trên mặt nước, **sanh:** sự sống, chỉ kiếp sống con người như cánh bèo trôi nổi bồng bềnh trên mặt nước, nước cuốn, gió đẩy đâu thì giạt theo đó.

Nhược mộng: như giấc chiêm bao.

Lao khổ – Lặn độn: cực, khổ sở, không êm xuôi.

Chánh pháp: chỉ về Đạo lý của Phật. Cách tu chơn chánh của Phật dạy.

11.-"Hào quang chư Phật rọi mười phương - Đạo pháp xem qua chớ coi *(gọi) thường - Chuyên chú nghĩ suy từ nét dấu - Cố công gìn giữ tánh thuần-lương".

Luận giải: (dòng 17 tới 20, trang 116)

Trí huệ chư Phật tỏa sáng, chính là sự chiếu rọi nhìn xuyên suốt của các Ngài khắp mười phương. Sự huyền nhiệm đó làm thay đổi cách suy nghĩ của một số người từ lâu xem thường Đạo pháp. Người tu đi vào Phật đạo không thể có thiện ác lẫn lộn, phải chánh tâm thành ý, bền chí và nghiêm chỉnh khép mình theo luật Đạo. Sớm tối siêng năng tìm học, cân nhắc nghĩ suy để hiểu biết tận tường Phật lý.

Nghĩa chữ khó:

Hào quang: ánh sáng trí huệ của chư Phật tỏa chiếu ra.

Đạo pháp: chánh pháp của Đạo.

Thuần: là toàn (rất) một loại không lộn với thứ khác,

Lương: tốt, hay, khéo, hiền.

Thuần lương: thật thà, ngay thẳng, hiền lành.

Phụ giải:

Huyền nhiệm: huyền diệu - nhiệm mầu.

Huyền diệu: có tánh cách kỳ lạ, sâu kín, như phép mầu.

Nhiệm mầu: như có phép lạ. Nghĩa huyền diệu và nhiệm mầu không đủ lời giải thích.

Đạo lý: nghĩa lý chơn chánh của tôn giáo. Những phép tắc các bậc Thánh Hiền xưa lưu lại được xã hội thừa nhận, làm mẫu mực trong cách đối xử của người đời.

Phật lý: nghĩa lý của đạo Phật.

KÊ

**12.-"Lòng quảng ái xót thương nhân chủng -
Buổi lố lằng PHẬT GIÁO suy đồi - Kẻ tu
hành ai nở yên ngôi - Mà sớm kệ chiều kinh
thong thả".**

Luận giải: (dòng 21 tới 24, trang 116)

Giữa thời buổi có quá nhiều kẻ xấu, chính bọn người này đã phá hại, làm đạo Phật hư hỏng đến mức tối tệ. Những bậc tu hành chơn chánh bao giờ cũng dành một tình thương bao la, rộng rãi cho chúng sanh, thì trước cảnh ngửa nghiêng suy đồi của Phật giáo nở đâu yên lặng ngôi nhìn mà thong thả sớm kệ chiều kinh tìm giải thoát riêng mình.

Nghĩa chữ khó:

Quảng ái: tình thương bao la, rộng rãi.

Nhân chủng: chỉ chung loài người.

Lố lằng: làm chướng tai gai mắt mọi người.

Kệ kinh: xin xem số 8 và 9.

Phụ giải:

Suy đồi: hư hỏng, sa sút đến tối tệ.

Tôn trọng: kính trọng, quý mến.

Sa sút: trở nên xấu - **Tối tệ:** quá kém.

-- *** --

**13.-"Mình đã gặp con thuyền Bát-Nhã - Có lý
nào ích-kỷ tu thân".**

Luận giải: (dòng 1 và 2, trang 117)

Mình đã thông hiểu Đạo lý, thì không lẽ nào để dành làm của riêng, cần phải chỉ dẫn lại cho người khác biết để cùng tu.

Nghĩa chữ khó:

Bát Nhã: *Prajñā* (scr) danh từ đặc biệt của Phật giáo, có nhiều nghĩa, thường dịch: Huệ- Trí -Trí tuệ, nhưng nói chung là tâm ý thoát ra ngoài Tham, Sân, Si, không còn làm lạc, sa ngã. **Thuyền Bát Nhã** là lời thí dụ, như dùng thuyền đưa khách qua sông; phương tiện mà chur Phật, chur Bồ Tát đưa người tu hiền qua biển khổ, đến bờ an vui.

Ích kỷ: chỉ lo nghĩ riêng phần mình, ai sao mặc kệ.

Tu thân: sửa tánh, răn lòng, sửa tướng đi, đứng, nằm ngồi, làm lành, xa dữ, giữ gìn đạo lý.

Phu giải:

Trí: theo nghĩa của Bát Nhã là trong sạch, khác với trí người thường còn nhiều ham muốn.

Trí huệ: trí sáng suốt, thông rõ về đạo lý.

Huệ: sự sáng suốt của bực thoát trần không còn vương bận tình cảm, lợi danh.

Tham: ham muốn thái quá, ham hưởng sung sướng, ham danh, ham tiền của, sắc đẹp ...

Sân: nóng giận đến mất trí khôn, nuôi thù sau cơn giận.

Si: mê muội, không phân biệt đúng sai, phải trái.

Sa ngã: rơi xuống chỗ thấp hèn, tội tệ.

-- *** --

14.-"PHẬT-TỔ xưa còn ở nơi trần - Ngài gắng sức ra công hoàng-hóa - Nền Đại-Đạo lưu thông khắp cả - Bực Tiên hiền đều trọng Phật-gia".

Luân giải: (dòng 3 tới 6, trang 117)

Đức Phật Tổ ngày xưa khi còn ở cõi trần, Ngài đã dày công đi dạy Đạo, nhờ đó, nền Phật giáo như dòng nước chảy lan rộng ra khắp nơi, đến các bực thánh hiền cũng đều kính trọng Đạo Phật.

Nghĩa chữ khó:

Gắng sức: ráng làm hết sức mình.

Hoàng hóa: làm lan rộng, lớn ra cho nhiều người biết.

Lưu thông: không ngăn trở, như dòng nước chảy tự do.

Tiên hiền: người hiền, người sáng suốt thông hiểu đạo lý ở các đời trước.

Phật gia: nhà Phật, đạo Phật; chỉ người tin theo Phật.

-- *** --

**15.-"Rèn dân bằng giáo-thuyết bình-hòa-
Giống bác-ái gieo sâu vô tận - Sau nhằm buổi
phong-trào tân-tân - Đua chen theo vật-chất
văn-minh - Nên ít người khảo xét kệ-kinh-
Được dặt chúng hữu-tình thoát khổ".**

Luận giải: (dòng 7 tới 12, trang 117)

Vì thương chúng sanh, Đức Phật muốn tất cả cùng sống với nhau yên ổn hòa bình, trong ý hướng đó, Ngài dùng lời lẽ dễ hiểu, dịu dàng giảng giải, nhờ vậy, hạt giống tình thương được nảy mầm trong lòng người hầu như ở khắp mọi nơi. Sau nhằm thời buổi các đợt sóng từ trời tây tràn tới, mang theo nhiều thú vui mới lạ, lôi cuốn lớp người ít hiểu biết, thiếu suy nghĩ chạy theo, và từ đó, ít còn ai chịu khó tìm học hỏi ý nghĩa cao xa của Kệ Kinh để đem sự hiểu biết chỉ dẫn, dìu dắt người có lòng mến mộ đạo, tu hành tìm đường giải thoát.

Nghĩa chữ khó:

Rèn dân: dạy dỗ, chỉ dẫn kỹ lưỡng tốn nhiều công.

Giáo thuyết: lời giảng dạy về lý lẽ, luật lệ của tôn giáo.

Bình hòa – hòa bình: nhơn loại cùng sống yên vui.

Bác ái: tình yêu thương hết sức rộng rãi.

Vô tận: không bao giờ hết, không có bến bờ.

Phong: gió. **Trào hay triều:** tình trạng nước sông, nước biển dâng lên, rút xuống.

Tân: mới. **Tấn:** tiến tới. **Phong trào tân tấn** chỉ việc người đời đua nhau chạy theo những hình thức mới, thú vui mới ào ạt như gió mạnh đẩy sóng nước dâng lên.

Vật chất: các thứ cần thiết cho cuộc sống con người; những vật có hình thể sờ mó được.

Văn minh: **Văn:** sự học hỏi, lời văn, lễ phép, dáng vẻ bề ngoài. **Minh:** sáng. Nghĩa là ánh sáng văn hóa.

Văn hóa: sự học hỏi, dạy dỗ bằng văn chương chữ nghĩa. Về nghĩa rộng của văn hoá là những cái hay, đẹp được giữ gìn để tổ chức đời sống gia đình, xã hội, quốc gia, như việc sửa nước cứu đời, như: kinh tế, luật pháp, mỹ thuật, văn chương ... Nghĩa hẹp của văn hóa là từ việc ăn uống, nói chuyện, đi đứng, mặc áo quần, cách đối xử với nhau ... đều là những hình thức của văn hóa. Hai câu 9 và 10 nhằm chê người đời không biết suy xét đua nhau chạy theo các thú vui chơi mới vượt ngoài khuôn khổ đạo lý của dân tộc, những thứ đó dễ lôi cuốn con người đi lần vào đường hư hỏng.

Hữu tình: xin xem số 8.

Thoát khổ: hết bị trói buộc, hết đau khổ của cuộc đời.

Phu giải:

Tổ chức: sắp xếp các bộ phận riêng biệt, có trật tự.

Khảo xét: tìm tòi, cân nhắc, xét nét tỉ mỉ.

Tu hành: **Tu** là sửa, sửa tánh, rèn lòng, khếp mình vào luật Đạo. **Hành** : tập và làm đúng những điều Phật dạy, giữ đúng đắn cách thức của người tu.

-- *** --

**16.-"Thêm còn bị lấm phen giông (dông) tố -
Lời tà-sư ngoại-đạo gieo vào - Cho nhờn-sanh
trong dạ núng-nao - Chẳng gìn chặt gương
xưa mạnh-mẽ".**

Luân giải: (dòng 13 tới 16, trang 117)

Đạo Phật bị phá hoại từ một số người không có đạo, hay những kẻ khoát áo nhà tu mà lòng nuôi nhiều ham muốn, làm sai quấy, kiếm sống bằng sự lừa gạt lòng tin của người theo đạo, như hạng “đồng bóng”, “thầy cúng” ... Những việc tồi tệ đó khiến đạo Phật mang tiếng xấu, bị hiểu lầm, làm cho lòng người không còn tin tưởng mạnh mẽ vững vàng ở những lời lẽ giảng dạy của Phật, của các Thánh Hiền cùng những gương cao đẹp của Ông Cha.

Nghĩa chữ khó:

Lắm phen: nhiều lần.

Đông tố: đông gió lớn, nghĩa ở đây chỉ các việc không tốt gây hại nền Đạo.

Tà sư: người giả đạo, mặc áo nhà tu mà lòng tham ác, lừa gạt những người tin đạo để kiếm lợi cho riêng mình.

Ngoại đạo: không có đạo, người không tin đạo.

Gieo: vãi hạt giống ra, hay đặt hạt giống xuống đất cho cây non mọc lên. Ý ở đây là bọn người xấu truyền ra những lời nói ác, không tốt cho nhiều người nghe.

Nhơn sanh: đời người, việc sanh sống của con người.

Núng nao: lòng hoang mang mất niềm tin, thoái chí, nản lòng muốn bỏ cuộc.

Gương xưa: nếp sống cao đẹp của Ông Cha.

Phu giải:

Đồng bóng - thầy cúng: những người sống bằng nghề mời gọi hồn người chết về hỏi việc, hoặc xin các vị "Thần" - theo óc tưởng tượng - tha cho người đau hết bệnh rồi cúng heo gà vịt, thay vì cho uống thuốc, đó là hình thức lo lót, hối lộ một cách mê tổi. Chính hạng người này làm cho Phật giáo bị hiểu sai lầm.

Thánh Hiền: bậc tài đức được người đời sau tôn kính.

17.-"Dùng thế lực dùng nhiều mánh-khoé - Cám dỗ người đặng có khiến sai - Chúng nằm không hưởng của hoạnh-tài - Để khốn-khổ mặc ai trối kệ".

Luận giải: (dòng 17 tới 20, trang 117)

Nhiều kẻ ý chức quyền, hoặc khôn lanh, dùng mưu mẹo gạt, dụ dỗ người làm tay sai để kiếm lợi cho mình, nhờ đó, họ ngồi không cũng có tiền của thân vô, mặc kệ ai cực khổ hay bị gạt phải chịu buồn rầu, lòng dạ họ vẫn không hề có chút xót thương.

Nghĩa chữ khó:

Thế lực: sức mạnh của tiền bạc; quyền thế của người có chức tước.

Mánh khéo: mưu mẹo, toan tính làm có lợi cho mình. .

Cám dỗ: dùng lời dịu ngọt hay tiền của, chức vị dụ dỗ cho người ham làm theo ý mình.

Hoạnh tài: tiền của có được bằng mưu mô tính toán thiếu ngay thẳng; không phải do công sức mình làm ra.

Khốn khổ: cực nhọc đủ thứ.

Trối kệ: sống chết mặc kệ, không để ý, không thương .

Phụ giải:

Quyền: điều mà pháp luật hay xã hội cho hưởng; những điều có chức vụ mới được làm.

Mưu mẹo: sắp xếp sự việc có lớp lang gài gạt cho người thua trí mình, có lợi cho mình.

-- *** --

18.-"Mắt thấy rõ những điều tòi-tệ - Tai thường nghe lắm giọng ru người - Thêm thời này thế-kỷ hai mươi - Cố xô sếp thần (thánh) quyền cho hết".

Luận giải: (dòng 21 tới 24, trang 117)

Những điều tội tệ đó luôn xảy ra trước mắt, tai thường nghe lời êm dịu cùng giọng nói ngọt ngào dụ dỗ. Hơn nữa, ở vào thế kỷ hai mươi này có biết bao nhiêu kẻ muốn phá bỏ thần quyền cho hư sập, muốn diệt hết.

Nghĩa chữ khó:

Tội tệ: hư xấu lắm.

Ru: hát nhỏ nhỏ dỗ giấc ngủ. **Nghĩa bóng** chỉ lời ngọt dịu để làm người xiêu lòng nghe theo.

Thế kỷ hai mươi: thế kỷ là một trăm năm. Thế kỷ 20 là kể từ năm 1901 đến năm 2000.

Xô sập: xô ngã xuống, xô cho sập, làm cho hư luôn.

Thần quyền: có niềm tin vào các đấng thiêng liêng: Trời, Phật, Thánh, Thần.

-- *** --

**19.-"Người nhẹ dạ nghe qua mê mết - Rằng:
Nên dùng sức mạnh cạnh tranh - Được lợi
quyền lại được vang danh - Bài xích kẻ tu
hành tác phước".**

Luận giải: (dòng 25 tới 28, trang 117)

Bọn người không tin Trời, Phật, Thánh, Thần, họ muốn dẹp bỏ tôn giáo, họ cho rằng việc giành giật, cạnh tranh, phải dùng sức mạnh của chính mình mới đoạt được kết quả mà còn thêm nổi danh ! Kẻ nhẹ dạ thiếu suy nghĩ nghe lấy làm thích, vội vàng chê những bậc tu hành là khờ dại, lắm cảm, không biết đua chen kiếm tìm danh lợi mà chỉ lo việc cứu giúp người đời.

Nghĩa chữ khó:

Cạnh tranh: đua chen, giành giật, cố làm hơn người.

Bài xích: chê bai, bác bỏ.

Tác phước: làm phước; giúp kẻ nghèo khổ, hoạn nạn.

Phu giải :

Danh lợi: tên tuổi được nhiều người biết và nhờ có danh, có quyền chức nên kiếm tiền của dễ dàng.

Lảm cẩm: nói và làm không đúng lúc, không đúng chỗ.

-- *** --

20.-"Làn sóng ấy nhiều người đón rước - Dục dân tâm sôi nổi tràn trề - Cổ tục nhà phỉ báng khinh chê - Cho tôn-giáo là mùi thuốc phiện".

Luận giải: (dòng 29 tới 32, trang 117)

Làn sóng vô thần ấy lôi kéo số đông người sôi nổi nghe theo, khiến lòng dân hoang mang. Họ chống đối những thói quen tốt trong đời sống hằng ngày của Ông Cha truyền lại, cho là đã xưa cũ không còn hợp thời; họ lên án tôn giáo là thứ thuốc phiện làm tê liệt tình thần tranh đấu của con người.

Nghĩa chữ khó:

Dục dân tâm: tìm lý do nào đó nói cho dân nghe, rồi xúi dục, thúc đẩy lòng dân làm theo.

Sôi nổi: hăng hái, vùng lên.

Cổ tục: lẽ lối hay, thói quen tốt có từ xưa.

Phỉ báng: nói những điều hư xấu nhằm làm nhục người.

Khinh chê: bị đánh giá rẻ, bị xem nhẹ, coi không ra gì.

Thuốc phiện - nha phiến: thuốc gây mê con người.

-- *** --

21.- "Ai ném vào ắt là phải nghiệm - Chẳng còn lo trang võ đấu chinh - Lấy sắc thân đẹp nổi bất bình - Bỏ đức tín (tính) của câu nhơn quả".

Luận giải: (dòng 1 tới 8, trang 118)

Họ lên án tôn giáo là thuốc phiện, người theo đạo nhứt định phải ghiền rồi mất hết ý chí cùng tinh thần tranh đấu. Họ chủ trương mạnh được yếu thua, nên giải quyết những việc trái ý bằng sức mạnh, không nghĩ gì về luật nhơn quả với luân hồi.

Nghĩa chữ khó:

Trang võ đấu chinh: dùng võ khí đoạt lấy, giành lại hay giữ cái mình có.

Về trang võ đấu chinh, trong đạo Tứ Ân của PGHH có Ôn Đất Nước. Lúc bấy giờ Việt Nam còn bị thực dân Pháp cai trị, những người Việt yêu nước đều lên đường tranh đấu giải phóng dân tộc, tín đồ PGHH chẳng những không đứng ngoài cuộc mà chiến đấu rất hăng. Dầu vậy, vẫn có số người cố ý chê tôn giáo là ích kỷ, dạy tu tìm giải thoát riêng mình, không nghĩ gì đến cảnh tình dân tộc bị ngoại nhân cai trị. Chính Mã khắc Tư (Karl Mark) cha đẻ chủ nghĩa cộng sản, lên án tôn giáo là thuốc phiện, ai nhiễm vào là tiêu tan hết ý chí đấu tranh. Nhận định này hoàn toàn không đứng vững, nhứt là đối với PGHH.

Lấy sắc thân đẹp nổi bất bình: dùng sức mạnh hình hài, thể xác do cha mẹ sanh ra đẹp mọi trở ngại, những chuyện không vừa ý, dầu thiếu ngay thẳng, dầu tàn ác.

Đức tính: tánh tốt; hợp với đạo lý.

Nhơn quả - Nhơn: có sanh ra quả, **Quả:** do nhơn sanh ra. **Nhơn ắt có quả, quả ắt có nhơn.** Nhơn lành thì quả lành, nhơn ác thì quả ác - ví như trồng lúa ăn lúa, trồng

đậu ăn đậu - Nhon quả là luật định tự nhiên, quả theo nhon như bóng theo hình, không ai chạy thoát được.

Phu giải:

Luân hồi: *Luân là bánh xe, quay theo vòng tròn. Hồi: quay lại, trở về. Theo nhà Phật, con người bị xoay vần mãi trong vòng: Sanh, Già, Bệnh, Chết, rồi đầu thai cũng lần lượt trong sáu đường: Tiên, Thần, Người, Địa ngục, Quỷ đói, Súc sanh (thú vật).*

Ýchí: *quyết tâm làm cho kỳ được điều ấp ủ trong lòng.*

Võ khí: *vật dùng để đánh, giết nhau.*

-- *** --

22.-"Dầu ai có bèn gan sắt đá - Cũng động lòng trước cảnh ngửa-nghiêng - Đạo diệu-mầu gặp lúc truân-chuyên - Phận môn-đệ phải lo vun quén".

Luân giải: *(dòng 5 tới 8, trang 118)*

Dầu cho ai có gan dạ cứng như sắt đá cũng phải đau lòng trước mỗi Đạo diệu mầu của Đức Phật ngửa nghiêng vì bọn người vô thần, hư xấu phá hại. Bỏ phận những ai thương quý công nghiệp của Đức Thích Ca - nhứt là tín đồ Phật giáo - phải góp công cùng vun quén nền Phật đạo cho tốt đẹp hơn lên.

Nghĩa chữ khó:

Diệu mầu: *tài tình như phép lạ. Không đủ lời giải rõ.*

Truân chuyên: *khó khăn, khôn khổ.*

Môn đệ: *học trò chung một thầy, thờ chung một Đạo.*

Vun quén: *làm sạch và bồi đắp cao lên; góp sức sửa đổi cho tốt đẹp hơn.*

-- *** --

23.-"Tầm sức nhỏ còn làm nên kén - Người không lo có thẹn hay chǎng" ?

Luận giải: (dòng 9 và 10, trang 118)

Con tằm, một sanh vật rất nhỏ còn biết rút hết tơ trong lòng ra làm thành kén trả nợ dâu. Là con người, có đủ trí khôn, biết suy nghĩ, lẽ nào không làm được điều gì ích lợi giúp đời, giúp Đạo, như vậy so sánh với con tằm có thẹn hay chẳng? Nên rón trau sửa thân tâm, lo đền đáp nợ Tứ Ân: giữ gìn Tổ Quốc quê hương, trước là báo hiếu Tổ Tiên, Ông Bà, Cha Mẹ, sau giúp đỡ mọi người hầu gây lấy duyên lành. Nếu là tín đồ Phật giáo, phải làm sao cho nền Đạo của Đức Thế Tôn luôn bền vững và được người đời kính trọng.

Nghĩa chữ khó:

Tằm: một loại sâu nhỏ do người nuôi cho ăn lá dâu, đến kỳ tằm nhả tơ làm ổ gọi là kén. Nấu kén trong nước sôi để lấy tơ sợi, dệt thành loại hàng may mặc rất tốt.

-- *** --

24.-"Cả tiếng kêu cùng khắp chư tăng - Với tín-nữ thiện-nam PHẬT-GIÁO- Nên cố-gắng trau thân gìn Đạo - Hiệp cùng nhau truyền-bá kinh lành - Làm cho đời hiểu rõ thịnh danh - Công-đức PHẬT từ bi vô lượng".

Luận giải: (dòng 11 tới 18, trang 118)

Người kêu gọi tất cả quý vị xuất gia tu Phật cùng nữ nam tín đồ Phật Giáo khắp nơi, nên cố gắng trau sửa thân tâm, giữ gìn luật Đạo, sát cánh cùng nhau mang những lời giảng dạy của đấng Từ Bi truyền bá cho khắp thế gian hiểu biết, nhứt là làm sáng tỏ công đức vô cùng to lớn cùng lòng thương đời bao la bát ngát của Đức Phật.

Nghĩa chữ khó:

Tăng: xin xem số 4.

Tín nữ thiện nam: nữ, nam lòng lành, tin Phật, thương Đạo, ở nhà vừa làm ăn vừa tu học.

Trau thân: giỏi mài, trau sửa thân tâm, có nghĩa từ bỏ nét hư thói xấu, sửa cách đi, đứng, nằm, ngồi, lúc nào cũng nghiêm chỉnh, nói năng dịu dàng, lễ độ, hiền hoà.

Truyền bá - quảng bá: làm lan rộng ra cho nhiều người hay biết.

Thinh danh: tiếng hay, tiếng tốt.

Công đức: công lao và đức hạnh cùng hợp với nhau. Làm điều lành có ích cho người là **công**, lòng dạ mình yêu thích điều lành là **đức**.

Từ bi: xin xem lại số 3.

Vô lượng: nhiều quá không đếm hết, lớn quá, không đo lường được.

Phu giải:

Xuất gia qui y Phật: rời bỏ gia đình vào chùa tu học và hiến trọn cuộc đời cho Phật pháp. **Qui y:** xin xem số 4.

-- *** --

25.-"Đông dẹp bớt âm thanh sắc tướng - Lo chân-hung Phật-Pháp mới là - Nói cho đời hiểu PHẬT THÍCH-CA - Lòng tự giác xả thân tâm ĐẠO".

Luận giải: (dòng 17 tới 20, trang 118)

Tu là sửa bỏ tánh hư tật xấu, làm lành xa dữ, tự chế lấy mình, giữ lòng trong sáng, tìm hiểu ý nghĩa lời Phật dạy chớ không phải ở mở chuông tụng niệm mà không biết nghĩa lý, cũng không phải lay cầu xin ơn phước ở hình tượng! Phải ráng lo làm sáng tỏ giáo pháp của Đức Thích Ca. Giải thích cho người

thế gian hiểu rõ về Đức Phật, lúc còn là vị Thái tử, Ngài sớm thấy đời là biển khổ, nên bỏ ngôi vị, bỏ cuộc sống vàng son, quyết chí đi tìm đường giải thoát; trải bao nhiêu khó khăn, cực khổ, Ngài đạt kết quả rồi tự nguyện vào đời dạy Đạo, cứu độ và dắt dìu chúng sanh ra khỏi biển trần khổ, thoát nẻo luân hồi.

Nghĩa chữ khó:

Âm thanh: tiếng động, giọng đọc tụng ê a, tiếng mõ, chuông, chiêng, trống...

Sắc tướng: hình tượng, ca múa ... Về thờ cúng, không nên quá chú trọng và tin tưởng hình tượng, cũng đừng theo lối ca múa ồn ào của hạng đồng bóng, thầy cúng.

Chấn hưng: đỡ đứng dậy, sửa đổi làm cho tốt cho đẹp.

Phật pháp - Giáo pháp: lời dạy của Phật, phép tắc, lễ luật của đạo Phật.

Tự giác: tự mình hiểu, xét biết điều hay, dở của mình.

Xả thân: liều thân giúp người không kể nguy hiểm.

Phu giải:

Giải thoát: cứu ra khỏi tù tội; cứu khỏi nơi nguy hiểm.

Tự nguyện: mình muốn làm chứ không bị ai bắt buộc.

-- *** --

26.-"TA cũng chẳng hoàn toàn thông thạo - Nhưng phân cùng bổn-đạo xa gần - Có một điều già trẻ ân-cần - Là phải biết nguyên-nhân PHẬT-GIÁO".

Luận giải: (dòng 21 tới 24, trang 118)

Không bảo rằng thông hiểu hoàn toàn, **Người** chỉ muốn nhắc những ai mến mộ đạo, nữ cùng nam rõ một điều hết sức quan trọng: nguồn gốc Phật giáo.

Nghĩa chữ khó:

Ân cần: *sốt sắng lo một việc gì và siêng năng theo sát.*

Nguyên nhân: *nguồn gốc, cái cơ chánh của sự việc.*

Phân cùng bản đạo: *bày tỏ, nói rõ với tín đồ nhà Phật.*

-- *** --

**27.-"Hồi thế kỷ khoảng trong thứ sáu -Trước
kỷ nguyên tây lịch thời xưa - Pháp Giáo chưa
biệt lập tam thừa -Thuở Trung Quốc nhà
Châu Chiêu Đế".**

Luân giải: *(dòng 25 tới 28, trang 118)*

Khoảng thế kỷ thứ sáu, trước Tây lịch, thời nhà
Châu Chiêu Đế của nước Tàu, Pháp giáo lúc bấy giờ
chưa chia ra ba thừa.

Nghĩa chữ khó:

Thế kỷ: *khoảng thời gian một trăm năm, như hiện nay,
năm 2006, là năm thứ 6 thế kỷ 21.*

Kỷ nguyên: *năm đầu của một đời vua, hoặc kể từ năm
ông vua dựng nước, hay thời kỳ vị giáo chủ lập đạo.
Như công nguyên, tính từ lúc chúa Giêsu ra đời.*

Pháp giáo: *các điều của Phật dạy về đạo Phật ?*

Biệt lập: *chia riêng ra.*

Tam thừa: *ba khoa giáo, hay cách thức dạy Đạo:
Thượng-Trung và Hạ thừa. Sở dĩ đạo Phật chia 3 thừa
vì căn cơ, tức tâm tánh, sự hiểu biết của người đời
không đồng đều:*

- **Thượng thừa - Đại thừa,** *độ bực có đại căn, đại trí,*
- **Trung thừa** *độ bực căn cơ trung bình, tức trí hiểu
biết ở mức vừa,*

- **Hạ thừa** *độ bực căn cơ thấp, tức sự hiểu biết kém.*

*Có thể giải thích ba thừa qua thí dụ ba cỗ xe: xe dê, xe
nai và xe trâu:*

a/- **Thịnh văn thừa:** *tu theo lời Phật dạy, hành Tứ diệu đế, ví như xe đê, chỉ chở 1 người.*

b/- **Duyên giác thừa:** *bậc tự giác ngộ (sáng suốt) tu hành và diệt 12 nhân duyên, được đắc đạo, giải thoát, ví như xe nai, chở được vài người.*

c/ **Bồ tát thừa:** *bậc tu cầu an lạc (yên vui) vừa cho mình vừa lo cứu độ chúng sanh, ví như xe trâu, chở được nhiều người - vì bực Bồ tát còn xuống trần cứu độ chúng sanh. Ba thừa là thí dụ, cách thức, tùy trường hợp (hoàn cảnh, lúc) để giảng dạy. Đứng ra, Phật giáo chỉ có một thừa, đó là Nhất thừa hay Phật thừa.*

-- *** --

28.-"Bên Ấn Độ thành Ca Tỳ La Vệ - Có đức vua Tịnh-Phạn nhơn từ - Khắp thần dân lạc nghiệp an cư - Trên chúa thẳng tôi ngay phò tá".

Luận giải: (dòng 29 tới 32, trang 118)

Bên Ấn Độ, tại thành Ca Tỳ La Vệ, có đức vua Tịnh Phạn, vị vua sáng suốt, tâm tánh hiền lành, được các quan giỏi, ngay thẳng hết lòng giúp đỡ nên dân chúng trong khắp nước, ai nấy đều có công việc làm ăn tốt và đời sống hạnh phúc yên vui.

Nghĩa chữ khó:

Nhơn từ: *hiền lành, lòng dạ rộng rãi, hay tha thứ.*

Thần dân: *dân trong nước thuộc quyền vua cai trị.*

Lạc nghiệp: *vui vẻ với công việc làm ăn.*

An cư: *ở yên nơi yên chỗ.*

Phò tá: *những người bên cạnh vua giúp lo việc nước.*

-- *** --

29.-"Đức Hoàng hậu Ma Da phong nhã - Sắc đẹp dường ngọc thốt hoa cười - Một hôm kia

vẽ (vẻ) mặt vui tươi - Đến trước bệ tâu cùng thánh thượng".

Luận giải: (dòng 1 tới 4, trang 119)

Đức Hoàng Hậu Ma Da dáng người sang trọng, sắc đẹp của Bà như ngọc biết nói, như hoa cười. Một ngày kia với nét mặt tươi vui, đến trước chỗ vua ngồi, Bà tâu:

Nghĩa chữ khó:

Hoàng hậu: *vợ chánh của vua.*

Phong nhã: *nghiêm trang, đứng đắn, sang trọng; dáng điệu ung dung, thông thả.*

Ngọc thốt hoa cười: *khen sắc đẹp như ngọc biết nói, như hoa biết cười.*

Bệ: *chỗ để chiếc ghế vua ngồi.*

Thánh thượng: *chỉ vua, tiếng tôn kính gọi vua thời xưa.*

Tâu: *thưa, trình bày một sự việc với vua.*

-- *** --

**30.-"Rằng: Thần thiếp nhờ ơn chung hưởng -
Của hoàng gia cùng được vinh quang - Kể từ
nay thiếp muốn an nhàn - Dưỡng tâm trí lần
xa thế trược - Chẳng phiền kẻ hầu sau đón
trước - Chỉ trừ người ý hiệp tâm đầu".**

Luận giải: (dòng 5 tới 10, trang 119)

Bà tâu: "Thiếp nhờ ơn vua ban nên đời sống vẻ vang, đầy đủ, nhưng từ nay, thiếp muốn được an nhàn dưỡng tâm trí và xa lần cuộc đời cát bụi dơ bẩn này. Thiếp cũng không muốn làm phiền nhiều người theo hầu sau đón trước, chỉ xin được giữ vài người hiểu biết tánh ý của thiếp mà thôi".

Nghĩa chữ khó:

Thần thiếp: *tiếng xưng của vợ khi nói chuyện với vua.*

Hoàng gia: *gia đình của vua.*

Vinh quang: *rực rỡ, vẻ vang.*

An nhàn: *bình yên, không phiền hà lo nghĩ chuyện gì.*

Thế trực: *cuộc đời bụi dơ có nhiều điều xấu xa, tồi tệ.*

Ý hiệp tâm đầu: *vừa lòng hiệp ý với nhau.*

-- *** --

**31.-"Xin một điều ở chốn long lâu - Tập đức
tánh khoan dung đại độ - Tránh tất cả những
điều thô lỗ (lỗ) - Chẳng ưa gần kẻ bạo ngang
tàng - Thiếp cúi đầu ngưỡng vọng Thiên
nhan - Phê cho thiếp những điều xin ấy".**

Luận giải: *(dòng 11 tới 16, trang 119)*

Bà xin với nhà vua nên tập đức tánh khoan dung, xét suy rộng rãi, tránh điều không lịch sự, đừng dùng người hung ác. Bà cúi đầu xin vua chấp nhận những điều xin đó.

Nghĩa chữ khó:

Long lâu: *lâu rộng, chỉ chỗ vua ở.*

Đức tánh: *tánh tốt, gìn giữ đạo lý làm người.*

Khoan dung: *rộng lượng tha thứ.*

Đại độ: *lòng xét suy rộng rãi.*

Thô lỗ: *không lịch sự, vụng về, lỗ mãng, thô tục.*

Bạo ngang tàng: *hung dữ, nóng nảy, không kể lẽ phải.*

Ngưỡng vọng: *kẻ dưới nhìn lên; xin ơn huệ cấp trên.*

Thiên nhan: *mặt trời; tiếng dùng chỉ mặt vua.*

Phê: *ghi thuận, chấp nhận ý kiến.*

-- *** --

**32.-"Vua nghe xong vội vàng đứng dậy - Bèn
chuẩn (chuẩn) ý tỏ ý vừa lòng".**

Luận giải: *(dòng 17 và 18, trang 119)*

Vua nghe xong liền đứng dậy vui lòng chấp thuận những điều hoàng hậu vừa xin.

Nghĩa chữ khó:

Bền chuẩn y: *liền cho y như lời xin*

-- *** --

33.-"Bà tâu thêm ở trước đèn rồng - Xin Thánh thượng bao dung kẻ khó - Lòng yêu dân ví như con đò - Tội giảm tha đói giúp cơm tiền - Cứu dân nghèo trong lúc đảo điên - Lấy đức rộng bủa trong bá tánh".

Luận giải: *(dòng 19 tới 24, trang 119)*

Bà xin thêm với vua, nên đối xử rộng rãi với người thiếu may mắn, đau khổ; thương yêu dân như cha mẹ thương con đò của mình; giảm bớt ngày giam giữ tù tội; giúp cơm tiền kẻ đói nghèo; làm tất cả việc tốt cho người trong nước hưởng nhờ.

Nghĩa chữ khó:

Đèn rồng như lầu rồng: *nơi vua ở và làm việc.*

Bao dung kẻ khó: *thứ tha, đối xử rộng rãi với người đói khổ, hoạn nạn.*

Yêu dân ví như con đò: *thương dân như thương con đò - con mới sanh - của mình.*

Đảo điên: *không trật tự, lộn xộn. Nghĩa bóng chỉ dân khổ, không nhà ở, đói, đau không thuốc.*

Lấy đức rộng bủa trong bá tánh: *đối xử bằng tình thương thành thật, độ lượng rộng rãi, làm tất cả điều tốt nhằm đem ích lợi, an vui, no ấm cho dân trong nước.*

Bá tánh: *trăm họ, chỉ chung người trong nước.*

Độ lượng: *xét rộng rãi, châm chể, tha thứ cho người.*

-- *** --

34.-"Vua hứa chịu giúp người đói lạnh - Bà lui về cung điện nghỉ ngơi".

Luận giải: (dòng 25 và 26, trang 119)

Vua hứa sẽ giúp đỡ người đói lạnh như điều Bà xin. Bà vui vẻ về cung điện nghỉ ngơi.

Nghĩa chữ khó:

Cung điện: nơi của vua và gia đình ở.

-- *** --

35.-"Đêm trăng thanh gió mát thanh thoi - Tiết hòa thuận khắp nơi hoa nở - Đức Hoàng hậu trong lòng hớn hỡ - Giác chiêm bao Bà thấy lạ lùng - Bạch tượng từ ở chốn không trung - Bồng sa xuống mình Bà hồi hải".

Luận giải: (dòng 27 tới 32, trang 119)

Một đêm trăng sáng, tiết trời mát dịu, hoa đua nở khắp nơi, lòng Hoàng Hậu vui vẻ, trong giấc ngủ Bà mộng thấy chuyện lạ, một con voi trắng từ trên không rơi thật lạ xuống mình Bà.

Nghĩa chữ khó:

Thanh thoi: nhàn nhã, không có gì phải lo nghĩ.

Hoà thuận: yên vui, không trái ý nhau. Nghĩa ở đây chỉ thời tiết tốt, mát dịu.

Hớn hỡ: vui mừng.

Bạch tượng: voi trắng.

Không trung: trên không, giữa bầu trời.

Hồi hải: vội vã, mau lẹ, gấp.

-- *** --

36.-"Vừa tỉnh giấc mơ tiên mới lạ - Khắp phòng huê thơm nức mùi hương - Bà rảo

chơn bèn bước ra vườn - Truyền thị vệ thỉnh vua lai đáo".

Luận giải: (dòng 1 tới 4, trang 120)

Vừa tỉnh giấc chiêm bao lạ, Bà nghe khắp phòng thơm nức hương hoa, liền mau chơn bước ra vườn bảo người hầu mời vua tới.

Nghĩa chữ khó:

Rảo chơn: chơn bước mau.

Thị vệ: người hầu, người giữ an ninh trong cung vua.

Thỉnh: mời, tiếng dành cho bậc quyền cao chức lớn.

Lai đáo: từ nơi khác đến.

-- *** --

37.-"Vua y lời đến nơi hoa thảo - Lại gần Bà sao rất quái kỳ - Tay chơn bèn run rẩy (rẩy) một khi - Muốn quì xuống mắt dường tăm tối".

Luận giải: (dòng 5 tới 8, trang 120)

Theo lời mời, vua đến vườn hoa, vừa tới gần Bà sao thấy kỳ lạ, tay chơn Bà run rẩy như muốn quì xuống còn mắt dường tối lại.

Nghĩa chữ khó:

Hoa thảo: chỉ vườn hoa của vua.

Quái kỳ: lạ, không bình thường, chưa từng xảy ra.

-- *** --

38.-"Tiếng Thần Tiên trên không ca trối - Rằng ta mừng vua hữu thiện căn - Sắp có con thế giới chẳng bằng - Sau người ấy lập nên Đạo cả".

Luận giải: (dòng 9 tới 12, trang 120)

Tiếng Thần Tiên ca hát trên không chúc mừng nhà vua có căn lành, sắp được người con mà thế giới không ai sánh bằng, sau này người đó lập nên nền Đạo lớn.

Nghĩa chữ khó:

Hữu thiện căn: có căn lành, kiếp trước làm điều lành.

Căn: gốc rễ, lý do của sự việc.

-- *** --

39.-"Vua nghe xong cúi đầu bái tạ - Liên phán cùng Hoàng hậu Ma Da - Có việc chi vội vã đòi ta -Khá nói lại đầu đuôi tường tất".

Luận giải: (dòng 13 tới 16, trang 120)

Vua nghe xong cúi đầu cảm ơn, rồi hỏi Hoàng Hậu, có việc chi mà Hậu mời ta gấp, hãy nói rõ ràng đầu đuôi sự việc.

Nghĩa chữ khó:

Bái tạ: cúi mình cảm ơn, cung kính cảm ơn.

Phán: chỉ lời của vua nói, hay vua ra lệnh.

Tường tất: nói, kể rành cho người nghe hiểu rõ ràng.

-- *** --

40.-"Bà thuật rõ chiêm bao trong giấc - Xin vua đòi (vời) ít kẻ bàn giùm".

Luận giải: (dòng 17 tới 18, trang 120)

Hoàng Hậu thuật rõ giấc chiêm bao và xin vua cho mời ít vị quan vào giải mộng.

Nghĩa chữ khó:

Vời kẻ bàn giùm: mời các quan chuyên về giải mộng, tức bàn về điềm chiêm bao.

-- *** --

41.-"Các thầy bần được lệnh vào cung - Nghe xong xả tâu rằng điềm quý".

Luận giải: (dòng 19 và 20, trang 120)

Sau khi nghe xong, các quan đoán mộng tâu rằng: đây là điềm thật quý.

Nghĩa chữ khó:

Điềm: dấu hiệu báo trước một việc gì sẽ xảy ra.

-- *** --

42.-"Ngày thắm thoát đông qua hạ chí - Bà trở sanh Thái tử đẹp tươi - Mặt trang nghiêm khí phách hơn người - Vua cùng khắp thần dân mừng rỡ - Họ Thích Ca từ đây cũng ngỡ (ngỡ) - Sẽ có người nối nghiệp Hoàng-gia-Liên đặt tên là Sĩ-Đạt-Ta - Cả triều chính treo hoa yến ẩm".

Luận giải: (dòng 21 tới 28, trang 120)

Ngày tháng qua mau, hết mùa đông đến ngày hạ chí, Hoàng hậu sanh một Thái tử tươi đẹp, gương mặt và dáng vẻ trang nghiêm, tinh thần sáng sủa, được đặt tên là Sĩ Đạt Ta. Ai cũng nghĩ từ đây họ Thích Ca sẽ có người nối ngôi, nên vua cùng văn quan võ tướng treo đèn kết hoa, ăn uống vui mừng.

Nghĩa chữ khó:

Thắm thoát: qua thật mau.

Hạ chí: ngày 20 hay 21 tháng 6 dl. đầu mùa hè.

Trở: hột giống nở mầm, cây non nhô ra từ thân cây mẹ.

Trở hoa: nở hoa. **Trở sanh:** sanh nở.

Thái tử: con trai lớn của vua được nối ngôi sau này.

Trang nghiêm: nghiêm chỉnh.

Khí phách: tinh thần sáng sủa, dáng vẻ oai nghi.

Oai nghi: gồm 4 cách: đi, đứng, nằm, ngồi đàng hoàng; tư thế của người đạo đức cao.

Ngõ: tường là.

Nội nghiệp hoàng gia: nói ngôi vua.

Hoàng gia: gia đình vua.

Triều chính: vua và các quan giúp lo việc trị nước.

Yến ẩm: tiệc ăn uống.

-- *** --

43.-"Có nhà sư cách thành mấy dặm - Thường ở ăn trong sạch hiền từ - Lòng thẳng ngay chẳng có vị tư -Đời thanh tịnh gìn theo Đạo-lý".

Luận giải: (dòng 29 tới 32, trang 120)

Một nhà sư ở cách thành vua mấy dặm, sống yên tĩnh trong sạch, lòng ngay thẳng không vị tình riêng bỏ lẽ ngay, hiền lành và giữ gìn Đạo lý.

Nghĩa chữ khó:

Dặm: khoảng cách bề dài. Mỗi nước tính dặm khác nhau, dặm Tàu 500 mét, dặm Anh 1.600 mét...

Thanh tịnh: trong sạch; yên lặng, không vướng bận chuyên danh lợi; không lo nghĩ buồn phiền.

Vị tư: vì tình riêng bỏ lẽ ngay.

-- *** --

44.-"Ông lại được THẦN TIÊN dẫn chỉ - Hiểu thiên-cơ thấu mối diệu-huyền - Ông là người Bà-la-môn Tiên - A-tư-Đà Tiên hiền tên lão".

Luận giải: (dòng 1 tới 4, trang 121)

Ông nhờ Thần Tiên chỉ dẫn nên hiểu biết lẽ cao sâu của máy Trời. Ông theo đạo Bà là môn, tên A tư Đà,

là bực hiền được người đời bấy giờ kính trọng, xem như một vị tiên.

Nghĩa chữ khó:

Thiên cơ: *máy trời, sự xếp đặt của Trời.*

Diệu huyền: *cao sâu, không lấy trí người thường hiểu và giải thích được.*

Bà la môn: *một tôn giáo lớn và rất xưa ở Ấn Độ, có trước khi Đức Thích Ca lập Đạo Phật.*

-- *** --

45.-"Thời buổi ấy vua ưa người Đạo - Bèn vào châu tâu trước bệ rồng - Xin vua cho ông bước vào trong - Được yết-kiến Tử-hoàng luôn thể".

Luận giải: *(dòng 5 tới 8, trang 121)*

Ông vào triều tâu xin vua cho được vào trong ra mắt hoàng tử, thời kỳ đó vua rất trọng người có Đạo, nên ông được như ý.

Nghĩa chữ khó:

Hâm mộ: *mến chuộng; ưa thích.*

Yết kiến: *người cấp bực nhỏ đến gặp người bề trên.*

-- *** --

46.-"Ông xem xong bỗng liền sa lệ - Vẽ (vẽ) mặt buồn chẳng thốt ra lời - Thấy lạ lòng vua bước đến nơi - Liền phán hỏi bảo ông phân rõ".

Luận giải: *(dòng 9 tới 12, trang 121)*

Ông nhìn Thái tử rồi rơi nước mắt, nét mặt buồn không nói được lời nào. Thấy lạ, vua bước lại gần bảo nhà sư trình rõ việc gì.

**47.-"Trước cung-điện ông liền bày tỏ - Rằng
Tử-hoàng chùng được thành non - Lìa đền
đài khổ cực chẳng sòn - Tìm Đạo-ly dất diu
sinh-chúng -NGÀI sẽ được thế gian ca tụng -
Chắc phần NGÀI quả PHẬT vẹn tròn - Buồn
vì tôi tuổi lớn sức mòn Chẳng sống đặng nghe
lời PHẬT thuyết".**

Luân giải: (dòng 13 tới 20, trang 121)

Ông quỳ tâu: "Hoàng tử khi nên người sẽ rời đền đài
cung điện, chịu cực khổ không sòn lòng, quyết chí
tìm Đạo để diu dất chúng sanh và chắc chắn Ngài
thành đạo vẹn tròn. Sau này Ngài sẽ được thế gian
ca tụng kính yêu. Buồn cho tôi tuổi già sức yếu,
không sống được để nghe lời Phật dạy".

Nghĩa chữ khó:

Thành non: lớn lên, đủ trí khôn.

Chẳng sòn: không thối chí ngã lòng, không bỏ cuộc.

Ca tụng: được khen ngợi, được mến mộ, được tôn kính.

Quả Phật: thành Phật.

Phật thuyết: lời giảng dạy của Phật.

-- *** --

**48.-"Cả hồng trần đau thương thống-thiết -
Nhờ NGÀI mà diệt nẻo luân hồi - Vô phước
nên tử bầy phận tôi - Chớ chẳng có điều chi
lo ngại".**

Luân giải: (dòng 21 tới 24, trang 121)

Cõi trần gian đau khổ này nhờ Ngài mà diệt được
nẻo luân hồi. Tôi vô phước nên tử phận, chớ không
có điều chi lo ngại.

Nghĩa chữ khó:

Hồng trần: bụi hồng, bụi đỏ hồng hồng. **Nghĩa bóng** chỉ cõi đời cát bụi dơ bẩn.

Thống thiết: đau đớn, xót xa, thảm thiết.

Diệt nẻo luân hồi: thành Đạo nên không phải đi vào đường luân hồi. **Luân hồi:** xin xem số 21.

-- *** --

49.-"Đức Hoàng hậu đến ngày thứ bảy - Dứt nợ trần nên vội qui tiên - Có bà dì thay thế mẹ hiền - Giùm sẵn sóc trông-nom thái-tử".

Luận giải: (dòng 25 tới 28, trang 121)

Đức Hoàng hậu đến ngày thứ bảy, hết nợ trần từ già cõi đời, Thái tử được bà dì, thay mẹ hiền nuôi dưỡng.

Nghĩa chữ khó:

Dứt nợ trần: phận sự ở thế gian đã làm xong.

Qui tiên: về cảnh tiên. **Nghĩa bóng** là chết.

-- *** --

50.-"Khi lớn lên cho người dạy chữ - Lúc vào trường chẳng học mà thông - Buổi trưởng thành vua vẫn hằng mong - Cho Thái-Tử đừng lìa cung điện".

Luận giải: (dòng 29 tới 32, trang 121)

Khi Thái tử tới tuổi đi học, vua chọn thầy dạy chữ, lúc vô trường Ngài không học mà thông hiểu. Thái tử đến tuổi lớn khôn, lòng vua hằng mong Ngài đừng xa rời cung điện đi tu như lời vị sư Bà La Môn ngày trước.

Chú thích:

Thông: nghĩa ở đây là hiểu biết thông suốt.
Trở thành: đủ trí khôn.

-- *** --

**51.-"Hội Triều-đình các quan lựa tuyền -
Nàng Gia-Du *(Du-Gia) được chọn kết hôn -
Vua nghĩ rằng muốn tâm yên ổn - Chọn
cung-phi mỹ nữ làm trò - Cất đèn-đài lộng-
lấy đẹp to - Ngày ca múa đêm bày loi-lả".**

Luận giải: (dòng 1 tới 6, trang 122)

Vua hội cùng các quan trong triều chọn được nàng Du Gia cưới cho Thái tử. Nhà vua muốn được yên lòng hơn, cho xây cất lầu đài đẹp lộng lẫy, chọn thêm nàng hầu và nhiều gái xinh, suốt đêm ngày đàn hát, múa ca, nhằm kích thích thú vui xác thịt, hy vọng Thái tử vui chơi mà quên việc đi tu.

- * *Ấn bản 1998 in Du Gia.*

Nghĩa chữ khó:

Cung phi: *nàng hầu của vua, của thái tử.*

Mỹ nữ: *gái đẹp.*

Làm trò: *bày cuộc vui chơi.*

Ca múa: *Ca là hát giọng khi cao, lúc thấp, hoặc kéo dài, nhịp nhàng với tiếng đàn và theo bài bản nhất định.*

Múa: *nhảy theo nhịp trống cùng tiếng đàn giọng hát.*

Lộng lẫy: *thật đẹp, cao rộng và rực rỡ.*

Loi lả: *không đứng đắn; đùa giỡn ngửa nghiêng, có hành động kêu gọi.*

Phụ giải:

Kích thích: *khêu gợi, gây phấn khởi, giục cho hăng hái.*

-- *** --

52.- "Lòng Thái-Tử cũng không xiêu-ngã - Ra khỏi đền du ngoạn một khi - Buổi đầu tiên gặp những chuyện gì - Gặp cụ lão tay nung gậy chống - NGÀI xem qua lòng bèn cảm-động".

Luận giải: (dòng 7 tới 11, trang 122)

Thái tử không vì các thú vui mà quên ý định đi tu, lần đầu tiên ra khỏi đền đi dạo, Ngài thấy ông già ốm yếu, tay run, chống gậy bước đi khó khăn, khiến lòng Ngài cảm động.

Nghĩa chữ khó:

Du ngoạn: đi dạo chơi ngắm xem phong cảnh.

Cảm động: lòng rung động vì thương xót.

-- *** --

53.- "Lần thứ hai thấy kẻ ốm đau - Xét cõi trần trong dạ héo xào - Chi xiết nỗi núng-nao cõi tạm".

Luận giải: (dòng 12 tới 14, trang 122)

Lần thứ hai thấy người bệnh, thân hình ốm yếu, xét việc đời lòng Ngài chua xót, càng suy nghĩ càng thấy ngao ngán cuộc sống tạm bợ của con người.

Nghĩa chữ khó:

Dạ héo xào: lòng đau thắt lại; chua xót trong lòng.

Núng nao: xiêu lòng, nản chí, ý muốn bỏ cuộc.

Cõi tạm: theo nhà Phật, đời là nơi ở tạm; thân xác này cũng giả tạm, không giữ được lâu bền.

Phu giải:

Ngao ngán: chán nản, không còn ham muốn gì nữa.

-- *** --

54.-"Lần thứ ba xe lìa khỏi trạm - Được trông nhìn kẻ chết đang khiêng - Về đèn-đài cảm xúc buồn riêng - Hằng để trí tầm phương giải-thoát".

Luận giải: (dòng 15 tới 18, trang 122)

Lần thứ ba xe vừa rời khỏi trạm, Thái tử thấy mấy người khiêng một xác chết. Về cung lòng Thái tử bồi hồi xúc động, Ngài suy nghĩ phải tìm cách nào thoát khỏi cái chết.

Nghĩa chữ khó:

Trạm: nhà cất dọc theo đường để khách tạm nghỉ chơn.

Cảm xúc: rung động trong lòng do mắt thấy tai nghe một sự việc nào đó.

Giải thoát: cứu ra khỏi nơi khổ sở nguy hiểm.

-- *** --

55.-"Lần thứ tư vừa đi dạo mát - Bỗng gặp người tốt đẹp trang-nghiêm - Nào dè đâu TRỜI đã ứng điềm - Giả tăng sĩ gọi lòng Thái-tử - NGÀI hiểu rõ ấy là phận sự - Phải xuất gia tầm Đạo mau mau".

Luận giải: (dòng 19 tới 24, (trang 122)

Lần thứ tư, Thái tử vừa rời hoàng cung dạo mát, tình cờ gặp một nhà tu tướng mạo thật tươi tốt, dáng vẻ nghiêm trang. Sau mấy lời thăm hỏi, vị sư gợi ý về đời sống ngăn ngừa cùng những đau khổ mà người đời phải gánh chịu, rồi khuyên Thái tử, nếu có lòng thương chúng sanh, nên tìm cách cứu vớt họ ra khỏi "biển khổ" cuộc đời này. Thái tử nào biết Trời sắp đặt cho vị sư đến gọi lòng từ bi của Ngài. Nghe mấy lời khuyên nhắc đó, Thái tử càng ý thức

trách nhiệm mình, nên quyết đi tìm đường cứu khổ cho nơn loại.

Nghĩa chữ khó:

Tốt đẹp trang nghiêm: vẻ xinh tươi và nghiêm chỉnh.

Ứng điềm: sự việc lạ xảy ra không ngờ khiến phải suy nghĩ mà đoán.

Tăng sĩ: nhà sư, người (nam) xuất gia tu Phật.

Xuất gia: bỏ hết của tiền, tình cảm gia đình, quyết lòng học những điều Phật giảng, rồi mang sự hiểu biết đó chỉ dạy, dìu dắt người đời vào đường tu Phật.

Phu giải:

Biển khổ: nhà Phật ví sự đau khổ trong cõi đời này nhiều như nước biển.

Trách nhiệm: nhận phần việc được giao và phải làm cho thật tốt.

Quyết ý: phải làm được điều mà lòng mong muốn.

-- *** --

56.-"Liên quày xe trở lại lai trào - Xin Vương-phụ lánh xa mùi thế - Vua buồn thảm dùng lời khóc kể - Rằng: Cha già biết cậy nhờ ai - Khuyên con nên ở chốn điện-đài - Lo nối nghiệp sau tu chẳng muộn".

Luận giải: (dòng 25 tới 30, trang 122)

Thái tử liên quày xe về xin phép vua cha cho Ngài đi tu. Vua buồn rầu khóc, than: "Cha tuổi đã già, sức yếu, con đi rồi cha biết cậy nhờ ai", rồi năn nỉ và khuyên Thái tử nên ở lại nối ngôi vua, sau này đi tu cũng không muộn.

Nghĩa chữ khó:

Lai trào: trở lại triều đình, ở đây là trở lại hoàng cung.

Vương phụ: *vua cha.*

Mùi thê: *các nỗi sướng khổ, vui buồn ở cuộc đời.*

Nói nghiệp: *nói tiếp ngôi của vua cha.*

-- *** --

**57.-"Lòng Thái-tử quyết theo ý muốn - Thừa
đêm khuya lén trốn vào rừng - Lìa cha già, vợ
đẹp, con cưng - Thân chẳng sợ xông-pha bờ
bụi - NGÀI thuở ấy nên mười chín tuổi - Tâm
đại-hùng cương-quyết tu trì - Trải bao phen
lao-khổ xiết chi - Sau NGÀI đến Rạch-Ni
Liên-Thuyền".**

Luận giải: *(dòng 1 tới 6, trang 123)*

Dầu mới mười chín tuổi, nhưng với ý chí sắt đá, Thái tử cương quyết xa cha già, vợ đẹp, con xinh, ra đi tìm cho được Đạo giải thoát. Ngài càn bờ lướt bụi, cực khổ, mỗi mệt cũng không bỏ cuộc, không chịu thua; sau cùng Ngài đến Rạch Ni Liên Thuyền.

Nghĩa chữ khó:

Xông pha: *càn lướt tới, dấn thân vào mà không ngại nguy hiểm khó khăn.*

Tâm đại hùng cương quyết tu trì: *lòng dạ và ý chí mạnh mẽ cứng cõi như sắt đá, không lùi bước, không bỏ cuộc, không chịu thua, quyết tìm đạo tu hành. Theo nghĩa nhà Phật: đại hùng là đức hiệu của Phật. Phật có đức lớn mạnh khiến yêu ma kính phục.*

Lao khổ: *cực khổ, tốn nhiều sức, mệt mỏi.*

Phu giải:

Cương quyết: *ý chí cứng cõi, mạnh mẽ, nhứt định không thay đổi ý định, không bỏ cuộc.*

Ý chí: *xin xem số 21.*

-- *** --

58.-"Thấy cỏ hoa cảnh bất tham-thiên - Ngồi khổ-hạnh sáu năm bên ấy".

Luận giải: (dòng 7 và 8, trang 123)

Thấy cảnh cỏ hoa tươi tốt, Ngài ngồi lại lắng lòng suy nghĩ tìm lý đạo, và Ngài tu một cách cực khổ suốt sáu năm dài nơi đó.

Nghĩa chữ khó:

Tham thiên: *ngồi yên lặng dứt bỏ mọi nhớ tưởng vẫn vợ, trí suy nghĩ nghiên ngẫm nghiên cứu tìm lý đạo.*

Khổ hạnh: *tu cách khắc khổ, ít người chịu đựng nổi.*

-- *** --

59.-"Đạo gần đắc MA-VƯƠNG theo khuấy - Dùng thần-thông nghị-lực dẹp tan - Ấy mới vừa đắc Đạo hoàn toàn - Và lần bước phô-trưng độ chúng".

Luận giải: (dòng 9 tới 12, trang 123)

Vừa tìm thấy lý Đạo thì Ma Vương đến phá, nhưng trước ý chí kiên cường và sức mạnh tinh thần của Ngài, Ma vương phải nể sợ mà bỏ cuộc. Khi hoàn toàn suốt thông lẽ Đạo, Ngài liền đem sự hiểu biết, sự sáng suốt đó vào đời dạy Đạo cứu độ chúng sanh.

Nghĩa chữ khó:

Đạo gần đắc: *vừa thông suốt lý đạo, giác ngộ.*

Ma vương: *chúa loài ma.*

Khuấy: *chọc phá, làm rối trí không thành đạo được.*

Thần: *sức mạnh tinh thần.* **Thông:** *không bị ngăn trở.*

Nghị lực: *sức mạnh của ý chí, của tinh thần; sự bền chí không để trở ngại ngăn cản.*

Đắc Đạo: *hiểu Đạo, thấy được con đường giải thoát.*

Phô trương: dọn bày ra bề ngoài. Nghĩa ở đây là Đức Phật không giấu giếm sự hiểu biết của Ngài, mà đem chỉ dạy hết cho người đời.

Độ chúng: dịu dắt đưa người ra khỏi chỗ tối tăm, nguy hiểm, khổ cực.

Phu giải:

Kiên cường: giữ vững ý chí không khuất phục.

-- *** --

60.-"NGÀI bèn xét ở trong Phật chúng - Các chúng sanh đều có như TA - Bị vô-minh vọng- tưởng vạy-tà - Nên quay (quay) lộn Ta-bà cõi khô - Lòng thương chúng thuyết phương Tịnh- độ - Đặng dắt-dìu tất cả chúng-sanh - Nếu như ai cố chí làm lành - Chuyên niệm PHẬT cầu sanh Phật-Quốc - Cả vũ-trụ khắp cùng vạn vật - Dầu Tiên, Phạm, Ma, Quỷ, Súc-sanh - Cứ nhứt tâm tín, nguyện, phụng-hành - Được cứu- cánh về nơi an-đưỡng".

Luân giải: (dòng 13 tới 24, trang 123)

Ngài cho biết trong mỗi chúng sanh đều có giống Phật như Ngài, nhưng vì tối tăm, mê muội chưa thấy được tánh Phật của mình nên phải lăn lộn mãi trong cõi Ta bà. Với lòng từ bi, Ngài khuyên nên học môn Tịnh độ, cố ăn ở hiền lành cầu sanh về nước Tịnh độ của Phật A Di Đà. Hễ thành tâm niệm Phật ắt dứt lìa tạp niệm, khi tâm không loạn động thì lòng ham muốn và các tính dục cũng bị tiêu diệt. Lòng có trong sáng, tâm vắng lặng mới phát triển được trí huệ. Bất cứ Tiên, Phạm, hay Ma, Quỷ hoặc Súc sanh

trên khắp cùng thế giới này, nếu trọn lòng tin, thực hành các điều hướng dẫn trên đây thì chắc chắn ngày kết cuộc sẽ được đến cõi tịnh độ, nơi hoàn toàn trong sạch và an nhàn hạnh phúc.

Nghĩa chữ khó:

Phật chủng: giống Phật. Mỗi chúng sanh đều có Phật trong tâm, tức Phật tánh..

Chúng sanh: sanh vật có cảm giác, có sanh, có chết.

Ta bà: xin xem số 7

Phương Tịnh độ: cách tu Tịnh độ. Xin xem số 9.

Vô minh: tâm trí tối tăm, không hiểu rõ sự việc và lý lẽ, nó là đầu mối của mọi buồn phiền:

a.- không biết thân xác này **không** phải của mình,

b.- không biết vạn vật đều **không**,

c.- không biết tất cả đều **giả**, không có gì bền vững.

Con người vì **vô minh** nên gây ra nhiều tội ác để rồi phải chịu khổ, phiền nhiều kiếp. Người hiểu Đạo như cầm đuốc vô nhà tối, bóng tối tan hết, ánh sáng rõ ra.

Để tiêu diệt vô minh, phải học môn **Hoàn diệt** tức phương cách tiêu diệt hoàn toàn cái vô minh. Muốn diệt vô minh phải tìm đường **Bát Chánh** của Phật mà đi, giữ tâm thanh tịnh, làm việc hiền lành, không lòng hờn giận, chẳng dạ ghét ganh, chuyên tâm niệm Phật, làm việc giúp đời, đừng chứa điều phiền não, không tham lam ích kỷ, gây lấy duyên lành, lần lần trí huệ mở mang, lòng sáng suốt thì màn vô minh sẽ bị tiêu diệt.

Niệm Phật: xin xem số 3.

Cầu sanh: nguyện được sanh về đất Phật sau khi chết.

Vũ trụ: thế giới. Nghĩa ở đây chỉ chung loài người.

Vạn: mười ngàn. **Vạn vật:** chỉ chung tất cả sanh vật.

Nhứt tâm tín, nguyện, phụng hành: **Nhứt tâm:** quyết một lòng. **Tín:** tin. **Nguyện:** cầu xin, nuôi ý tu cho đến thành đạo. **Phụng hành:** vâng lệnh và làm y theo.

Cứu cánh: kết quả cuối cùng của sự việc.

61.-"Chỉ một kiếp Tây-phương hồi hướng - Thoát mê-đồ dứt cuộc luân hồi - Xét cõi trần sống khổ giạt-trôi - Vô lượng thứ ở trong thế-giới".

Luận giải: (dòng 25 tới 28, trang 123)

Kiếp sống con người chịu bao nhiêu sóng dập gió nhồi, mới đó rồi tan tác đó, thật là đau khổ, mà đau khổ thì quá nhiều không làm sao đo lường hay đong đếm được. Người tỉnh thức quyết chí tu hành, nên nguyện cầu chuyển trọn công phu tu hành của mình hướng về cõi Phật. Với quyết tâm thành ý đó, người tu chắc chắn rèn luyện được một tinh thần trong sáng để nhận diện chơn lý và dứt nẻo luân hồi.

Nghĩa chữ khó:

Một kiếp: *một đời người, kể từ mới sanh đến già chết.*

Tây phương hồi hướng: *cầu nguyện chuyển hướng công phu tu hành của mình về Tây phương, và nguyện cầu sau này được sanh vào cõi Tịnh độ của Đức Phật A Di Đà.*

Mê đồ: *con đường lầm lạc, mê tối.*

Luân hồi: *xin xem số 21.*

Giạt: *vật nổi trên mặt nước bị đưa trôi theo hướng gió.*

Trôi: *bị nước cuốn đi, đẩy đi.*

Vô lượng: *quá nhiều không thể đo lường, đếm hết được.*

-- *** --

62.-"Lời PHẬT thuyết ta xin nhắc lại - Ta-bà khổ. Ta-bà lắm khổ - Có bao người xét cho tốt chỗ - Tịnh-độ vui, Tịnh-độ nhàn vui".

Luận giải: (dòng 29 tới 32, trang 123)

Người nhắc lại lời Phật dạy, chốn Ta bà, tức thế gian này, có quá nhiều điều đau khổ còn cõi Tịnh độ là nơi thật vui vẻ an nhàn, nhưng đời có mấy ai biết nghĩ suy và thấy hiểu cao xa để tìm lối về cõi tịnh độ ấy.

Nghĩa chữ khó:

Tột chỗ: *cao tột, cao nhất; không thể cao hơn được.*

-- *** --

63.-"Cảnh thanh-minh sen báu nặc mùi - Nào ai rõ cái vui triệt đáo - Vì phần TA rất yêu mến Đạo - Chẳng nệ chi trí siển tài sơ - Lấy lời xưa kết lại ít tò - Cho thiện-tín rồi-nhàn xem xét".

Luận giải: *(dòng 1 tới 6, trang 124)*

Có mấy ai biết được rõ ràng tường tận cái vui ở cõi Tịnh độ, nơi vô cùng trong sạch, yên tịnh, lúc nào cũng ngạt ngào hương sen báu. Vì lòng quý mến Đạo, **Người** không ngại trí tài kém cỏi, rón gôm góp lời Phật dạy ngày xưa chép lại mấy trang, để những người hiền lành tin Đạo lúc rảnh rang đọc mà suy xét, tìm hiểu thêm Phật lý để vững dạ tu hành.

Nghĩa chữ khó:

Thanh minh: *cõi thanh tịnh, trong sạch, trong sáng.*

Triệt đáo: *đến tột bậc - nghĩa ở đây là hiểu biết rõ ràng, tường tận cái vui nơi ấy.*

Trí siển tài sơ: *khiêm nhượng, tự cho trí tài mình kém.*

Lời xưa: *nghĩa ở đây là chỉ lời dạy của Phật.*

Thiện tín: *nam nữ tin Đạo, vừa làm ăn vừa tu tại nhà.*

Rồi nhàn: *rảnh rang, không phải lo nghĩ.*

-- *** --

64.-"Dứt mê tâm dứt điều hờn ghét - Rán cần chuyên niệm PHẬT làm lành - Thường trau-dồi (giỏi) chí hướng cao thanh - Cho khỏi thẹn con lành PHẬT-GIÁO".

Luận giải: (dòng 7 tới 10, trang 124)

Lòng hết mê tối, dứt giận ghét oán thù, siêng niệm Phật làm hiền, rán giữ tâm hồn trong sạch, ý chí cao thanh, được vậy mới đúng bậc tu hiền, xứng đáng con lành trong gia đình nhà Phật.

Nghĩa chữ khó:

Mê tâm: lòng dạ mê tối.

Cần chuyên: miệt mài, chăm chỉ, siêng năng.

Trau giỏi chí hướng cao thanh: tập tánh trong sạch, cao thượng, rèn luyện tâm ý bền bỉ để đạt mục đích cao đẹp cho cuộc sống.

Cao thượng: vượt khỏi những nhỏ nhen, tầm thường.

-- *** --

65.-"ĐỨC THÍCH CA từ xưa dạy bảo: Khổ Ta-bà nhiếp lại tám phần - Bởi chúng-sanh mang lấy xác thân - Khổ thứ nhứt sự SANH là gốc".

Luận giải: (dòng 11 tới 14, trang 124)

Đức Thích Ca dạy, nỗi khổ cõi Ta bà gom lại tám phần, vì chúng sanh mang thân xác nên sự sanh và nỗi đau đớn khi rời bụng mẹ là cái gốc của **khổ thứ nhứt**.

Nghĩa chữ khó:

Nhiếp: thu, tóm lại, gom về một mối.

-- *** --

66.-"Vào bụng mẹ chung quanh bao-bọc - Có khác nào ở chốn ngục tù - Buồi mẹ đau huyết kiệt hình thu - Lúc mẹ đói dường treo lỏng-bồng". (dòng 15 tới 18, trang 124)

Luận giải:

Hình hài bé nhỏ nằm trong bụng mẹ, bị bao bọc chung quanh nào khác ở nhà tù, khi mẹ bệnh, máu huyết khô cạn thân hình thai nhi co thắt đau đớn; lúc đói, bụng mẹ trống, bào thai như bị treo lơ lửng, lắc lư rất là khó chịu.

Nghĩa chữ khó:

Bào thai: cái thai từ tượng hình đến khi rời bụng mẹ.

Huyết kiệt: máu thiếu, khô cạn.

Hình thu: thân hình co nhỏ lại, teo lại.

-- *** --

67.-"TA kể sơ những điều bi-thống - Mẹ no com chật-chội khó-khăn - Khi ra đời đau-đớn vô ngần - Cát tiếng khóc nếm mùi dương-thế".

Luận giải: (dòng 19 tới 22, trang 124)

Người kể sơ những điều đau khổ: lúc mẹ ăn no thì bụng đầy chèn ép bào thai chật chội hết sức khó chịu, vừa rời bụng mẹ liền bị sức ép của không khí bên ngoài làm đau rát da thịt nên phải khóc la.

Nghĩa chữ khó:

Bi thống: đau đớn, đau khổ lắm.

Dương thế: chỉ cõi đời, thế giới con người.

Vô ngần: không gì sánh bằng.

-- *** --

68.-"Đoạn LÃO khổ thứ nhì xin kể - Từ trẻ thơ đến tuổi thành nhân - Hết tráng-cường đến lúc mòn thân - Răng lằn rụng lưng cong gối mỏi - Nằm đi đứng đỡ nung chống chỏi - Thử nghĩ coi lao nhọc cùng chẳng"?

Luận giải: (dòng 23 tới 28, trang 124)

Già yếu là phần **khổ thứ nhì** xin kể: từ tuổi nhỏ đến khi lớn khôn, hết thời sức khoẻ tràn đầy là tới lúc thân thể suy yếu hao mòn, răng lằn rụng, lưng cong gối mỏi, việc nằm ngồi, đi đứng đều phải đỡ nung, chống chỏi. Hãy suy nghĩ kỹ, như vậy phải khổ hay chẳng?

Nghĩa chữ khó:

Tráng cường: *mạnh mẽ, sức khoẻ dồi dào.*

Mòn thân: *sức lực hao mòn, thân thể ốm yếu.*

Lao nhọc: *khổ cực và mệt mỏi.*

-- *** --

69.-"Đoạn thứ ba ma BỊNH làm nhặng - Đeo hành phạt xác thân ô-úế - Bối thời-thể chuyên xây biến-thể - Thêm uống ăn chẳng được điều-hòa".

Luận giải: (dòng 29 tới 32, trang 124)

Khổ thứ ba là **đau ốm**, nhiều thứ bệnh hành hạ thân xác, lắm khi dơ bản khó chịu. Gặp thời tiết thay đổi làm xương cốt đau nhức, mệt mỏi ăn uống không ngon miệng, vì không ngon miệng nên việc ăn uống không còn chừng mực, khi sớm, lúc muộn.

Nghĩa chữ khó:

Bệnh làm nhặng: *đủ thứ bệnh hành đau đớn khó chịu.*

Ô úế: *dơ bản.*

Thời thể chuyển xây biến thể: *tình thế, hoàn cảnh, thời tiết thay đổi.*

Điều hòa: *có chừng mực, bình thường, dễ chịu.*

-- *** --

70.-"Là nguyên-nhân căn bệnh phát ra - Thân trần-trọc hôn-mê nhức-nhối - Con bệnh hoạn càng không tránh nổi - Còn mang thêm tật nợ tật kia".

Luận giải: (*dòng 1 tới 4, trang 125*)

Mấy điều vừa kể là nguồn gốc sanh ra bệnh mà đời người không ai tránh khỏi. Khi bệnh thì thân mình đau nhức, nằm ngòì khó yên, lằm lức mê man chẳng tỉnh. Có lằm bệnh không trị được phải chịu hư mất một vài bộ phận trên người, thành mang tật, có khi mang nhiều tật khác nhau.

Nghĩa chữ khó:

Nguyên nhân: *nguồn gốc, lý do.*

Căn bệnh: *nguyên nhân, nguồn gốc của bệnh.*

Trần trọc: *trần trở, nằm không yên, không ngủ được.*

Hôn mê: *mê man không còn hay biết.*

Tật: *một phần của thân thể mất; hư không dùng được.*

-- *** --

71.-"Rời từ đây đến lúc chia lìa - Đoạn TỬ khổ thứ tư phân giải - Trên dương-thể hữu hình tắc hoại - Có sanh ra khổ-hải đâu chừa - Trải bao phen dải (*dãi*) gió dầm mưa - Ngày kiệt sức huyền thân tan-nát".

Luận giải: (*dòng 5 tới 10, trang 125*)

Khi sức tàn, lực kiệt, xuôi tay nhắm mắt, tức lìa xa nhau không bao giờ gặp lại, đây, giải thích phần **khổ thứ tư** vì **chết**. Hễ có thân hình là phải hư rã, đó là luật tự nhiên của trời đất, con người không ai ngoại lệ, nên thân giả tạm này theo tháng năm trải nắng mưa, dầm sương gió, tất phải có ngày hao mòn rồi tan nát.

Nghĩa chữ khó:

Chia lìa: mỗi người một nơi; kẻ chết người sống.

Phân giải: phân tách lý lẽ ra rồi giải thích rõ ràng.

Hữu hình tắc hoại: có thân hình là phải hư nát.

Khổ hải: biển khổ. **Khổ:** đắng, khó chịu; chỉ đời sống cực, vất vả, khó khăn. **Hải:** biển. Chỉ nỗi khổ của người đời nhiều như nước biển.

Kiệt sức: cạn sức, hết sức lực.

Huyễn thân: thân giả tạm, không có thiệt (sự kết hợp tạm bợ của đất, nước, lửa, gió)

-- *** --

72.-"Gần hấp-hối tâm-thần xao-xác - Trí vẫn-(vẫn) vợ kinh-sợ vô cùng - Rồi mòn dần đến lúc lâm-chung - Giã cõi tạm theo đường tội phước".

Luận giải: (dòng 11 tới 14, trang 125)

Con người khi hấp hối thì tâm thần dao động, trí óc bối rối, lúng túng hồi hộp lo sợ, rồi hơi thở yếu dần đến dứt luôn. Bây giờ, phần hồn rời thân xác đi nhận sự thưởng phạt theo đường tội hay phước.

Nghĩa chữ khó:

Hấp hối: hơi thở mỗi mòn dần, sắp chết.

Tâm thần: tâm trí và tinh thần; là ý thức, sự hiểu biết.

Xao xác: lay động, lúc sắp chết tâm thần rất dao động và mất hết sáng suốt.

Trí vẫn vơ: ý nghĩ lúng túng, lẫn lộn không đầu đuôi.

Lâm chung: vừa dứt hơi thở, vừa chết.

Giã cõi tạm theo đường tội phước: khi dứt hơi thở, phần hồn đi nhận sự thưởng hay phạt tùy theo tội hoặc phước đã làm lúc sống.

-- *** --

73.-"Nhiều phương thuốc ngừa sau ngăn trước- Mà cũng không thoát luật tuần-hườn - Dầu ẩn nơi cùng cốc thâm sơn - Chẳng trốn lánh tử thần cho khỏi".

Luận giải: (dòng 15 tới 18, trang 125)

Dầu có thầy giỏi thuốc hay cũng không thoát khỏi cái chết theo luật tuần hườn, cho dầu ẩn lánh chốn rừng sâu hay ở trong hang cùng hóc núi cũng không trốn được tử thần.

Nghĩa chữ khó:

Tuần hườn: xoay vần, đi giáp vòng rồi lại chỗ cũ, không ngưng nghỉ, con người cũng vậy, sanh ra rồi chết, lại đầu thai lên làm người rồi lại chết.

Ẩn: dấu tên họ, ở một nơi không muốn ai hay biết. Ẩn cũng có nghĩa trốn, lánh mình ở một nơi kín đáo

Cùng cốc: nơi cuối cùng của hang núi.

Thâm sơn: núi nằm sâu trong rừng khó đi tới.

-- *** --

74.-"Đoạn thứ năm nghĩ-suy tìm-tỏi - CẦU CHẶNG THÀNH những việc thích-ham - Người trên đời ai cũng lòng tham - Muốn phước, thọ, phẩm, hàm, tiền của - Nào vợ đẹp, hầu xinh, là lựa - Không được thì bực-

tức ưu-phiên - Cả tâm thần điêu-đứng đảo-điên -Vậy có phải khổ hay là chẳng*(chẳng)?".

Luận giải: (dòng 19 tới 26, trang 125)

Cầu Không Thành là khổ thứ 5, con người ai cũng ham nhiều phước, sống lâu, có chức quyền, tiền của, vợ lớn vợ nhỏ đều xinh đẹp, áo quần bằng lụa, là, nhung, gấm. **Muốn mà không được** thì râu buồn, đau khổ, ăn ngủ chẳng yên, như vậy phải khổ hay không ? - * *Ấn bản 1998 in **chẳng**.*

Nghĩa chữ khó:

Phước: có chức quyền, giàu tiền của, nhiều may mắn.
Thọ: sống lâu.

Phẩm: cấp bậc quan chức.

Hàm: có chức mà không quyền, có cấp bậc nhưng không có lương, không phải đi làm việc.

Hầu: vợ lẽ, vợ bé.

Lụa, là, nhung, gấm: chỉ các loại hàng đẹp, mắc tiền.

Ưu phiên: lo buồn, có chuyện không vui phải suy nghĩ.

Điêu đứng đảo điên: lo nghĩ không yên, trí óc rối rắm.

-- *** --

75.-"Đoạn thứ sáu BIỆT-LY cay đắng- Người mình thương bỗng lại chia lìa - Khi khóc than nước mắt đầm-đìa - Lúc trông nhớ ruột tằm (tằm) chua xót - Ở thế-gian mấy ai thoát lợt- Nợ gia-đình đeo đấm cần duyên".

Luận giải: (dòng 27 tới 32, trang 125)

Khổ thứ sáu là sự **Chia lìa**, người thân thương bỗng dung phải kẻ nơi này người chỗ khác khó gặp nhau, hay người chết kẻ sống; nhớ thương, mong đợi nhau rồi rắm ruột gan khóc than nước mắt

không khô. Đó là nợ, trên đời này mấy ai tránh khỏi món nợ gia đình, bởi nó là sự đeo đuổi, sự nối tiếp của căn duyên gây từ kiếp trước, khó dứt.

Nghĩa chữ khó:

Biệt ly: không còn thấy được nhau; kẻ chết người sống.

Đầm đìa: cái đầm và cái đìa là nơi nước ứ đọng ở đồng ruộng. Khóc, nước mắt đọng trong con mắt, đọng trên gò má như nước ở đầm, ở đìa, không khô.

Ruột tằm: tơ rối trong ruột con tằm. Chỉ sự rối rắm, lo nghĩ lộn xộn.

Nợ gia đình đeo đấm căn duyên: con người ai cũng có mái nhà, cha mẹ, vợ chồng, con cháu, cùng ở chung. Theo nhà Phật, đó là nợ từ kiếp trước đeo đẳng để đền đáp liền, hay đền đáp cho kiếp trước. Vì có thương yêu nhau mới buồn đau khi gặp nguy hiểm hay phải xa cách. Món nợ này dầu người mưu trí đến kẻ ngu tối, không ai tránh khỏi.

Nợ: vay mượn tiền phải lo trả. Nợ ở đây là các bốn phận phải làm do yêu, thương nên lo đền đáp cho nhau.

Căn duyên - Căn: cội rễ, nguồn gốc. **Duyên:** sự dính líu, níu kéo, liên lạc, nương dựa nhau thành sự việc, như nước liên lạc với gió, có sức hỗ trợ của gió mới gây nên sóng...

-- *** --

76.-"Con nguy nghèo thân thể truân-chuyên - Kẻ lưu-lạc người chờ trông mãi - Cuộc tan hiệp, hiệp tan ân-ái - Đến xong đời để lại sầu ưu - Cái khổ này dầu lăm trí mưu - Cũng chung chịu như người tâm (tấm) tối".

Luận giải: (dòng 1 tới 6, trang 126)

Gặp lúc ngặt nghèo nguy hiểm, lặn đạn vất vả, kẻ phải lưu lạc phương xa, người ở lại, tất cả đều phiền

não, khổ sở. Sum hiệp thì thương yêu đậm đà, khi chết để đau buồn cho thân quyến. Sự thương đau buồn khổ vì tan hiệp trên đời này dầu cho bực tài ba, mưu trí cũng như người ngu tối đều phải chịu giống như nhau.

Nghĩa chữ khó:

Truân chuyên: *lận đận, vất vả, cực khổ.*

Lưu lạc: *lang thang trôi giạt ở xứ xa lạ.*

Tan hiệp: *rã rời ra rời hiệp nhau lại.*

Ân ái: *sự yêu thương gắn bó thân thiết của đôi trai gái.*

Sầu ưu: *buồn rầu, lo lắng.*

Trí mưu - Trí: *con người dùng phần hiểu biết để suy nghĩ, sắp đặt kế hoạch (cách thức, có thứ tự). **Mưu:** tính toán xếp đặt có lớp lang, cốt làm sao hơn được người.*

-- *** --

77.-"Đoạn thứ bảy khổ OAN-TẮNG-HỘI - Hễ thương nhau tất có ghét nhau - Thường tranh đua tiếng thấp lời cao - Chẳng nhẫn nhịn thành ra cừ oán - Muốn tránh xa đừng trông tâm (tấm) dạng - Cứ gặp nhau mắt tựa *(tựa) kim châm - Làm cho người đau-đớn âm thầm - Khổ như thế diễn ra mãi-mãi".

Luận giải: (dòng 7 tới 14, trang 126)

Nghĩa **Oan Tắng Hội**, có thương thì có giận, càng thương nhiều khi giận càng ghét sâu ghét đậm. Trong cuộc sống chung đụng hằng ngày, nếu không khéo nhường nhịn, kẻ lanh lợi ham nói hơn, người thua lý lẽ sanh buồn, giận, rồi thành thù nghịch. Khi đã thù nghịch dĩ nhiên chẳng muốn để hình dáng kẻ thù trong lòng, cũng không muốn thấy mặt nhau, lúc bắt buộc phải đối diện, nhìn mà xôn xang khó chịu

như bị kim châm vào mắt, và như thế cứ âm thầm chịu đau buồn mãi mãi, đó là cái **khổ thứ bảy**. - *
Ấn bản 1998 in tựa.

Nghĩa chữ khó:

Oan-Tảng-Hội: *những kẻ oán ghét, thù nghịch gặp nhau. Cái khổ là phải gặp mặt lại người mình oán ghét.*

Tranh đua tiếng thấp lời cao: *đua, giành nhau để chiếm phần hơn; dùng lời lẽ gai gắt, đả đay hạ nhau.*

Chẳng nhẫn nhịn thành ra cừ oán: *không chịu dần lòng nhịn nhau, tìm lời lẽ nói nặng người cho đã giận, vì vậy mới sanh ra thù oán.*

Tăm: *bọt nhỏ từ đáy nước sôi lên. Dạng:* hình dáng trông xa không rõ. **Tăm dạng** chỉ dấu vết của người.

Mắt tựa kim châm: *thù ghét nhau đến nỗi nhìn nhau khó chịu như bị kim châm vào mắt.*

-- *** --

78.-"Đoạn thứ tám ƯU SẦU lo ngại - Cuộc tan (tang) thương dâu bể cảnh trần - Nghèo thì lo một nỗi nợ nần - Lo đau đói liệu con nhà rách - Buồn duyên số phận mình như sạch - Rầu gia-đình chúng bạn khinh cười".

Luận giải: *(dòng 15 tới 20, trang 126)*

Khổ thứ tám là **Ưu Sầu**, tức buồn rầu lo lắng vì những thay đổi lớn lao bất thường trong đời sống; hoặc kẻ nghèo phải lo trả nợ vay mượn, nào lo cơm gạo, lo tiền che mái nhà để tránh nắng mưa; đói rách thì lo bị người chê cười khinh rẻ, nên đêm nằm than thở buồn rầu số phận mình sao cực khổ, không may mắn như người.

Nghĩa chữ khó:

Lo ngại: lo lắng, suy tính đắn đo, lo việc làm sẽ không có kết quả tốt.

Tang thương dâu bể: ruộng dâu thành biển xanh, chỉ sự thay đổi lớn lao không chừng trong đời. Lấy từ thành ngữ "**Thương hải biến vi tang điền**", theo truyện thần tiên, bà Ma Cô thấy ba lần biển xanh thành ruộng dâu.

Buồn duyên số phận mình như sạch: buồn duyên số mình sao không may, không giàu.

Khinh cười: coi thường, cười chê.

Phụ giải:

Thành ngữ: lời nói gọn dùng giải nghĩa một câu chuyện, một ý nghĩ.

-- *** --

79.-"Giàu thì lo chen lấn với người - Miễn cho được đầy rương đầy tử - Cửa dương thế góp tom bảo thủ - Sợ gian-phi trộm cướp rình-mò- Lo tước quyền cho được thom-tho - Sợ kẻ khó thiếu tiền chẳng trả - Ôi ! Cả sang hèn chẳng ai thông-thả - Sao hơn sanh cứ mãi đắm say".

Luận giải: (dòng 23 tới 28, trang 126)

Còn kẻ giàu lại muốn giàu thêm, đêm ngày tính toán, tìm cách nào cho tiền bạc vô thật nhiều, chất đầy rương, đầy tử, còn theo đòi gặt gao các món tiền cho người nghèo vay mượn mà lòng hồi hộp sợ họ không trả. Tiền của đêm ngày bo bo ôm giấu kỹ, sợ kẻ trộm rình lấy mất. Khi có nhiều tiền rồi lại muốn thêm chức tước để tên tuổi ai cũng nghe biết hầu nở mặt với đời, nên lo lót, kiếm, mua. Như vậy, nghèo hay giàu cũng nào được yên vui thông thả, thế sao người đời chưa tỉnh thức cứ ... ham mê.

Nghĩa chữ khó:

Chen lán: dùng sức chen lán để giành được chỗ tốt.

Nghĩa bóng: lo làm giàu ...

Bảo thủ: giữ gìn khư khư sợ mất.

Gian phi: trộm cắp, gian tham.

Lo tước quyền: chạy chọt mua chức tước.

Kẻ khó: người nghèo thiếu đủ thứ, cuộc sống khó khăn.

Sang: cao quý, có cuộc sống dư giả.

Hèn: tầm thường, thấp kém.

Chức tước: quyền hạn trong bộ máy cầm quyền.

Nhơn sanh: con người, cuộc sống của con người.

Đắm say: mê thích quá đến không còn biết lẽ phải.

-- *** --

**80.-"Chẳng tu thânặng dựa Phật-Đài - Cho
thong-thả hưởng mùi Sen báu - Thần-thức
nhập Thai-Sen tinh-hảo - Nên khỏi màng lo
nỗi khổ sanh".**

Luận giải: (dòng 29 tới 32, trang 126)

Sao không lo tu hành cho thân được nương tựa đài sen của Phật. Khi lòng nhuần thấm từ từ Đạo Pháp thì quả Bồ Đề hiển lộ, tức Giác ngộ. Hành giả sẽ thấy tinh thân thanh thản nhẹ nhàng. Khi từ giả cõi đời, linh hồn sẽ nhập nụ Sen tốt nhứt thành người, khỏi qua chặn đường sanh nở khổ đau.

Nghĩa chữ khó:

Thần thức: phần hồn, linh hồn.

Thai Sen - nghĩa bóng: được sanh về cảnh Phật. Sen là hoa trong sạch nhứt, không nhiễm do, tuy ở nơi bùn nhưng không dính bùn và ong bướm cũng không đậu trên hoa sen, nên chư Phật, chư Bồ Tát dùng hoa sen làm biểu hiệu chỗ đứng, ngôi.

Tinh hảo: trong sạch và tốt đẹp nhứt.

81.-"Thân thì Thân Công-Đức hiền lành - Bất di dịch khỏi vì khổ lão - Thễ Thanh-Tĩnh thường không huyên-náo - Hết lo toan nắng lạnh gió mưa".

Luận giải: (dòng 1 tới 4, trang 127)

Ttrong đời sống, thân xác nhờ tạo nhiều Công Đức, thễ tánh luôn ngay thật hiền lành, tinh thần lúc nào cũng sáng trong, yên tĩnh, thì khỏi phải lo gió lạnh, nắng mưa, cũng chẳng ngại khổ đau vì Già yếu.

Nghĩa chữ khó:

Công đức: xin xem số 24.

Bất di dịch: không đời đổi.

Thễ thanh tịnh: thễ tánh vốn trong sạch.

Huyên náo: ồn ào, lộn xộn.

-- *** --

82.-"Khổ bệnh kia bởi đó mà chừa - Ta thoát cuộc lao-đao vì nó - Đường sanh-mạng PHẬT, ta đồng thọ - Tánh an-nhiên bất diệt trường tồn - Tử-Thần kia đâu dám dất hồn - Thoát luân-chuyển khỏi đeo khổ tử".

Luận giải: (dòng 5 tới 10, trang 127)

Nhờ thễ tánh thanh tịnh nên không lao đao vì khổ bệnh. Trong tâm lúc nào cũng có Phật thì thần trí trong sáng, nhẹ nhàng thanh thản, không buồn phiền lo nghĩ, đó là cảnh giới Niết Bàn, người đạt đến trình độ đó chẳng bao giờ tử thần dám dất hồn, khỏi phải chịu khổ chết rồi luân chuyển sáu đường.

Nghĩa chữ khó:

Lao đao: lận đận, khó khăn.

Phật, ta đồng Thọ - Thọ: sống lâu. **Nghĩa bóng:** khi đạt Đạo sẽ sống lâu ngang bằng với Phật.

An nhiên: thư thái, bình tĩnh, không lo nghĩ việc gì.

Bất diệt trường tồn: không mất, còn mãi mãi.

Luân chuyển: *Luân* là bánh xe. **Chuyển:** lăn đi, có nghĩa *Luân hồi*. Xin xem số 21.

Phu giải:

Niết Bàn: *Nirvâna* (scr) đọc trọn **Niết Bàn Na**, cảnh giới của nhà tu dứt sạch phiền não.

Niết: *Nir* (scr) là ra khỏi. **Bàn** hay **Bàn na:** *Vâna* (scr) là rừng. Tức ra khỏi cảnh rừng mê tối phiền não.

-- *** --

83.-"Cuộc y thực muốn chi đủ thứ - Không nhọc-nhần lo việc sinh nhai -Trí yên nhàn nhìn cảnh Phật-Đài - Khởi quả khổ mưu cầu bất-đắc".

Luân giải: (dòng 11 tới 14, trang 127)

Việc ăn mặc và sanh sống không cần phải quá nhọc nhàn lo nghĩ, chỉ cần tạm đủ để an vui thông thả. Bởi không tham, không tranh danh giành lợi nên khỏi phải chịu cảnh khổ vì **muốn mà không được**.

Nghĩa chữ khó:

Y thực: về ăn mặc.

Nhọc nhàn: vất vả, cực khổ.

Sanh nhai: làm lưng kiếm miếng ăn, làm để sống.

Mưu cầu bất đắc: muốn mà không được.

-- *** --

84.-"Cả Hải-Chúng thấy đều vững chắc - Toàn dân lành đâu có dẫn-đo - Dứt ái-ân quyền thuộc chuyện-trò - Thoát sống khổ thương yêu, ly-biệt".

Luận giải: (dòng 15 tới 18, trang 127)

Tất cả chung một niềm tin cùng nhau học Phật, mọi người đều sống hiền hoà thì đâu có dẫn đo lo việc hơn thua ; không bận bịu buộc ràng gây thân thích mến thương nên khỏi phải khổ đau khi ly biệt.

Nghĩa chữ khó:

Hải chúng: các người cùng tu một đạo, chung môn phái, bởi số người hòa hiệp với nhau quá nhiều, nhiều như nước biển, sóng biển, nên gọi là hải chúng.

Đẩn đo: cân nhắc, so sánh sự việc phân biệt lợi hại.

Ái ân: nghĩa thông thường là tình yêu, ân nghĩa giữa trai và gái, nhưng nơi đây chỉ sự ràng buộc tình nghĩa, thương yêu quyến thuộc.

Quyên thuộc: trong vòng bà con dòng họ.

Ly biệt-Biệt ly: rời rã, khó gặp lại; kể chết người sống.

-- *** --

85.-"Chữ Hoà-Thuận kể sao cho xiết - Tâm đồng nhau thượng-thiện vui-vậy - Cảnh như như chẳng có đổi thay - Không màng biết phân chia nhơn-ngã - Sẵn vị-ngôi * (ngôi vị) rành phân thượng hạ - Khỏi khổ câu oán ghét gặp nhau". - * Ấn bản 1998 in ngôi vị.

Luận giải: (dòng 19 tới 24, trang 127)

Tất cả hiền lành, ai nấy đều thành thật thương mến, nhân nhượng, cảm thông với nhau, không có sự phân chia ta với người, biết kính bực trên nhường kẻ dưới. Nếu cuộc sống được luôn luôn hoà thuận như vậy, đừng bao giờ thay đổi, thì làm gì có chuyện oán thù để phải nhìn mặt nhau mà khó chịu như bị gai đâm mắt !?

Nghĩa chữ khó:

Hoà thuận: *hợp tánh tình, nhân nhượng chịu ý nhau, sống yên vui với nhau.*

Tâm đồng nhau thượng thiện vui vầy: *tâm ý giống nhau, hợp nhau, trên, dưới đều hiền lành và thành thật kính mến, thương yêu nhau.*

Nhơn ngã: *sự chia biệt giữa người với ta.*

Thượng hạ: *trên dưới; cũng là sự chia biệt.*

-- *** --

86.-"Thân tâm thường-trụ hết rạt-rào - Chất thô-trọc tiêu tan mất cả - Cõi Tịnh-độ lẫm điều thanh-nhã - Khổ, buồn, rầu, lo, sợ chẳng còn".

Luận giải: *(dòng 25 tới 28, trang 127)*

Giữ thân tâm ổn định, không biến đổi, chẳng sai khác, lòng ngay thẳng sạch trong thì hư xấu đâu có cơ hội phát sanh, sẽ không còn thấy bút rứt khó chịu. Cuộc sống thanh nhàn tươi sáng đó khác nào ở cõi Tịnh độ, đâu còn đau khổ, buồn lo nữa.

Nghĩa chữ khó:

Thường trụ: *luôn ổn định, không thay đổi.*

Rạt rào: *lòng lầy, lòng dạ bút rứt khó chịu.*

Thô trọc: *dơ, xấu.*

Thanh nhã: *đẹp và lịch sự; trong sạch.*

-- *** --

87.-"Chôn Ta-bà tìm lụn dầu mòn -Thân tứ-đại của người cũng thế - Mau thức-tĩnh tu-thân kéo trễ - Đến tội rồi mới hối muộn-màng".

Luận giải: *(dòng 29 tới 32, trang 127)*

Ai cũng muốn thoát khỏi chôn Ta bà khổ sở này, nếu chưa tỉnh thức tập tánh tu tâm thì sự mong đợi đó sẽ giống như ngọn đèn cạn dầu, tìm lụn rồi tắt. Thân tứ đại của người đời cũng vậy, phải chịu luật tự nhiên hư mòn tan rã. Kiếp sống quá ngắn ngủi nếu chẳng sớm lo tu để đến lúc cuối cùng có hối hận thì đã muộn rồi.

Nghĩa chữ khó:

Tứ đại: thân người đời kết hợp bởi Đất-Nước-Lửa-Gió.

Thức tỉnh: biết sai làm mà từ bỏ, sửa đổi. Thức dậy sau giấc ngủ mê.

Hối: ăn năn vì lỡ làm, tiếc vì đã làm sai, quyết sửa đổi..

-- *** --

88."Chi cho bằng ta sớm lo toan - Gìn giới-luật nghe KINH trọng PHẬT - Đến lâm-chung quả lành đâu mất - Cõi Tây Phương chư PHẬT đợi chờ".

Luận giải: (dòng 1 tới 4, trang 128)

Biết đời sống con người ngắn ngủi còn phải lận đận trải qua bốn chặn đường: Sanh-Già-Bệnh-Chết, thì sao ta không sớm lo tu, giữ gìn giới luật, siêng năng học Kinh Kệ, kính cẩn thi hành lời Phật dạy, chắc chắn sẽ có kết quả tốt, lúc lâm chung hồn linh được về cõi an vui vì Chư Phật lúc nào cũng mong đợi rước người tu hành hiền đức.

Nghĩa chữ khó:

Giới luật: điều cấm của Đạo, người tu phải tuân theo.

Đến lâm chung quả lành đâu mất: ráng thành tâm tu hành, giữ gìn luật Đạo, siêng năng học hỏi Kinh-Kệ, làm theo lời Phật dạy, ấy là tạo duyên tốt. Nhờ công phu

đó, khi từ giả cõi đời, hồn linh được chư Phật rước về cõi an vui, dứt nẻo luân hồi.

-- *** --

89.-"Việc tu thân thiện-tín hằng hờ - Chừng họa đến e cho khó tránh - Môn Tịnh-độ là phương cứu cánh - Rán phụng-hành kéo phụ PHẬT xưa".

Luân giải: (dòng 5 tới 8, trang 128)

Tu Phật mà không siêng học hỏi giáo lý, không sửa tánh răn lòng, chừng tai họa đến e cho khó tránh. Môn Tịnh độ là cách tu mau có kết quả tốt, vì mục đích niệm Phật là ngăn chận ý niệm xấu phát sanh từ **Thân - Miệng - Ý**, và cũng là phương cách tiêu trừ **Tham - Sân - Si**, dọn đường đi đến cứu cánh của đạo Phật. Đó là điều chư Phật đợi mong.

Nghĩa chữ khó:

Thiện tín: nam, nữ có lòng lành, tin Phật, thươngThầy mến Đạo, vẫn ở nhà làm ăn vừa tu học.

Hằng hờ: thờ ơ, không sốt sắng, không để ý tới.

Môn Tịnh Độ: Phép tu Tịnh độ. Xin xem số 9.

Cứu cánh: kết quả, cái rốt ráo của một việc làm.

Phụng hành: vâng lệnh và làm y theo.

Phụ: làm trái với hẹn ước. Nghĩa ở đây là không làm vui lòng, phụ sự mong đợi của chư Phật.

-- *** --

90.-"Lòng từ-bi chẳng quản nắng mưa - Xông thuyền giác rước đưa sanh-chúng - Trong một nước nhân tài hữu dụng - Kẻ tu hành đa phước thì nên - Quyết trau thân tánh hạnh cho bền - Niềm ơn nghĩa toan đền dứt nợ".

Luận giải: (dòng 9-14, trang 128)

Vì nặng lòng thương chúng sanh, **Người** không kể gì nắng mưa cực khổ, đem mỗi Đạo lành đi khắp nơi khuyên dạy để cứu độ người đời. Theo thói thường, nước nào cũng vậy, kẻ có tài thường được yêu dùng, nhưng người tài mà biết tu, có đức độ thì vẫn quý hơn. Một nhơn tài mà tâm bất chánh thì không bằng một người tầm thường. Bởi vậy đừng bao giờ xao lãng sửa tánh trau thân, và điều ơn nghĩa phải rán lo đáp đền trọn vẹn.

Nghĩa chữ khó:

Thuyền giặc: *nghĩa bóng chỉ bực giặc ngộ, đã vượt qua mọi đau khổ và ham muốn của đời, nhà Phật ví đời là biển khổ, đạo Phật như chiếc thuyền đưa người chon tu qua biển khổ.*

Nhân tài hữu dụng: *kẻ có tài nhiều người tin dùng.*

Quyết trau thân tánh hạnh cho bền: *không ngừng sửa đổi và làm tốt hơn. Về thân:* ăn mặc, đi đứng, nói chuyện, lúc nào cũng giữ đứng đắn. **Về tánh hạnh** phải thẳng ngay, thành thật, đối xử dịu dàng, hoà nhã không để mất lòng ai.

Ơn: *sự thương yêu, sự giúp đỡ của người đối với mình.*

Nghĩa: *chữ nghĩa ở đây là đối đãi tốt với người giống như người đã đối đãi tốt với mình, đó gọi là nghĩa.*

-- *** --

91.-"Ao sen báu Tây-Phương đua nở - Chờ chúng-sanh niệm PHẬT chí tâm - Rán tu cho quả khiếp thần khâm - Được tâm phát Bồ-Đề vững chắc".

Luận giải: (dòng 15 tới 18, trang 128)

Sen bấu ở Tây phương đua nở chờ chào đón người tu niệm thẳng ngay. Giữ vững lòng cầu đạo, quyết tâm, chặt dạ tu hành đạt đến giác ngộ thì chẳng những quỷ ma khiếp sợ mà thần cũng kính phục.

Nghĩa chữ khó:

Chí tâm: *hết lòng làm một việc gì; rất có lòng.*

Thần khâm: *thần kính phục.*

Tâm phát Bồ Đề vững chắc: *lòng quyết định tu đến thành Đạo, không thối chí ngã lòng bỏ cuộc nửa chừng.*

Bồ đề: *nghĩa Giác - Giác ngộ, xin xem số 4.*

-- *** --

92.-"Giữ đưng cho Ma-Vương dẫn-dắt-Thường nhớ câu Đại-Lực, Đại-Hùng - Thắng Thất-Tình giữ vẹn Đạo-Trung - Trừ Lục-Dục chó cho ô nhiễm - Thập-Tam Ma diệt bằng trí-kiếm - Rút xong rồi vô sự thanh-thời".

Luân giải: *(dòng 19 tới 24, trang 128)*

Lúc nào cũng sửa tánh răn lòng, làm lành lánh dữ, rèn luyện tinh thần vững mạnh, học gương Đại Lực Đại Hùng của Đức Phật thì chúa loài ma cũng phải kiêng sợ tránh xa. Việc tu hành nên giữ mức trung dung, không ép thân xác nhiều mà cũng đừng nuôi dưỡng thân xác sung sướng thái quá, dùng nghị lực và lý trí như xử dụng gươm bén tiêu diệt Thất Tình Lục Dục. Đẹp xong 13 con ma đó lòng mới thanh thân an vui.

Nghĩa chữ khó:

Đại lực: *sức khoẻ mạnh mẽ, ý chí thật vững chắc.*

Đại hùng: *dũng khí lớn - sức lớn mạnh của tinh thần. Đối với người tu học Phật, ý nghĩa Đại hùng, Đại lực là*

chỉ về ý chí cương quyết và sức mạnh tinh thần của Đức Phật, Ngài đã dứt khoát bỏ ngôi vị Thái tử, đem tình thương yêu như loại thay thế tình yêu thương cha mẹ vợ con, bền gan chịu đựng bao nhiêu khó khăn cực khổ trên đường tìm Đạo, không thối chí ngã lòng.

Thất tình: 7 thứ tình: *mừng - giận - thương - vui - yêu - ghét - ham muốn.*

Đạo Trung: đạo trung dung, không ép xác mà cũng không nuôi dưỡng xác thân quá kỹ.

Lục dục là sáu sự ham muốn của con người:

1/- **Sắc dục:** ham muốn màu sắc tươi tốt hay sắc đẹp của kẻ nam người nữ,

2/- **Hình mạo dục:** mê hình tướng tốt tươi, mặt mày xinh đẹp của người khác phái,

3/- **Oai nghi tư thái dục:** mê tướng đi, đứng, nằm, ngồi, nụ cười, dáng điệu người khác phái,

4/- **Ngữ ngôn âm thanh dục:** nghe lời êm dịu, câu ca tiếng hát rồi mê say, ham muốn,

5/- **Tế hoạt dục:** thấy da thịt mịn, trắng trơn tru của người khác phái mà ham muốn,

6/- **Nhơn tướng dục:** thấy cốt cách cao sang lịch sự của người mà ham mê.

Thập tam Ma: *thất tình* và *lục dục*. (7 thứ tình và 6 ham muốn cộng thành 13 con ma)

Phu giải:

Cương quyết: làm đến nơi đến chốn quyết không thay đổi ý định, không thối chí ngã lòng.

Dứt khoát: xong; không còn vương vấn.

Trí kiêm là gươm trí huệ.

Trí huệ: thấy xa, hiểu biết rộng, thông minh sáng suốt.

Nghị lực: ý chí vững mạnh, không bị trở ngại làm thay đổi quyết định.

Lý trí: lý là đạo lý, trí là sự sáng suốt để suy xét. Dùng nghị lực và lý trí như gương, như kiếm bén chặt đứt mọi cám dỗ (bị dụ dỗ làm cho xiêu lòng nghe theo).

Thanh thần: lòng nhẹ nhàng thoải mái, không lo nghĩ.

-- *** --

93.-"Biển hồng-trần lao-ly diệu voi - Xô đẩy mãi trong vòng Ngũ-Trực - Thân hôi tanh muỗi, ruồi đón rước - Thêm nhọt u, ghẻ lác (lác), phung cùi- Đầu lúc nào toàn vẹn yên vui - Là KIẾP-TRỰC, TA xin kể trước".

Luân giải: (dòng 25 tới 30, trang 128)

Con người đang chơi với sắp chết đuối giữa biển trần khổ, bởi không biết theo chánh Đạo tu học tìm đường giải thoát, để cuộc sống cuốn lôi xô đẩy vào vòng Ngũ Trực của biển khổ mình mông không bờ bến ở cuộc đời này, rồi thân thể bị các thứ bệnh u, nhọt, ghẻ, lác, phung cùi hành hạ đến thân hôi làm mồi cho ruồi muỗi. Hãy lắng lòng suy nghĩ xem đời người có lúc nào được yên ổn vui vẻ hoàn toàn đâu, đó là **Kiếp Trực** mà **Người** kể trước.

Nghĩa chữ khó:

Hồng trần: bụi hồng, chỉ cõi đời bụi cát dơ bẩn.

Lao lý: là cảnh tù tội, bị giam cầm khổ sở.

Diệu voi: phải chăng chữ ghép: **diệu voi** và **chơi voi** ?

Diệu voi: xa xôi, cách trở. **Chơi voi:** giữa khoảng nước mông mênh không chỗ bám víu. Hai chữ ghép lại thành **Diệu voi**, có nghĩa con người ngụp lặn chơi với giữa biển khổ mình mông không chỗ bám níu, sắp chết đuối.

Ngũ trực: 5 thứ dơ ở cõi ta bà: **Kiếp trực, Kiến trực, Phiền não trực, Chúng sanh trực và Mạng trực:**

- 1.- **Kiếp trước:** *thân thể hôi tanh vì bệnh ghẻ lở,*
 2.- **Kiến trước:** *nhìn chỗ sai quấy, hung dữ, hiểu tà vạy, lầy sai làm phải, bỏ chánh theo tà, đảo điên tư vị,*
 3.- **Phiền não trước:** *lòng người chứa đầy tham lam, hiểm độc, hờn giận, mê muội ngu si,*
 4.- **Chúng sanh trước:** *mê tối, đại dột làm nên tội lỗi phải chịu luân hồi,*
 5.- **Mạng trước:** *số giàu, sang, họa phước, nghèo khổ.*
Giàu: *gái trai quan hệ xác thịt bừa bãi, ưa đẹp mắt, ưa của mới lạ.* **Sang** *thì hống hách, hối lộ.* **Nghèo** *thì trộm cướp, a dua, nịnh bợ...*
Nhot u, ghẻ lác: *các bệnh nổi u nổi cục lở lói ngoài da.*
Phung cùi: *da sần sùi ròi lở, chảy máu, mủ, rụng lông từ lông tay, hư mất xương sống mũi.*

Phu giải:

Chối vói: *hụt chơn, không nơi bám víu, vùng vẫy.*

-- *** --

**94.-"Dòm việc quấy ngấm điều bạo ngược -
 Mắt trông vào những chỗ đê-hèn - Nào được
 xem cảnh báu đài sen - Nghĩa KIẾN-TRƯỚC
 giải ra như vậy".**

Luân giải: *(dòng 31-32, trang 128 và 1-2, trg 129)*

Mắt ưa nhìn những việc sai trái, cảnh hung ác ngang ngược cùng các chỗ như bản thấp hèn nên không thể đến được nơi trong sạch để vui hưởng an nhàn nhìn xem bốn mùa sen báu ngào ngạt hương thơm, nghĩa **Kiến Trước** giải ra như vậy.

Nghĩa chữ khó:

Bạo ngược: *hung ác, ngang ngược, hành động ác độc.*

Đê hèn: *thấp kém, bị người đời khinh khi.*

Đài sen: *tòa sen. Nghĩa bóng: chỉ nơi an vui thông thả.*

95.-"Trí vẫn-(vẫn) vợ tưởng đó nhớ đây - Thiết mưu-kế toan bề thắng-thối - Ghi thù oán chường điều đáp đối - Nên ma PHIÊN-NÃO TRƯỚC đấm say".

Luận giải: (dòng 3 tới 6, trang 129)

Tâm trí mãi vẫn vợ suy nghĩ, miên man tưởng nhớ việc này chuyện nọ, bụng dạ luôn lập mưu sấp kế tính toán điều hơn lẽ thiệt, không biết tha thứ, xả bỏ, lúc nào cũng tranh giành hơn nhau từ lời nói, nếu thua sút là ôm giữ việc oán thù nên bị ma **Phiên Nảo Trước** nhận chìm trong mê tối.

Nghĩa chữ khó:

Trí vẫn vợ: suy nghĩ lẩn quẩn, loanh quanh, lúng túng. Tưởng nhớ hết việc này qua chuyện khác không dứt

Thiết mưu kế: tính toán xếp đặt việc làm có thứ tự, nhằm gài cho người thua trí mình.

Toan bề thắng thối: suy nghĩ thấy việc có lợi mới làm, nếu nghi ngờ thua thì dừng lại. Tính toán hơn thua.

Ghi thù oán chường điều đáp đối: mãi ghi nhớ, ôm giữ, chất chứa trong lòng các điều trái ý, quyết không nhịn thua, ngày đêm nuôi, tính làm sao hơn được người.

Đấm say: mê say đến mất khôn, không còn tỉnh táo.

-- *** --

96.-"Chuyển luân trong nhân vật các loài - Cẩn mờ-ám làm điều đại-dột - CHÚNG-SANH TRƯỚC, TA đà kể nốt".

Luận giải: (dòng 7 tới 9, trang 129)

Vì làm điều xấu ác thuở trước nên ngày nay mới tới tam mê dốt, và do ngu dốt không biết cân nhắc nghĩ suy nên gây thêm tội lỗi để rồi phải chịu luân hồi

sáu nẻo, lẫn lộn mãi trong chúng sanh muôn loài, đó là **Chúng Sanh Trược**.

Nghĩa chữ khó:

Chuyển luân: hay **Luân hồi:** xin xem số 21.

Căn: Theo nhà Phật là gốc rễ, cội nguồn. Vật chi có sức sanh sôi, nảy nở, có sức làm cho lớn thêm ra, kêu là **căn**. **Căn** cũng là tánh lành hay tánh ác thúc đẩy con người làm việc lành hay làm việc ác, tức là cái tánh, sự quen thuộc, sự ô nhiễm từ những đời trước.

Chúng sanh: xin xem số 60.

-- *** --

97.-"Còn thứ năm là MẠNG TRƯỚC trung - Số giàu-sang, họa phước, bản-cùng - Giàu hoa-nguyệt thung-dung cầu-thả - Uả đẹp mắt mền điều mới lạ - Sang oai quyền hoi-lộ gần xa - Nghèo a-dua, bợ-đỡ nịnh tà - Khó trộm cướp cũng là như xấu".

Luân giải: (dòng 10 tới 16, trang 129)

Giàu sang, hay họa phước hoặc nghèo khổ đều do căn duyên. Cũng vì căn duyên dẫn dắt người giàu nuôi những nghĩ tưởng ăn chơi gái trai bừa bãi, chạy theo điều mới lạ không kể gì đạo lý; mặt khác, khi có nhiều tiền liền muốn được sang, thêm oai quyền nên lo tìm mua chức tước. Một số không ít kẻ nghèo bán rẻ lương tâm danh dự, nịnh hót bợ đỡ người quyền thế để kiếm lợi kiếm tiền, có khi quá túng thiếu làm liều đi trộm cướp, tất cả hư xấu vừa kể là **Mạng Trược**.

Nghĩa chữ khó:

Căn duyên: căn tánh và non duyên. Xin xem số 75.

Họa: chuyện không may, gặp việc xấu có hại.

Phước: được may, vui, tốt, nghịch nghĩa với họa.

Bần cùng: quá túng thiếu, không đủ ăn, đủ mặc.

Hoa nguyệt: hoa và trăng, chỉ về chuyện trăng hoa, tình yêu không đứng đắn của trai gái.

Thung dung: thong thả, không bận rộn lo lắng.

Cẩu thả: bừa bãi, không giữ đạo đức, không đứng đắn.

Hồi lộ: lo lót, dâng của tiền kén đáo cho người có quyền thế để xin ân huệ.

A dua: nói hùa theo người có quyền thế không cần biết đúng hay sai.

Bợ đỡ: tâng bốc, lấy lòng người có quyền thế.

Nịnh tà: nói hùa theo, đâm thọc, thêm bớt một cách hèn hạ để hại người.

-- *** --

98.- "Nguyện cùng PHẬT dứt duyên trần-cầu - Phải trừ thêm thập ác huyền thân".

Luân giải: (dòng 17 và 18, trang 129)

Nguyện cầu chư Phật ban ơn cho người đời được đủ đầy nghị lực để dứt bỏ hết phiền não và tiêu diệt mười điều ác của xác thân giả tạm gây ra.

Nghĩa chữ khó:

Nghị lực: sức mạnh tinh thần và ý chí không trở ngại nào ngăn cản nổi.

Trần cầu: cát bụi dơ cùng với phiền não làm tâm trí con người tối tăm nên suy nghĩ lầm lạc.

Huyền thân: thân giả tạm, không bền bỉ.

Thập ác: 10 điều ác:

- 1.- **Sát sanh:** giết hại mạng sống.
- 2.- **Đạo tặc:** trộm cướp.
- 3.- **Tà đâm:** quan hệ xác thịt với người không phải vợ hay chồng mình mà với vợ, chồng kẻ khác.

4.- **Luỡng thiệt:** hai lưỡi, nói đâm thọc, thêm bớt gây thù hận giữa người này với người kia.

5.- **Ý ngôn:** trau chuốt lời nói để hạ thấp người xuống, nhằm vày vò người, làm nhục người.

6.- **Ác khẩu:** lời nói hỗn, hung dữ, độc ác, chưởi rủa, kêu mời Thần Thánh...

7.- **Vọng ngữ:** lời nói có nhiều nghĩa, không thật thà, đâm thọc, nói dối trá.

8.- **Tham hiềm:** quá nhiều ham muốn, thấy của người trong bụng nuôi ý muốn chiếm đoạt.

9.- **Sân nộ:** tánh nóng như lửa, giận hờn, không xả bỏ.

10.- **Mê si:** ngu tối, không hiểu biết lý lẽ phải trái.

-- *** --

99.- "Khuyên nữ nam suy-nghiệm ân-cần - Ác nơi khẩu nhứt là LUỠNG THIỆT - Với người này dùng lời tha-thiệt - Đến kẻ kia đâm thọc cho gây - Khá chừa đi hương-đăng bớt rầy - Dùng sự thiệt giải bày tâm trí".

Luận giải: (dòng 19 tới 24, trang 129)

Luỡng Thiệt, là ác ở miệng, với người này dùng lời êm dịu, tới người kia đặt điều nói thêm bớt, đâm thọc cho gây sự với nhau, **Người** khuyên trai gái nên suy nghĩ mà dứt bỏ thói xấu đó, đừng bao giờ nói sai sự thật, như vậy xóm làng mới được yên ổn.

Nghĩa chữ khó:

Suy nghiệm: suy xét, cân phân việc đúng sai.

Ân cần: đối xử thân mật, châu đáo, sốt sắng lo lắng.

Luỡng thiệt: xin xem số 98/4.

Hương đăng: xóm làng.

-- *** --

100.-"Người choảng nhau tại mình gia vị - Mà cũng không hưởng được lợi danh - Sau rõ ra chúng lại ghét-ganh - Chiêu cảm quả bất lành thêm nữa".

Luận giải: (dòng 25 tới 28, trang 129)

Đặt điều thêm bớt khiến cho người ta gây gổ đến đánh nhau mà ta đâu hưởng được tiền của hay điều tốt lành gì; sau này khi sự thật được phơi bày, chẳng những ta bị nguyên rủa, bị giận ghét, bị khinh khi còn mang thêm tiếng xấu suốt cuộc đời.

Nghĩa chữ khó:

Gia vị: thêm vật liệu vào thức ăn cho thơm ngon, **nghĩa bóng** chỉ việc đặt điều thêm bớt trong câu chuyện.

Lợi: được lời, có tiền của.

Danh: tiếng tăm, tên tuổi được nhiều người biết.

Chiêu cảm quả bất lành: tự gây việc xấu làm cho mình bị dính vào một kết quả không tốt.

Phụ giải:

Nguyên rủa: dùng lời độc ác câu cho người mình ghét bị hại hay chết.

-- *** --

101.-"Ác thứ nhì Ỡ-NGÔN chất chứa - Đợi cho người lầm-lỗi xéo dày (giày) - Của tiền nhiều tự-phụ rằng hay - Chủ ý thể nhiếc xài kẻ dưới".

Luận giải: (dòng 29 tới 32, trang 129)

Ỡ Ngôn là Ác thứ hai, có tiền của, nhiều quyền thế rồi tự cho mình là hay giỏi, coi thường mọi người, đối với kẻ giúp việc trong nhà dùng lời nặng tiếng

nhẹ, nói cay đắng, mắng nhiếc, chưởi bới, xài xẻ không tiếc lời khi họ lầm lỗi.

Nghĩa chữ khó:

Ỗ ngôn: xin xem số 98/5.

Xéo giày: nói nặng lời; xử ác với kẻ dưới tay, với người nghèo khổ.

Tự phụ: cho mình hay, giỏi mà chê bai, khinh khi người thua kém mình.

Quyền thế: quyền hành và thế lực. Xin xem số 17.

-- *** --

102.-"Lắc (lắt) -léo chi có ba tác lưỡì - Quan ỷ khôn mặt-sát dân ngu - Nghèo ỷ lanh láo-xược lu-bù - Ôi ! Thấy thế lòng đau tọt cắt".

Luận giải: (dòng 1 tới 4, trang 130)

Lắm kẻ ỷ khôn, miệng lưỡì lanh nói quanh co, bóng gió, đổi trắng thay đen, hoặc cậy mình làm quan mà nặng lời xài xẻ dân quê ngu dốt, cũng không ít người nghèo hồn hào, nói dối, nói xược lung tung. Ôi! Người thấy thói đời mà lòng đau như dao cắt.

Nghĩa chữ khó:

Lắc léo chi có ba tác lưỡì: lưỡì tuy ngắn (ba tác, tác Tàu ngày xưa) nhưng dễ tráo trở, nói thế nào cũng được, việc hiền nói ra dữ, dễ nói thành khó, ít nói nhiều.

Mặt sát: dùng lời nói nặng, xài xẻ thậm tệ.

Láo xược: vô lễ, hồn hào, nói nặng lời không kiêng nể.

Lu bù: lung tung, lộn xộn, không có thứ tự.

-- *** --

103.-"Khuyên bá-tánh giữ-gìn cho chặt - Đùng để cho quỷ đất đường cong - Dùng từ-

ngôn nói tận đáy lòng - Dầu trên dưới cũng không mấy khác".

Luận giải: (dòng 5 tới 8, trang 130)

Người khuyên dân nên ở ăn ngay thẳng, thật thà, lời nói và việc làm luôn chánh đáng, hợp lẽ phải, đúng với lòng mình, dầu với người trên hay kẻ dưới cũng vậy. Bất cứ ở hoàn cảnh nào cũng giữ vững tinh thần, xử sự theo đạo lý, đừng nhẹ dạ làm điều xấu, tội lỗi, là đi vào đường sai trái, tà vạy của quỷ ma.

Nghĩa chữ khó:

Từ ngôn: lời hiền lành ngay thật của người đạo đức.

-- *** --

104.-"Chúng vô phước đời này dốt-nát - Người khôn-ngoaan chỉ-dẫn mới là - Lời trang-nghiêm êm-ái thốt ra - Đừng bao-biếm mới là nơn- thiện".

Luận giải: (dòng 9 tới 12, trang 130)

Với kẻ ít hiểu biết, ngu dốt, bởi số phần họ không may, thiếu phước đức, ta không nên chê cười, khi dè mà phải thương họ, dùng lời lẽ đứng đắn, dịu dàng chỉ dẫn, như vậy mới là người hiểu biết, hiền và khôn.

Nghĩa chữ khó:

Vô phước: không được may mắn, chịu nhiều rủi ro.

Phước: nhờ kiếp trước làm việc tốt, bố thí, cứu giúp người nên nay được hưởng mọi sự tốt, vui.

Khi dể: coi không ra gì, xem thường, coi như rơm rác.

Lời trang nghiêm: lời đứng đắn, cân nhắc, dịu dàng.

Bao biếm: chê cười, nhạo báng, châm chọc.

Nơn thiện: người hiền lành, tốt bụng, hay giúp người.

105.-"Tới ÁC-KHẨU thứ ba bày-biện - Tiếng tục-tần thô-lỗ hung-hăng - Nào chửi cha, mắng mẹ lằng-xăng - Chẳng kể đến luân-thường thảo-hiếu ...".

Luận giải: (dòng 13 tới 16, trang 130)

Ác khẩu là tội thứ ba, miệng thốt lời độc ác, nói tục tiếu dâm ô, thêm tánh tình nóng nảy, lung lằng, hỗn láo, chửi cha mắng mẹ chẳng kể gì hiếu thảo cùng đạo làm người ...

Nghĩa chữ khó:

Ác khẩu: xin xem số 98/6 .

Bày biện: nghĩa ở đây là bày đặt cho thêm chuyện.

Tục tằng thô lỗ: mất lịch sự; lời tục tĩu, dâm ô dơ bẩn.

Hung hăng: dữ, nóng nảy hay gây chuyện.

Lằng xăng: không đứng hay ngồi một chỗ được lâu, về việc làm thì lộn xộn.

Thảo hiếu: thương yêu, chăm sóc, thờ kính và vâng lời Ông Bà, Cha Mẹ.

Phụ giải:

Luân thường là phép tắc chính, là đạo lý mà con người phải tôn trọng và tuân theo. Theo đạo Khổng, luân thường là nền tảng trong quan hệ đối xử. Luân thường có 5 điều:

1.- Nhân: lòng hiếu thảo; thương và tha thứ người, cứu, giúp kẻ nghèo khó, hoạn nạn; thương và trọng tánh mạng sanh vật.

2.- Nghĩa: làm ngay chánh, trọng lẽ phải, không tư vị; sẵn sàng giúp người hoạn nạn, nghèo khổ; giúp người yếu thế bị hiếp đáp không sợ nguy hiểm,

3.- Lễ: dịu dàng, lễ phép với mọi người, kính trọng người trên, người tuổi cao, nhường kẻ dưới. Lễ còn là

phép tắc đặt ra khếp con người vào khuôn khổ, để đời sống gia đình và xã hội có trật tự, có nền nếp,

4.- Trí: sự hiểu biết, phân biệt, phán đoán điều tốt xấu, trong mọi hoàn cảnh vẫn giữ được sự bình tĩnh sáng suốt, không để lầm lỡ trong cách cư xử,

5.- Tín: tin lẫn nhau và giữ lòng tin của người khác đối với mình. Miệng nói thẳng lòng xét ngay, không bao giờ để sai lạc lời hứa với bất cứ ai.

Lung lẳng: hung hăng, ngang ngược, không chịu nghe lời chỉ dạy đúng.

Hỗn láo: không kể thứ bậc, không lễ phép với người trên, người nhiều tuổi.

-- *** --

106.-"Hãm đánh giết những người hèn yếu - Hiếp xóm-chòm cô bác chẳng kiêng -Trong gia-đình chửi rửa liên-miên - Hết Dương-thế kêu sang THẦN-THÁNH".

Luận giải: (dòng 17 tới 20, trang 130)

... Hung hăng hiếp đáp người thiếu sức, hãm he đánh giết kẻ yếu hèn, vô lễ với bà con cô bác trong chòm xóm; còn trong nhà thì chửi rửa không dứt tiếng, hết réo người trên dương thế tới kêu mời Thánh Thần.

Nghĩa chữ khó:

Kiêng: nề nang, kính trọng. Lời nói dè dặt.

Chửi: dùng lời thô tục nặng nề nói phạm đến ông bà cha mẹ người, hoặc gán cho người những tên thú vật.

Rửa: dùng lời độc trù, mong người chết, hay đau ốm.

Liên miên: liên tiếp không ngừng nghỉ, không dứt đoạn.

Dương thế: thế giới dưới mặt trời. Xin xem số 67.

-- *** --

107.-"Chẳng kiêng nể PHẬT TRỜI thượng cảnh - Cõi Long-Cung mời thỉnh tối ngày - Đòi ám-u tội trạng thăm thay - Khuyên bá-tánh bá-gia rán bỏ".

Luận giải: (dòng 21 tới 24, trang 130)

Không kiêng nể Phật Trời cùng những đấng vô hình ở cõi trên, tối ngày réo kêu mời thỉnh các vị thần sông thần biển, tội lỗi đó thật nặng nề, bởi dân chúng ngu dốt tối tăm, không hiểu biết mới phạm phải. Khuyên người đòi nên suy nghĩ mà ăn năn, chừa bỏ.

Nghĩa chữ khó:

Thượng cảnh: cõi trên, chỉ cảnh giới của Trời, Phật, Thánh, Tiên. Cõi vô hình của những vị khuất mặt.

Long cung: cung điện của các vị vua biển. Theo người xưa, vua biển là rồng.

Ám u - Ám: ngu tối, mê muội. **U:** đen tối mịt mù.

Tội trạng: tình hình phạm tội, lý do đưa đến phạm tội.

Thăm thay: hết sức đau khổ, buồn vô cùng.

Bá tánh: trăm họ. **Bá gia:** trăm nhà, tiếng chỉ chung người trong một nước.

-- *** --

108.-"Gương tổ-phụ còn roi lại đó - Sao không theo nề-nếp gia-phong - Chư THÁNH-THẦN đâu có mất lòng - Mà kêu réo Đông, Tây, Nam, Bắc?"

Luận giải: (dòng 25 tới 28, trang 130)

Gương hay đẹp của Ông Cha còn đó sao không bắt chước, cũng chẳng chịu ở ăn theo trật tự, theo nề

nếp của gia đình; còn các vị Thánh Thần đâu có làm mất lòng mà kêu réo khắp cùng bốn hướng?

Nghĩa chữ khó:

Gương tỏ phụ còn roi lại đó: *việc hay, tốt, anh hùng (bực tài giỏi), của Ông Cha để lại.*

Nề nếp hay nền nếp: *kỷ luật, lễ lối, thói quen tốt đẹp giữ trật tự trong gia đình.*

Gia phong: *nền nếp tốt, lễ lối riêng của mỗi gia đình.*

-- *** --

109.-"Mấy câu trên toàn là ròng-rạc - Những đàn bà khe-khắt cháu con - Kể từ nay phải giữ cho tròn - Không chừa dứt ắt mang tai ách".

Luận giải: *(dòng 29 tới 32, trang 130)*

Mấy câu trên đây là những lời dạy tận đáy lòng; còn các bà tánh tình khó khăn, gắt gao với con cháu, mỗi khi nóng giận miệng hay chửi rủa, mời thỉnh réo kêu Thánh Thần các nơi về trừng phạt cháu con mình, kể từ nay hãy từ bỏ thói xấu đó, rán giữ tròn phận người phụ nữ tốt, mẹ hiền, nếu không chừa nét cũ ắt khó tránh họa tai.

Nghĩa chữ khó:

Ròng rạc: *nước rút khô cạn. Nghĩa bóng chỉ những lời chọn lọc, rớt ráo, dành khuyên dạy riêng cho phụ nữ.*

Khe khắt: *gắt gao, khó tánh, đối xử nhỏ mọn, thắt mắc từng chút.*

Tai ách: *mắc phải tai họa (việc rủi ro có hại cho thân thể, tiền của, danh dự).*

-- *** --

110.-"Lựa lời tiếng dịu-dàng trong sạch - Khi thốt ra đoan chánh hiền từ - Tích thiện thì thường có phước dư - Bằng tích ác họa-ương đeo đấm".

Luận giải: (dòng 1 tới 4, trang 131)

Lời nói phải dịu dàng ý nghĩa trong sáng, ngay thẳng, thật thà. Thường làm việc lành sẽ thấy lòng vui vẻ, nhẹ nhàng còn được thể nhân thương yêu, kính trọng, bằng ngược lại, tánh tình hung ác, gây đau khổ thiệt hại cho người, chắc chắn không tránh khỏi họa tai.

Nghĩa chữ khó:

Đoan chánh: ngay thẳng, đứng đắn.

Hiền từ: hoà huân, ngay thật, thương và sẵn sàng giúp đỡ người; thương cứu sanh vật.

Tích thiện: làm được nhiều điều tốt lành.

Tích ác họa ương đeo đấm: làm điều ác thì tai họa theo như bóng theo hình.

-- *** --

111.-"Ác VỌNG-NGŨ thứ tư cũng cấm - Nói thêm thừa huyễn hoặc đủ điều - Ghét người thời kiếm chuyện dệt-thêu - Thương viện lẽ thấp cao bào chữa".

Luận giải: (dòng 5 tới 8, trang 131)

Vọng Ngũ là Ác thứ tư cũng cấm, đừng thêm lời bót ý, nói sai sự thật; thói thường hễ ghét ai thì đặt điều thêu dệt khiến cho người nghe tức giận, khinh ghét, còn với người mình yêu thương thì tìm đủ lý lẽ binh vực, trau chuốt để cho được khen, hoặc khỏi bị tội.

Nghĩa chữ khó:

Vọng Ngữ: xin xem số 98/7.

Huyền hoặc: nói dối trá, kể chuyện không có thật. Chuyện có nói không, không, nói có.

Đệt thù: chuyện kim chỉ, tử mỉ của phụ nữ. **Nghĩa bóng** chỉ việc khéo thêm bớt trong câu chuyện để người nghe dễ tin, làm cho kẻ mình ghét bị hiểu lầm, bị oán trách.

Bào chữa: tìm đủ lý lẽ bình vực kẻ mình thương để được cho là hay, đúng; khỏi bị bắt tội.

Trau chuốt: lựa lời nói nghe hay, nghe êm đệp.

-- *** --

112.-"Đòi bắt công mấy ai xem sửa - Trên điều-ngoa dưới chẳng phục-tòng - Khuyên nhơn sanh lấy lẽ chí công - Mà ăn ở nói năng chơn chất".

Luân giải: (dòng 9 tới 12, trang 131)

Chuyện đòi có lắm điều không đúng với sự thật, nhưng mấy ai chịu bỏ công xét xem sửa đổi. Người lớn, bực bề trên mà gian dối, nói không giữ lời thì làm sao được kẻ dưới phục tòng. **Người** khuyên thế nhân nên thật thà, ngay thẳng đối xử với nhau.

Nghĩa chữ khó:

Bắt công: không ngay thẳng, bình bên này bỏ bên kia.

Điều ngoa: thêm bớt, việc có nói không, không nói có.

Nhơn sanh: đòi người và cuộc sống. Ở đây chỉ con người đang sống trên đời.

Chí công: thật ngay thẳng, không vì nghe theo quyền lực hay bị tiền bạc mua chuộc mà bình quấy bỏ phải, coi trọng người này rẻ khinh kẻ nọ.

Chơn chất: hiền lành, thật thà, ngay thẳng.

-- *** --

113.-"PHẬT từ-bi độ trong nhơn vật - Là luật kinh dạy rất tinh tường - Nếu chẳng nghe hờn vương tai ương - Chừng ấy mới kêu mời khó rước".

Luận giải: (dòng 13 tới 16, trang 131)

Phật từ bi trải lòng thương độ tất cả chúng sanh, kinh luật dạy rất rõ ràng, nhưng nếu ai không giữ giới gìn lòng đến sau này vương họa tai rồi mới ăn năn, cầu cứu với Phật thì e rằng quá muộn.

Nghĩa chữ khó:

Từ bi: xin xem lại số 3. **Độ:** xin xem số 61.

Độ trong nhơn vật: Phật cứu độ tất cả con người cũng như với tất cả sanh vật.

Kinh - Luật là 2 trong 3 bộ kinh: **Kinh**, **Luật** và **Luận**.

Bộ Kinh: chép những lời Đức Phật giảng giải về lý đạo.

Bộ Luật: ghi những điều răn, các lệ luật nhằm ngăn chặn việc làm sai quấy trong đạo.

Bộ Luận: ghi những điều hỏi đáp, bàn luận về lý lẽ cao sâu của Đạo.

Dạy rất tinh tường: dạy rành rẽ, rõ ràng tường tận.

Tai ương: tai nạn, việc có hại đến sanh mạng, của cải, những chuyện thật buồn.

-- *** --

114.-"Người dương-thế chẳng ưa bóc-xước - PHẬT THẦN nào gần kẻ xảo-ngôn - Đã tu hành đừng có bôn-chôn - Tưởng hay giỏi khoe-khoang tài cán".

Luận giải: (dòng 17 tới 20, trang 131)

Đời chẳng ai ưa hạng người không đứng đắn, Phật Thần cũng chẳng gần kẻ dối gian. Đã quyết ý tu hành thì phải bền tâm rèn chí, chớ nên bôn chôn vội

vã muốn được mau thành Đạo, và cũng đừng bao giờ tự cho mình hay giỏi mà khoe khoang tài cán.

Nghĩa chữ khó:

Bốc xước: *hời hợt, không chính chắn, bạ đâu làm đó, nghe đâu tin đó, không cân nhắc lợi hay hại, đúng sai.*

Xảo ngôn: *nói dối một cách khéo.*

Bôn chôn: *vội vã, lật đật; gặp việc là làm liền không đắn đo cân nhắc kỹ.*

Khoe khoang: *kể cái hay cái giỏi, bày sự giàu sang quyền thế để được người nghe thấy mà khen ngợi.*

Tài cán: *tài và sức làm được việc lớn, hay và giỏi.*

-- *** --

115.-"Người hiểu rành mới càng thêm chán - Chi bằng ta bỏ lối trớ-trêu - Nói với ai cũng phải lựa điều - Đừng tráo-chác cho người khinh dể".

Luận giải: *(dòng 21 tới 24, trang 131)*

Bực hiền đức chánh chơn không khỏi xót xa lòng và ngao ngán trước thói hư tật xấu của phần lớn người đời. Muốn được thế nhân kính trọng, mình phải tỏ ra đứng đắn, đàng hoàng, bất cứ lúc nào, nói với ai cũng cân nhắc lời lẽ, chọn đúng lúc và giữ lấy lời.

Nghĩa chữ khó:

Trớ trêu: *nghư khuấy phá, trêu cợt, làm phiền người.*

Tráo chác: *lừa dối, gạt gẫm, xảo quyệt (khéo nói dối)*

Phu giải:

Ngao ngán: *chán nản, không còn muốn nghe thấy nữa*

-- *** --

116.-"Ác TÀ-DÂM thứ năm càng tệ - Chúa hôn-mê chiếm đoạt thê thần - Làm đảo huyền

**tất cả quốc-dân - Tôi bắt chánh hoàng-cung
dâm loạn".**

Luận giải: (dòng 25 tới 28, trang 131)

Tà Dâm là Ác thứ năm, cái ác này vừa xấu và tai hại vô cùng, vua chúa ngu tối, ham dâm hiếu sắc, dùng quyền lực chiếm đoạt vợ của bầy tôi làm cho người trong nước khinh khi, khiến giềng mối quốc gia xáo trộn, rồi bầy tôi gian nịnh cũng như người thân của vua theo gương xấu đó mà làm điều tồi bại, dâm loạn.

Nghĩa chữ khó:

Ác tà dâm: xin xem số 98/3.

Chúa hôn mê: vua chúa u tối, mê muội, không biết nghe lời khuyên can.

Chiếm đoạt thê thân: dùng quyền lực giật vợ bầy tôi.

Đảo huyền: là treo lộn ngược, làm xáo trộn.

Giềng mối: chỉ trật tự, pháp luật, khuôn phép để giữ gìn đạo lý nước nhà.

Quốc dân: dân cả nước.

Tôi bắt chánh: tôi không đạo đức, không ngay thẳng.

Dâm loạn: quan hệ xác thịt bừa bãi với người không phải vợ hay chồng mình hoặc với vợ hay chồng người khác; với người chung dòng máu (bà con gần).

Hoàng cung: lâu đài, nơi vua và gia đình ở.

-- *** --

117.-"Tội lỗi ấy diễn nhiều thảm trạng - Từ xưa nay Trời đất đâu dung - Giàu của nhiều dâm-hiếp bần cùng - Quan lẩn thế dâm-ô dân khó".

Luận giải: (dòng 29 tới 32, trang 131)

Ác Tà Dâm gây nhiều cảnh đau thương thâm, người giàu ỷ tiền của ép mua thân xác phụ nữ nhà nghèo, quan lấy quyền thế làm hư danh tiết dân đen, tội ác đó xưa nay luật Trời không bao giờ tha thứ.

Nghĩa chữ khó:

Thảm trạng: *tình hình quá thâm, vô cùng đau khổ.*

Giàu của nhiều dâm hiếp bần cùng: *lấy tiền của ép mua trinh tiết (sự trong sạch) phụ nữ nghèo.*

Quan ỷ thế dâm ô dân khó: *quan dùng quyền, cậy thế, chiếm đoạt sự trong trắng của phụ nữ nghèo.*

Phu giải:

Quyền thế: *quyền hành và thế lực. Xin xem số 17.*

Quyền hành: *quyền định đoạt, sai sử mọi việc.*

Dân khó: *dân nghèo khổ thấp cổ bé miệng.*

-- *** --

118.-"Trai liêu-lĩnh điều này nên bỏ - Đùng phá trinh hại tiết nữ nhơn - Gái lẳng-lơ tiếng huyên (quyển) lời đờn - Hoa có chủ đèo-bồng tình mới".

Luận giải: *(dòng 1 tới 4, trang 132)*

Trai không nên thiếu suy nghĩ làm càn bướng phá hại sự trong trắng của phụ nữ, còn phận gái phải đứng đắn, nghiêm trang, đừng nhẹ dạ chịu ý nghe lời dịu ngọt, êm ái rủ rê của đàn ông con trai; nhứt là gái có chồng chớ nên lén lút giao tình với người trai khác.

Nghĩa chữ khó:

Liêu lĩnh: *làm càn bướng, không suy nghĩ, cứ làm đại rồi có ra sao thì ra.*

Trinh tiết: *sự trong trắng, giá trị, danh dự của phụ nữ.*

Trình: sự trong trắng của cô gái chưa có chồng. **Tiết:** là mắt tre, ngay thẳng. **Nghĩa bóng** của chữ **tiết** chỉ giá trị, danh dự của người phụ nữ.

Lẳng lơ: chỉ người phụ nữ không đứng đắn, không nghiêm chỉnh đàng hoàng.

Tiếng quỵn lời đồn: lời nỉ non, êm dịu ngọt ngào, thường là dối trá, nghe dễ mềm lòng rồi bị lừa gạt.

Hoa có chủ đèo bông tình mới: gái có chồng còn dan díu thương yêu thêm người trai khác.

Phụ giải:

Giá trị: xác định sự quý giá, tư cách thanh cao hay hèn hạ của con người.

Danh dự: tiếng tốt của con người.

Nghiêm trang: rất đứng đắn.

-- *** --

119.-"Cất tiếng gọi nữ nam ơi hỡi - Bỏ những điều điếm nhục tông môn - Đứng nam nhi học lấy điều khôn - Lòng trung hiếu gìn theo đạo lý".

Luận giải: (dòng 5 tới 8, trang 132)

Người khuyên nam nữ không nên làm điều sai trái để Tổ tiên, dòng họ phải mang tiếng xấu, còn bản phận người trai phải giữ gìn đạo lý, răn học lấy điều khôn, nhứt là lòng trung và hiếu.

Nghĩa chữ khó:

Điếm nhục tông môn: làm điều xấu để nhục nhã cho Tổ tiên, Ông Bà, Cha Mẹ, dòng họ.

Trung là biết liềm mình (không sợ chết) giữ gìn Tổ Quốc, Quê hương.

Hiếu: chăm sóc dưỡng nuôi và không làm gì để Ông Bà Cha Mẹ buồn lòng.

Đạo lý: *xin xem số 11.*

Thánh hiền: *những vị có nhiều công nghiệp với xã hội về văn hoặc võ, đời tôn kính, thờ phượng sau khi chết.*

-- *** --

**120.-"Hàng phụ-nữ gương xưa nổi chí -
Những mẹ hiền dâu thảo roi truyền - Niệm
PHẬT mà gây lấy thiện duyên - Cho đẹp mặt
tổ-tiên nòi giống".**

Luân giải: *(dòng 9 tới 12, trang 132)*

Chị em phụ nữ hãy học gương mẹ hiền dâu thảo của người xưa, răn sửa tánh, răn lòng. Luôn niệm tưởng Phật, chị em sẽ có đủ đầy nghị lực diệt trừ ý nghĩ sai quấy, không ham muốn điều hư xấu, giữ được lòng an nhiên thanh thản. Phụ nữ như vậy mới xứng đáng với giống nòi và làm đẹp mặt Tổ tiên.

Nghĩa chữ khó:

Thiện duyên: *duyên lành, duyên tốt. Xin xem Nghiệp số 10 và Căn duyên số 75.*

-- *** --

**121.-"Thờ PHẬT-ĐẠO tỉnh cơn ác mộng -
Thoát mê-đồ thường phóng quang-minh -
Rán hiểu rành tiếng kệ lời kinh".**

Luân giải: *(dòng 13 tới 15, trang 132)*

Lòng trong sạch, yên tịnh mới hiểu được lý Đạo, có hiểu rõ lý Đạo mới đủ niềm tin tu hành, nhờ đó không còn những cơn mộng dữ, diệt hết mê lầm, học thông hiểu suốt kệ kinh.

Nghĩa chữ khó:

Mê đồ: *con đường u mê, tối tăm.*

Thường phóng quang minh: *tâm hồn luôn trong sáng.
(nhờ dày công tu niệm - ngoài thiên căn tự mình tu tạo
lấy còn nhờ tha lực chư Phật ban cho)*

-- *** --

122.-"Ác thứ sáu ấy là ĐẠO-TẶC - Lấy của người sấm ăn sấm mặc - Chẳng kể công nước mắt mồ hôi - Phá lương dân dạ luống bồi-hồi - Ngày làm lụng đêm lo gìn giữ".

Luận giải: *(dòng 16 tới 20, trang 132)*

Đạo Tặc là Ác thứ sáu, lấy của người đem về xài, sấm ăn sấm mặc cho mình, cho gia đình mình mà không chịu nghĩ rằng tiền của đó là nước mắt mồ hôi của người dân thật thà hiền lành, suốt ngày làm lụng cực khổ mới kiếm được, rồi về đêm còn hồi hộp lo sợ bị mất trộm, phải rần thức để canh giữ.

Nghĩa chữ khó:

Đạo tặc: *trộm cướp. Xin xem số 98/2.*

Lương dân: *dân hiền lành, dân tốt.*

Dạ luống bồi hồi: *lòng lúc nào cũng phập phồng lo sợ.*

-- *** --

123.-"Trốn pháp-luật tập-tành đủ thứ- Nào đào tường, khoét vách khuân đồ -Tội chập-chồng đầu biết ở mô - Trốn người khỏi trốn Trời sao khỏi".

Luận giải: *(dòng 21 tới 24, trang 132)*

Trốn pháp luật, tập thói hư xấu, nào đào tường khoét vách vô nhà khuân vác của tiền mà người ta dày công cực khổ làm ra, tội lỗi đó cứ chập chồng nhưng vẫn mê muội nào hay biết. Ngày nay trốn

được luật pháp người đời chớ đâu tránh khỏi luật Trời trừng phạt

Nghĩa chữ khó:

Ở mô: *tiếng nói miền Trung, có nghĩa ở đâu..*

-- *** --

124.-"Nay đước huệ TỪ-BI đã rọi - Vào thâm-tâm những kẻ gian-phi - Hãy tu thân chừa thói vô nghì - Của phi nghĩa làm chi xong chuyện".

Luận giải: *(dòng 25 tới 28, trang 132)*

Nay nhờ đước Phật giáo soi đường, hãy nương ánh sáng đạo lý của Đức Thế Tôn mà xua đuổi bóng mê tối, gian xấu trong lòng, như dịp này cố gắng sửa tánh, răn lòng, từ bỏ những việc làm sai trái. Đạo lý không cho phép ham thú tiền của chẳng phải do công cực khổ mình tạo ra, của đó sẽ không giữ được lâu bền và chẳng làm việc gì có kết quả tốt.

Nghĩa chữ khó:

Huệ: *sáng suốt, thông hiểu lý Đạo, hết mê muội lạc lầm.*

Từ bi: *ở đây chỉ Đức Phật.*

Đước: *người dân quê dùng rơm hay lá khô bó chặt, đốt lấy ánh sáng soi đường đi đêm.*

Đước huệ: *ánh đước sáng của lý trí, của tinh thần xua đuổi mê tối trong tâm hồn để được thấy chơn lý. Có nghĩa Phật thương người đời nên dùng giáo lý của Ngài làm ánh sáng soi đường dẫn lối cho người mê tối đi đến con đường của Đạo, tức đường giải thoát.*

Giáo lý - Giáo: *điều Phật dạy. Lý: nghĩa lý trong Kinh.*

Thâm tâm: *chỗ sâu kín trong lòng người.*

Gian phi: *làm sai trái, nuôi ý cướp đoạt tài sản người.*

Vô nghì: *việc sai trái với đạo lý làm người.*

Của phi nghĩa: của không từ công sức cực khổ mình làm ra, của có được do việc làm trái đạo lý.

-- *** --

125.-"Luật nhơn-quả thật là cao viễn - Suốt cổ kim chẳng lọt một ai - Vậy ta nên làm việc thẳng ngay - Cứ bền chí có ngày thông-thả".

Luận giải: (dòng 29 tới 32, trang 132)

Nên biết luật nhơn quả rất cao xa, xưa nay không một ai sót lọt, vì thế đạo lý dạy ta phải ăn ở thẳng ngay, rán bền chí giữ lòng trong sạch, nhờ đó đời sống chắc chắn sẽ được yên vui, thông thả.

Nghĩa chữ khó:

Nhơn quả: nhơn là có sanh ra quả, quả là do nhơn sanh ra. Nhơn lành thì quả tốt. Nhơn quả là luật định thiên nhiên, không ai thoát khỏi được.

Cổ kim: xưa-nay. Việc cũ ngày xưa việc mới ngày nay.

Bền chí: vững lòng theo đuổi để thực hiện cho kỳ được ý định, không bỏ cuộc nửa chừng.

Cao viễn: cao xa.

-- *** --

126.-"Ác thứ bảy SÁT-NHƠN gây vạ -Tánh hung-hăng đâm chém chặt bằm - Chết-chứa điều hung dữ trong tâm - Chờ đắc thế ra tay hạ sát".

Luận giải: (dòng 1 tới 4, trang 133)

Sát Nhơn là Ác thứ bảy, bởi tánh hung dữ, nên khi trái ý là nổi giận đùng đùng, lòng nuôi thù oán, chờ có dịp thẳng tay chém, giết, không do dự, không tha thứ.

Nghĩa chữ khó:

Sát nhơn: giết chết con người. Xin xem số 98/1.

Đắc thời: hợp thời, phải lúc, đúng dịp may, dịp tốt để làm một việc nào đó.

Hạ sát: xuống tay giết người. Xuống tay làm một chuyện hung ác mà lòng không do dự.

-- *** --

127.-"Viết đến đây động lòng rào rạt - Gẫm nhiều người bội-bạc thâm ân - Nào kể chi là đạo Quân-Thần - Tôi giết chúa, con đành sát phụ".

Luận giải: (dòng 5 tới 8, trang 133)

Viết đến đây lòng **Người** quá xúc động, tại sao đời có lắm kẻ quên ơn sâu, không kể chi đạo nghĩa Quân Thần, tôi thì giết chúa, con nở lòng hại chết cha mình.

Nghĩa chữ khó:

Rào rạt: chan chứa, tràn trề, quá nhiều. Nghĩa ở đây là quá xúc động; xao xuyên trong lòng

Bội bạc- Bội: quay lưng lại. **Bạc:** phai màu, không còn giữ màu sắc cũ, quên ơn bỏ nghĩa.

Thâm ân: ơn sâu, ơn lớn, ơn nặng.

Đạo Quân Thần: xử sự giữa vua với tôi, tôi với vua.

Sát phụ: giết cha.

-- *** --

128.-"Lúc nguy-cơ tứ mong hại chủ - Trò giết thầy tội ấy đáng không - Thêm chồng giết vợ, vợ giết chồng - Niềm huynh-đệ cùng nhau cầu* (xâu) xé". -* Ấn bản 1998 in xâu xé.

Luận giải: (dòng 9 tới 12, trang 133)

Gặp nguy hiểm, thay vì hết lòng lo cứu giúp, thì kẻ tôi tớ nữ nhần tâm hại chủ; trò giết thầy, tội ác đó làm sao tha thứ ? Rồi vợ giết chồng, chồng hại vợ, anh em ruột thịt vì lợi danh không ai nhường ai, chém giết nhau chẳng chút thương tình!

Nghĩa chữ khó:

Nguy cơ: *gặp cảnh suy sụp ngặt nghèo, gặp nguy hiểm.*

Nhần tâm: *làm việc ác mà lòng không chút thương xót.*

Xâu xé: *anh em ruột tranh giành danh lợi, không nhường nhịn, giết, hại nhau.*

-- *** --

129.-"Cũng hiểm lúc con còn giết mẹ - Giành của tiền cốt-nhục giết nhau - Tranh lợi danh giết lẫn đồng bào - Tình non-loại phân chia yểm bách".

Luân giải: *(dòng 13 tới 16, trang 133)*

Cũng có khi trong gia đình, vì của tiền con giết mẹ, anh em ruột thịt đâm chém nhau; còn ngoài đời, tranh giành danh lợi mà chia phe chia nhóm, ép bức tiêu diệt nhau, không tưởng nghĩ gì người cùng nòi giống hay tình nghĩa giữa người và người.

Nghĩa chữ khó:

Cốt nhục: *xương và thịt, anh em cùng chung dòng máu.*

Tranh lợi danh giết lẫn đồng bào: *giành danh giết lợi mà giết hại nhau không kể tình nghĩa đồng bào (chung một bọc sanh ra – có nghĩa cùng một mẹ).*

Yểm bách - Yểm là đè nén, bao trùm, che lấp lại, đóng lại. **Bách:** làm ngặt nhau, ép bức, hiếp đáp nhau. Nghĩa chung là không kể tình nghĩa con người, chia cắt ra nhiều phe nhóm và đóng cửa lương tâm lại rồi phe này làm ngặt, bóp nghẹt, ép bức nhằm tiêu diệt phe kia.

**130.-"Giết sanh vật đầy lòng kiêu cách -
Tưởng rằng mình như thế là ngoan - Khuyên
bá-gia bá-tánh việt-đàn - Chớ sát hại mạng
người như thế". (dòng 17 tới 20, trang 133)**

Luận giải:

Thông thường thì thịt sanh vật là thức ăn chánh của người đời, nhưng chớ nên nghĩ rằng ta có quyền giết chúng bất cứ lúc nào nếu muốn. **Người** khuyên thế nhân hãy nghĩ đến nỗi hoảng sợ, đau đớn quằn quại của con vật trước khi bị giết, nên theo gương những vị tu hành, các nhà giàu lòng bố thí cúng dường mà đừng giết hại sanh vật bừa bãi nữa.

Nghĩa chữ khó:

Kiêu cách: *vẻ làm cao, phách lối, khinh người.*

Ngoan: *tốt nét, biết nghe lời phải, dịu dàng đứng đắn. Trẻ dễ dạy là ngoan.*

Bá gia: *trăm nhà. Bá tánh:* *trăm họ; dùng chỉ chung người trong nước.*

Việt: *vượt qua. Đàn:* *nguyên chữ là **Đàn na - Dadāna** (scr) có nghĩa cúng dường, bố thí. Việt đàn:* *người lòng lành, hay cúng dường, hay bố thí sẽ vượt qua biển khổ.*

Phụ giải:

Bố thí: *giúp tiền của cho những người thiếu ăn, thiếu mặc, hoạn nạn.*

Cúng dường là cúng Phật buổi sáng sớm để kịp có thức ăn dâng các vị sư đi hoá trai.

Hoá trai: *nhà sư đi xin cơm ăn.*

-- *** --

**131.-"Bớt giết vật đặng mà cúng tế - Gẫm
THÁNH THẦN đâu có tư riêng - Rủi ốm đau**

bởi tại căn tiên - Hoặc hiện kiếp làm điều bạo-ác".

Luân giải: (dòng 21 tới 24, trang 133)

Nên bớt giết thú vật để cúng tế, vì Thánh Thần đầu có riêng tư, đầu ăn của cúng rồi sửa tội ra phước được. Chuyện ốm đau là do căn duyên kiếp trước hay tại kiếp này làm nhiều điều hung ác mà ra.

Nghĩa chữ khó:

Cúng: dâng lễ lên Trời Phật, Thánh Thần, Tổ Tiên.

Tế: lạy ba lượt sau ba tuần rượu.

Căn tiên: căn duyên, non duyên, nguồn gốc, lý do sâu xa từ kiếp trước.

Hiện kiếp: kiếp này, kiếp hiện tại. **Kiếp** là đời, khoảng ngày giờ từ mới sanh tới khi chết.

Phu giải:

Tư riêng: nghĩa ở đây là bên này bỏ bên kia, không ngay thẳng.

-- *** --

132.-"Phải ăn-năn phước đền tạo-tác- Lo thuốc thang khẩn vái PHẬT TRỜI - Nguyện sửa lòng ắt PHẬT giúp đời - Xuống phước rộng từ bi hỉ xả".

Luân giải: (dòng 25 tới 28, trang 133)

Phải biết hối hận và quyết tâm sửa đổi lỗi lầm. Nên làm việc lành, giúp đỡ người thiếu may mắn là gieo trồng ruộng phước. Việc đau ốm hãy lo liệu thuốc thang và cầu khẩn với Phật Trời, nguyện ăn năn sửa tánh rắn lòng, ắt được ân trên từ bi hỉ xả.

Nghĩa chữ khó:

Ăn năn phước điền tạo tác: *hối hận đã gây tội lỗi, quyết sửa mình, làm việc lành, giúp đỡ người hoạn nạn, đói, đau, thiếu mặc là tạo “ruộng phước”, tức làm điều lành. Theo nhà Phật, người làm ruộng gieo giống tốt trên đất tốt sẽ gặt được lúa nhiều. Bồ thí các vị tu hành chơn thật, các vị đắc đạo, đó là “phước điền”, người bố thí sẽ được ân phước.*

-- *** --

133.-"Đấng THẦN-MINH công bình trực dạ - Đâu ăn lo đổi họa làm may - Mở tâm linh nghĩ đến đoạn này - Điều họa phước ấy cơ báo ứng".

Luận giải: (*dòng 29 tới 32, trang 133*)

Chư vị Thánh Thần bao giờ cũng thẳng ngay, đâu bình người này bỏ kẻ nợ, đâu ăn của lo lót mà đổi họa thành ra phước - chỉ ma quỷ mới ăn của lót. Hãy sáng suốt suy nghĩ điều này, và nên biết, việc họa phước là do máy Trời xếp đặt, có vay phải trả đúng theo luật nhân quả.

Nghĩa chữ khó:

Trực dạ: *lòng ngay thẳng.*

Tâm linh: *trí sáng suốt, tánh linh.*

Cơ báo ứng: *máy trời xếp đặt, điều vui, tốt đến với người ngay thẳng, hiền; việc xấu, dữ đến kẻ ác gian.*

-- *** --

134.-"Chẳng biết thân còn toàn chứa đựng - Quả bất lành chưa trả vay thêm - Cầu cho đời sống lặng gió êm - Đặng bá-tánh an nhàn tu niệm".

Luận giải: (*dòng 1 tới 4, trang 134*)

Nhiều người mê muội, nghe lời khuyên đã không chịu sửa tánh răn lòng còn nuôi ý làm thêm điều ác, tội hung dữ cũ chưa trả hết lại vay thêm tội mới. Người nguyện cầu cho đời sống lặng gió êm để dân chúng khắp nơi sớm tỉnh thức niệm Phật tu hành.

Nghĩa chữ khó:

An nhàn: *thong thả, bình yên, khoẻ trí.*

Quả bất lành: *làm điều ác nên nhận lãnh kết quả xấu.*

-- *** --

135.-"Ác thứ tám là lòng THAM HIỂM - Muốn bao gồm của thế một mình -Tham nhà cao, cửa rộng, thân vinh -Tham vườn ruộng cò bay thẳng kiếng (kiếng)".

Luận giải: *(dòng 5 tới 8, trang 134)*

Ác thứ tám là lòng **Tham Hiểm**, của thế gian muốn một mình làm chủ, nào nhà cao, cửa rộng, vườn ruộng cò bay thẳng cánh, chỗ ngồi cao trên tất cả mọi người.

Nghĩa chữ khó:

Tham hiểm: *ham muốn quá đáng, không kể đúng sai dầu phải làm ác. Xin xem số 98/8.*

Thẳng kiếng: *là thẳng cánh. Cánh nói thành kiếng, tiếng dân gian miền Nam: "Ruộng cò bay thẳng cánh, vườn chó chạy cong đuôi", chỉ ruộng vườn quá rộng.*

Vinh: *có chức quyền tiền của, được người kính trọng.*

-- *** --

136.-"Thấy của người thềm khô nước miếng - Tính làm sao lườm gạt lấy đi - Sẵn túi tham bất cứ chuyện gì - Dầu xấu tốt cũng là đòn chứa".

Luận giải: (dòng 9 tới 12, trang 134)

Thấy vật quý của người thì thèm khô nước miếng, tính cách lừa gạt chiếm đoạt được mới vừa lòng, bởi quá tham nên việc làm đầu xấu, ác cũng không ngại, miễn sao lấy đem về đôn chứa, cất giấu làm của riêng.

Nghĩa chữ khó:

Lường gạt: bày đặt chuyện dối trá để lấy tiền hay vật quý của người.

Đôn chứa: bao nhiêu cũng thôn nhét, cất giấu để dành.

-- *** --

137.-"Nhớ lời PHẬT khi xưa dạy sửa - Của thế trần như mật dính dao - Trẻ tham ăn kê miệng liếm vào - Chùng dứt lưỡi mới là hối hận".

Luận giải: (dòng 13 tới 16, trang 134)

Nhớ lời Phật khi xưa dạy, của trần thế như mật dính dao; kẻ tham lam muốn chiếm đoạt của người giống như trẻ nít ham ăn kê miệng liếm mật ở lưỡi dao bị dứt lưỡi, dứt lưỡi rồi mới hối hận thì là đã muộn.

-- *** --

138.-"Tham của tạm, làm điều tàn nhẫn - Nhắm mắt rồi đâu có mang theo - Tham tiền tài thường vướng nạn eo - Tham sắc đẹp nhà tan cửa nát".

Luận giải: (dòng 17 tới 20, trang 134)

Thân xác này là giả tạm, của cũng tạm, giả, chết đâu mang theo được món gì, vậy thì nuôi chi lòng tham mà phải làm điều ác độc để gánh chịu tai họa. Cũng

như nhiều kẻ ham mê nữ sắc đến nỗi tan nhà nát cửa.

Nghĩa chữ khó:

Tàn nhẫn: làm điều ác không chút nương tay, không ngần ngại, không xót thương.

Vướng nạn eo: bị tai họa, rủi ro có hại đến mạng sống.

-- *** --

139.-"Lúc tận số nằm trơ một xác - Găm kim tiền bội-bạc bất tài - Không làm cho ta được sống dai- Lại chẳng bước tiến đưa một bước".

Luân giải: (dòng 21 tới 24, trang 134)

Khi hết số nằm trơ một cái xác không cựa quậy, hãy nghĩ lại xem, vàng bạc vừa không có tài cứu mạng mà cũng chẳng có thủy chung, chúng không làm cho ta sống được lâu dài, đến lúc chết nó cũng không tiến đưa ta một bước lúc đem xác đi chôn .

Nghĩa chữ khó:

Găm kim tiền bội bạc bất tài: suy nghĩ kỹ thì tiền của thật là bạc bẽo, nó đâu chịu ở lâu với mình, nó cũng không giữ được mạng sống mình khi tới số chết.

Thủy chung hay thĩ chung: trước cũng như sau, không thay lòng đổi dạ.

-- *** --

140.-"Thà nghèo thanh hơn giàu mà trước - Lo vun trồng cội phước về sau - Muốn trừ tham phải liệu cách nào - Phải bố-thí diệt lòng ích-kỷ".

Luân giải: (dòng 25 tới 28, trang 134)

Thà nghèo trong sạch hơn giàu mà dơ bẩn, ác độc. Hãy rán làm điều lành là trồng cây phước đức dành

đề ngày sau hưởng nhờ. Phải lắng lòng tịnh tu, mượn gương trí huệ trừ diệt lòng tham, cứu giúp người nghèo khổ, hoạn nạn thiếu may mắn, đừng bao giờ lo nghĩ riêng mình và cho gia đình mình.

Nghĩa chữ khó:

Nghèo thanh: *nghèo trong sạch, không để ai khinh khi.*

Giàu mà trước: *nhiều tiền của mà bị chê, bị chửi là làm giàu dơ bẩn, ác độc...*

Vun trồng cội phước: *trồng và săn sóc "cây phước", có nghĩa làm điều lành, giúp người nghèo khổ, bố thí, cúng dường các bậc tu hành chơn thật để dành phước về sau.*

-- *** --

141.-"Tâm chánh-niệm thường thường suy nghĩ - Vật ở trần như bọt nước lẫn mây - Thân TA (ta) còn rày đó mai đây - Cửa ấy cũng khi tan khi hiệp".

Luận giải: *(dòng 29 tới 32, trang 134)*

Lòng thường suy nghĩ điều thẳng ngay chơn thật và xem tiền của ở đời này như bọt nước như vàng mây, cả thân xác của ta đây còn phải đổi đời nay đó mai đây thì của cải ấy cũng lúc còn khi mất.

Nghĩa chữ khó:

Tâm chánh niệm: *luôn niệm tưởng nghĩ suy điều ngay thẳng, chơn chánh.*

-- *** --

142.-"Ác thứ chín HẠN-SÂN luận tiếp - Lửa trong tâm chẳng đốt mà lừng - Nỗi lòi-đình đầu có định chừng - Cho ta biết mà toan giữ trước".

Luận giải: *(dòng 1 tới 4, trang 135)*

Ác thứ chín là **Hận Sân**, tánh nóng giận như lửa không đốt mà cháy phùng phùng, hét la như sấm sét. Người không dẫn được cơn nóng giận để gây lỗi lầm, tội ác. Cơn nóng giận này đâu có cho ta biết trước mà lo liệu để giữ chừng, vậy hãy rán nén lòng, tỉnh trí để kiểm soát hành động của mình, nhưt là phải biết buông xả và tha thứ.

Nghĩa chữ khó:

Hận sân: *xin xem số 98/9.*

Luận: *xét, suy nghĩ, cân phân về một câu chuyện.*

Nổi lôi đình: *nóng giận la hét như sấm sét.*

-- *** --

**143.-"Tánh sân nộ thường làm bạo ngược -
Nên loài người ở cõi thế-gian - Giận hờn nhau
thù oán đầy tràn - Mới có cuộc tranh tài đấu
lực".**

Luận giải: *(dòng 5 tới 8, trang 135)*

Tánh nóng giận dễ làm điều hung ác, người đời vì không kềm giữ được mới sanh nhiều chuyện oán thù. Nóng giận là nguồn gốc những cuộc tranh tài đấu sức.

Nghĩa chữ khó:

Sân nộ: *giận dữ la hét như điên.*

Bạo ngược: *hành động hung ác, không phân phải trái, hay giết, hành hạ người và sanh vật.*

Đầy tràn: *đầy đến tràn ra, quá nhiều.*

Tranh tài: *so tài hơn kém, không ai nhường ai.*

Đấu lực: *đọ sức mạnh với nhau.*

-- *** --

144.-"Hơn tự đắc khoe-khoang đồng sức - Phải bị người hềm khích ghét-ganh - Thua hổ (hổ) người làm chuyện bất lành - Gây nghiệp dữ oan oan tương báo".

Luận giải: (dòng 9 tới 12, trang 135)

Người hơn cuộc tự cho mình hay giỏi rồi khoe tài khoe sức, coi dưới mắt không người, nên dễ sanh giận ghét oán thù. Kẻ thua thì mắc cỡ, tức mình rồi đánh liều làm điều hung ác mới gây thành nghiệp dữ. Kẻ gieo oán người trả thù, cứ thế dây dưa kéo dài hết đời này qua đời nọ, không dứt.

Nghĩa chữ khó:

Tự đắc: tự cho mình hay giỏi, rồi sanh tánh khi người, xem dưới mắt không ai bằng mình. Phách lối.

Khoe khoang: kể cái hay giỏi, bày sự giàu sang quyền thế, cố ý cho người nghe thấy để được tiếng khen.

Đồng sức: sức mạnh.

Hềm khích: muốn gây chuyện hơn thua với người mình giận ghét.

Ghét ganh: ghét, không ưa; không muốn nhìn mặt người nào đó chỉ vì tự biết mình thua kém.

Hổ người: mắc cỡ.

Gây nghiệp dữ oan oan tương báo: làm việc dữ hại người thì sanh ra thù oán và tự nhiên sẽ bị người tìm cách trả thù; khi bị trả thù, dĩ nhiên con cháu mình phải lo trả thù lại, cứ như thế dây dưa hết đời này sang đời nọ, hoặc hết kiếp nọ sang kiếp kia, không bao giờ dứt.

Nghiệp: kết quả việc làm thiện hay ác của **Thân - Miệng - Ý**. Xin xem số 10 và **Nhơn Quả** số 21.

-- *** --

145.-"Trong cơn giận kể gì nhọn-đạo - Tỷ như con cọp dữ trên rừng - Gặp thịt toan cấu xé tung-bùng -Phân từ mảnh mới là thỏa dạ".

Luận giải: (dòng 13 tới 16, trang 135)

Con người khi quá nóng giận thì hung dữ như cọp đói ở rừng, gặp thịt là nhào vô cào cấu, xé ra từng miếng, lúc đó đâu còn nghĩ gì phải trái, cũng quên luôn đạo lý làm người.

Nghĩa chữ khó:

Nhọn đạo: đạo làm người; lý lẽ đứng đắn, chánh đáng mà người đời phải noi theo.

Cấu xé: dùng móng tay bén nhọn bấu xé ra nhiều mảnh.

Tung bùng: nghĩa ở đây là sôi động, lung tung, lảng xãng...rất dữ dằn.

Phân từ mảnh: xé chia ra từ miếng nhỏ.

Thoả dạ: vui thích vì được đúng theo ý muốn.

-- *** --

146.-"Diệt được nó tâm trần thông-thả - Ta thường nên tập tánh khoan-dung - Thiệt-hành đi đừng có ngại-ngùng - Tha-thứ kẻ lỗi lầm ngu-xuẩn".

Luận giải: (dòng 17 tới 20, trang 135)

Diệt được tánh nóng giận lòng mới nhẹ nhàng thanh thản. Biết vậy, ta nên cố gắng bớt căng thẳng, tập tánh khoan dung, mở rộng lòng suy xét tha thứ cho người mê tối, lỗi lầm. Hãy thi hành, đừng chần chừ do dự.

Nghĩa chữ khó:

Tâm trần: lòng người đời thường mê tối, nhiều ham muốn và đủ thứ giận, ghét, thương yêu.

Khoan dung: xét rộng rãi, không có chấp, dễ tha thứ.
Ngại ngại: chần chừ, ngập ngừng, do dự, e ngại.
Ngu xuẩn: đần độn, u mê, tối dạ.

-- *** --

**147.-"Và nhẫn-nhịn đừng ham tranh-luận -
Khỏi mất lòng tất cả mọi người - Tánh thuần
lượng về mặt vui tươi - Vậy mới đáng tín-đồ
PHẬT-GIÁO - Nay ta đã quy-y cầu Đạo -
Gây-gỗ là trái thuyết từ-bi".**

Luận giải: (dòng 21 tới 26, trang 135)

Ta nên dẫn lòng nhường nhịn, đừng ham tìm lý lẽ tranh cãi để giành lấy phần hơn, có vậy mới khỏi bị người ghét giận. Ráng giữ tánh thật thà ngay thẳng, nét mặt lúc nào cũng vui vẻ tươi cười cho xứng đáng người tu hiền trong gia đình nhà Phật. Nên nhớ, nay ta đã tu Phật, gây gỗ là trái với lẽ từ bi.

Nghĩa chữ khó:

Nhẫn nhịn: dẫn lòng nhường cho người hơn mình.

Tranh luận: tìm lý lẽ hay đưa ra cãi để giành phần phải, phần hơn về mình.

Mất lòng: làm cho người buồn giận mình.

Thuần lương - Thuần là nguyên chất, toàn một thứ, không lộn tạp tạp, cũng là tốt, khéo. **Lương:** thực thà, ngay thẳng, hiền lành.

Gây gỗ: không nhường nhịn, dùng lời lẽ xấu nặng, thách thức, chọc tức.

Thuyết từ bi: lời giảng giải về tình yêu thương và tha thứ. **Từ bi:** xin xem lại số 3.

-- *** --

**148.-"Ác thú mười đoạn chót MÊ-SI - Nguyên
tâm-tối từ hồi vô-thỉ - Mãn vô-minh che mờ**

**căn trí - Nên thường khi nhận ngụy làm chơn
- Lo huyễn thân vật chất kém hơn - Chẳng
tìm biết tinh-thần đạo-đức".**

Luận giải: (dòng 28 tới 32, trang 135)

Ác thứ mười **Mê Si** là thứ chót, bởi mê muội từ nhiều kiếp trước nên bị màn tằm tối che mờ tâm trí, vì vậy lắm người thường lấy sai cho là đúng; suốt đời chỉ biết lo nghĩ làm thế nào có đủ đầy vật chất để thân xác giả tạm được no béo, chớ đâu biết dành chút ít thì giờ tìm học hiểu giáo lý, lo chăm sóc phần tinh thần, trau giồi đạo đức.

Nghĩa chữ khó:

Mê si: xin xem số 98/10.

Vô thi: không có lúc khởi đầu, một quá khứ xa xưa không có mốc thời gian.

Vô minh: xin xem số 60.

Lấy ngụy làm chơn: lấy giả làm thật.

Huyễn thân: thân giả tạm, không có thật, không bền.

Giáo lý: các điều Phật dạy và nghĩa lý trong Kinh.

Tinh thần: phần sáng suốt, những hoạt động thuộc về nội tâm của con người

Đạo đức: Đạo:

a/- Lẽ phải, đường đúng đắn, phép tắc của người xưa đặt ra được xã hội thừa nhận, dùng làm khuôn thước, mẫu mực để người đời noi theo.

b/- Nền tảng của tôn giáo, dạy con người sửa tâm tánh, ở ăn ngay thật.

Đức: lòng ưa thích làm điều lành; thương yêu giúp đỡ người cũng như với sanh vật.

-- *** --

149.-"Dệt lưới nghi đeo điều phiền-phức - Bịn-rịn đòi cực khổ tang thương - Khi nói làm ít chịu suy lường - Mãi phạm tội nên rằng tội *(nghệp) ác". - * Ấn bản 1998 in nghiệp.

Luận giải: (dòng 1 tới 4, trang 136)

Người mà lòng lúc nào cũng nghi ngờ, thiếu tin tưởng, không dám quả quyết và dứt khoát chọn con đường Đạo để theo, càng do dự bịn rịn, tiếc rẻ thì đời sống càng nặng nề phiền não, để rồi mãi gánh chịu những xáo trộn, những đau thương của cuộc đời mà nhà Phật gọi là biển khổ; ngoài ra, lời nói và việc làm ít chịu đả độn cân nhắc, thiếu nghĩ suy chính chắn nên thường phạm tội lỗi, gây thêm nghiệp ác mà nào có hay có biết.

Nghĩa chữ khó:

Bịn rịn: không nở rời xa nhau, bịn bịn khó dứt ra.

Tang thương: chỉ những thay đổi lớn trong đời, giàu đó rồi thành nghèo đó, không có gì lâu bền, lấy ý từ câu "**Thương hải biến vi tang điền**" trong truyện thần tiên, bà Ma Cô mắt thấy ba lần biển xanh thành ruộng dâu.

Suy lường: ngâm nghĩ, xét nét, rồi cân nhắc, phân tách.

Nghệp ác: kết quả của những việc làm dữ, làm ác của chúng sanh - làm từ kiếp trước - cũng có nghĩa là nhận hậu quả; có nhơn mới có quả. **Nhơn quả:** xin xem số 21.

-- *** --

150.-"Diệt mê-si phải nương thuyền giác - Muôn việc làm chính-trực khôn-ngoan - Đùng bạ đầu tin bướng nghe càn - Làm ngu-muội đọa thân uổng kiếp".

Luận giải: ". (dòng 5 tới 8, trang 136)

Người tu Phật cố giữ được lòng trong sáng, vắng lặng trí huệ mới phát triển, khi tỏ ngộ thì mê si phiền não tự nhiên tiêu diệt. Về mặt đời, trước mọi sự việc phải cẩn thận dùng lý trí xét đoán, bình tĩnh nhận định lẽ đúng sai, không vội vàng tin bướng nghe càn, không nông nổi làm liều để khỏi sai trái gây tội lỗi rồi thân vương tù tội uổng cho kiếp sống.

Nghĩa chữ khó:

Diệt là dứt hết - **Mê si:** xin xem số 98/10 .

Thuyên giác: xin xem số 90.

Chánh trực: làm ngay thẳng, lòng ngay thẳng.

Khôn: có trí hiểu biết, trí xét đoán đúng sự việc.

Ngoan: tốt nét, biết nghe lời phải, dịu dàng đứng đắn.

Tin bướng: việc không có căn cứ mà vẫn tin.

Nghe càn: tin, nghe lời không suy nghĩ.

Đọa thân: rơi xuống chỗ tội tệ nhưt; thân bị tù đày.

Uổng kiếp: hư một đời đáng tiếc.

Phu giải:

Bình tĩnh: mọi hoàn cảnh vẫn giữ lòng được bình thường; làm chủ được mình.

Nhận định: nhận xét và đoán định sự việc.

-- *** --

151.-"Ác trừ xong hiện ra thiện nghiệp - Lóng nguồn chơn PHẬT tiếp dẫn cho - Trồng cây lành vùi quả thom-tho - Tuy không thấy mà sau chẳng mất !".

Luân giải: (dòng 9 tới 12, trang 136)

Tánh Ác không còn thì nghiệp lành hiện rõ. Chọn đúng Phật Đạo và thành ý tu hành, tâm trí sáng suốt thấy rõ nguyên nhân gây tội lỗi mà diệt trừ tận gốc, dầu chưa đạt đến trình độ vượt thoát luân hồi, nhưng

chắc chắn sẽ có cuộc sống an nhàn thanh thản, vì có công trồng cây lành thì được hưởng trái ngọt, hương vị thơm ngon.

Nghĩa chữ khó:

Thiện nghiệp: *kết quả của việc làm lành từ kiếp trước.*

Lóng nguồn chơn: *lựa chọn đúng đường chánh.*

Tiếp dẫn: *cách độ người tu hiền của Phật, của Bồ tát.*

Cứu độ: *xin xem số 7 và 59.*

-- *** --

**152.-"Dầu ai có cười ta khờ-khật - Cũng đừng
phiền xao lãng (lãng) chơn tâm - Mong tiếng
kêu thấu đến Tông-lâm - Cùng thiện-tín bá-
gia hưởng ứng".**

Luận giải: *(dòng 13 tới 16, trang 136)*

Dầu người đời chê cười ta khờ dại cũng đừng buồn mà xao lãng tâm thành tướng Phật. Mong các nhà tu và những ai có lòng với Phật Giáo vui vẻ hưởng ứng lời khuyên này.

Nghĩa chữ khó:

Khờ khật: *dại ngốc, tối dạ, ít hiểu biết.*

Xao lãng: *bỏ bê, không để ý tới.*

Chơn tâm: *lòng thành, lòng chơn thật.*

Tông lâm: *rừng tùng, chỉ các nơi xa xôi hẻo lánh. Khi Đức Thế Tôn còn tại thế, Ngài thường nhóm họp chư đệ tử và những người theo đạo, vào rừng nghe Ngài giảng dạy giáo lý. Sau này dùng hai tiếng Tông lâm chỉ nơi hội họp dạy đạo, như chùa am, nơi thanh tịnh tu hành.*

Thiện tín: *chỉ chung những người tin Phật, tin theo Phật giáo. (thiện nam – tín nữ)*

Hưởng ứng: *nghe theo, nghe gọi hăng hái làm theo.*

-- *** --

**153.-"Muôn PHẬT-GIÁO từ đây bền vững -
Đừng riêng lo lợi dưỡng một mình - Nếu
xuất-gia thì phải hy-sinh - Cả vật-chất tinh
thần lo đạo".**

Luận giải: (dòng 17 tới 20, trang 136)

Muôn Đạo Phật từ đây được bền vững, người theo đạo không nên lo kiếm tiền của để hưởng riêng mình; nếu đã xuất gia phải quên mình lo cho đạo đâu phải hy sinh cả vật chất lẫn tinh thần.

Nghĩa chữ khó:

Bền vững: giữ nguyên vẹn được lâu dài, không biến đổi, không suy yếu.

Lợi dưỡng: kiếm lợi lộc, kiếm tiền của để hưởng riêng.

Xuất gia: rời khỏi gia đình tu học đạo; tu ở chùa.

Hy sinh: liêu bỏ mặt này để được kết quả ở mặt khác. Nghĩa là bỏ hết quyền lợi riêng tư, có khi bỏ cả mạng sống để đeo đuổi thực hiện ý định.

Vật chất: của cải, sự nghiệp; những thứ có hình dáng sờ mó được.

Tinh thần: nghịch nghĩa với vật chất. Xin xem số 148.

-- *** --

**154.-"Chớ giả dối mà mang sắc áo - Mượn bồ-
đề chuỗi hạt loè người - Làm cho dân khinh-
dể (dể) ngạo cười - Tội-lỗi ấy luật nào dung
thứ".**

Luận giải: (dòng 21 tới 24, trang 136)

Đừng mượn áo nhà tu mà gạt người tin Đạo, đôi mắt lim dim, môi mấp máy, tay lần chuỗi hạt nhưng lòng tính toán điều gian dối, việc làm này chẳng những bị người đời cười chê khinh dể mà Đạo Phật

còn bị đánh giá sai lầm, tội lỗi đó Phật Trời không dung thứ.

Nghĩa chữ khó:

Giả dối mà mang sắc áo: chỉ kẻ mặc áo nhà tu để dễ lợi dụng lòng thành của người tin đạo, hoặc kẻ bề ngoài làm ra vẻ tu hành mà bên trong không giữ gìn luật đạo.

Mượn bồ đề chuỗi hạt loè người: mặc áo nhà tu tay lần chuỗi hạt bồ đề cốt cho người tin, trong khi lòng toan tính chuyện gạt người kiếm tiền của, để có được lợi ích riêng.

Khinh dễ ngạo cười: bị khi dễ, coi rẻ, chê bai.

-- *** --

155.-"Tu còn ham chạy to đám bự - Đặng thế-gian dung cúng bạc tiền - Dối rằng: Lo tu bỏ chùa chiền - Mà làm của xài riêng cho thỏa".

Luận giải: (dòng 25 tới 28, trang 136)

Đã tu mà đòi làm đám cúng chay thật lớn để được người đời dung cúng nhiều tiền, miệng nói kiếm tiền về sửa chùa, chớ thật sự cất riêng phần lớn ăn xài cho sướng thân béo xác.

Nghĩa chữ khó:

Chạy to đám bự: lễ cúng lớn. **To-bự** đều có nghĩa lớn.

Tu bỏ: sửa chữa, làm lại cho mới, tốt.

Thoả: vừa ý, vui thích vì đã được như lòng mong muốn.

-- *** --

156.-"Bảo làm sao dân không sa-ngã - Nghe lời rù Tông nọ phái kia - Cả tăng-đồ trong nước chia lìa - Riêng pháp-bảo, riêng chùa, riêng PHẬT".

Luận giải: (dòng 29 tới 32, trang 136)

Giới sư tăng trong nước chia ra nhiều Tông, nhiều phái, rồi mạnh ai nấy dụ dỗ tín đồ theo về Tông phái của mình, cả đến Kinh sách, đến chùa, đến Phật cũng bị phân chia riêng rẽ, như vậy bảo sao tinh thần người tin Phật không xuống thấp được.

Nghĩa chữ khó:

Sa ngã: hư hèn, đi tới chỗ tội tệ, rớt xuống chỗ thấp nhứt trong cuộc đời.

Rù: là rù quên, dụ dỗ, rủ rê đi theo.

Tông, Phái: chỉ nhánh của một tôn giáo, như Tịnh Độ tông, Thiền tông, Mật tông., là tông phái của đạo Phật.

Tăng đồ: Tăng là những nhà sư có thọ Giới cụ túc. **Đồ:** tu sĩ vào hàng học trò của một vị sư. Chỉ chung những vị tu Phật. Xin xem số 4.

Phu giải:

Pháp bảo: những vật quý của nhà chùa: **Kinh-Luật-Luận:** xin xem số 113.

Suy đồi: tàn tạ, tội tệ.

-- *** --

**157.-"Trong bá-tánh sâu-thành chất ngất -
Mãi nghi nan chẳng biết đàng nào - Lòng
mến yêu chẳng nệ công lao - Mượn bút mực
đôi lời trần thuyết".**

Luận giải: (dòng 1 tới 4, trang 137)

Trước tình hình chia rẽ và tội tệ này nổi phiền muộn trong lòng người mến mộ đạo Phật ngày càng thêm chồng chất, cộng với bao nhiêu dẫn đo, do dự, nghi ngờ chưa giải được phải nên theo Tông phái nào ? Vì kính quý nền Đạo của Đức Thế Tôn và cũng vì thương yêu đời nên **Người** không nệ tổn công,

mượn bút mực trình bày cặn kẽ ý nghĩ cùng những sự thật đau lòng đó ra đây.

Nghĩa chữ khó:

Trong bá tánh sâu thành chất ngất: *tình trạng xuống dốc của đạo Phật khiến nổi sâu mượn trong lòng người mến mộ đạo ngày thêm nhiều, chất chồng cao ngất.*

Nghi nan: *ngờ vực, khó giải quyết.*

Trần thuyết: *nói hết, viết hết ra một cách rành rẽ, trình bày cặn kẽ.*

-- *** --

158.-"Tùy thiện-tín hiểu TA giả thiết - Làm hay không chẳng dám ép nài - Nguyện mười phương chư PHẬT đáo lai - Đồng tiếp-dẫn chúng-sanh giải-thoát".

Luân giải: *(dòng 5 tới 8, trang 137)*

Những vị tu học Phật hiểu về **Người** thế nào cũng được và làm theo những lời khuyên này hay không **Người** cũng chẳng dám ép nài. Riêng **Người**, thành kính nguyện cầu mười phương chư Phật xin chúng giám và tiếp dẫn chúng sanh vào đường giải thoát.

Nghĩa chữ khó:

Nguyện mười phương chư Phật: *cầu nguyện chư Phật khắp các phương, các cõi vô cùng tận trong không gian.*

Đáo lai: *từ nơi khác tới. Từ nơi xa trở về.*

Đồng tiếp dẫn chúng sanh giải thoát: *cầu nguyện chư Phật tiếp dẫn (cứu độ) chúng sanh thoát khỏi biển mê đến bờ giác.*

Kệ:

159.-"Đêm thanh hiên nguyệt dựa kê - Nhìn xem thế-sự nã-nề tâm-can -Từ Ta nương

**chón Phật-đàng - Dứt tâm trần-cầu chẳng
màng vinh-huê".**

Luân giải: (dòng 9 tới 12, trang 137)

Đêm vắng lặng **Người** dựa bên hiên nhìn trăng rồi nghĩ đến những nỗi đau khổ của thế nhân mà xót xa lòng, mặc dầu từ lâu nương cửa Phật tu hành, tâm **Người** đã sạch niêm trần tục, không còn vương bận chuyện lợi danh.

Chú thích:

Đêm thanh: *đêm yên lặng tiết trời trong sạch.*

Hiên: *mái nhà phụ nối tiếp mái nhà chánh.*

Nương chón Phật đàng: *tu theo Phật.*

Thế sự: *việc đời, chuyện đời.*

Não nề: *buồn bã, xót xa.*

Dứt tâm trần cầu: *dứt lòng trần dơ bẩn.*

Trần cầu: *bụi cát dơ cộng với phiền não làm tâm trí con người mờ tối, suy nghĩ sai quấy.*

Chẳng màng vinh huê: *không nghĩ danh lợi, giàu sang.*

-- *** --

**160.-"Trần-hoàn thiện tín còn mê - Thêm lời
giục-thúc gọi về đàng tu - Dốc lòng vạch ngút
mây-mù - Đặng điu bá-tánh đường tu chen
vào".**

Luân giải: (dòng 13 tới 16, trang 137)

Người đời tuy có lòng thành mến tin đạo Phật, nhưng phần đông còn mê tối, thiếu hiểu biết, dễ nghe lời dụ dỗ tu theo cách này hay lối kia sẽ mau thành đạo. Vì vậy, **Người** quyết thắp sáng ngọn đèn chánh pháp, xây dựng lại nếp sống Phật Giáo, giải

thích những sai lầm, dặt dẹo bá tánh vào đúng đường tu.

Nghĩa chữ khó:

Trần hoàn - *Trần* là cát bụi, chỉ cõi đời dơ bẩn. *Chữ Hoàn* có nghĩa cảnh địa, là đất lớn và tròn, vì trái đất hình tròn. **Trần hoàn** cùng nghĩa với: **Trần thế, Trần gian, Trần hạ.**

Giục thúc: *hối, xúi làm cho mau lẹ.*

Gọi về đàng tu: *kêu về, bảo phải lo tu hành.*

Độc lòng vạch ngút mây mù: *quyết lòng vạch mây cho người đời thấy cảnh trời trong sáng. Nghĩa bóng:* quyết lòng vạch rõ những sai lầm và chỉ người đời thấy ánh sáng Đạo Phật.

-- *** --

161.-"Lời THẦY cạn tỏ âm-hao - Để truyền hậu-thế vàng thau lọc lừa - Tu cầu thuận gió hòa mưa - An-hòa nhơn-vật phước thừa trời ban".

Luận giải: (dòng 17 tới 20, trang 137)

Lời **Người** khuyên bảo rất đầy đủ, rõ ràng cho đời sau phân biệt đâu là đúng, đâu sai để chọn đường chánh mà đi. Người tu Phật ngoài việc rèn tâm sửa tánh, lòng còn phải vì đời mà nguyện cầu mưa thuận gió hoà; nguyện cầu cho người đời cùng sanh vật an lành, vui sống trong ơn phước của Phật Trời.

Nghĩa chữ khó:

Âm hao: *tin tức. Ở đây chỉ những lời dạy khuyên.*

Truyền hậu thế vàng thau lọc lừa: *cho đời sau thấy rõ mà phân biệt vàng với thau. Vì vàng và thau cùng màu vàng, dễ nhìn lầm. Nghĩa bóng* khuyên nên chọn lựa đường chánh để đi, tìm đạo chánh mà theo.

Thuận gió hoà mưa: *mưa gió đúng mùa, thuận lợi cho dân làm mùa.*

An hoà nhơn vật: *ngƯỜI và sanh vật sống yên ổn, vui vẻ, hòa thuận với nhau.*

-- *** --

162.-"Tu cầu thoát chốn gian nan - Cầu trong chur quốc chur bang giao-hòa - Tu cầu yên nước lợi nhà - Cửu-huyền Thất-tổ Diêm-La thoát hình - Tu cầu PHẬT hóa tánh tình - Lưới mê chẳng buộc nhẹ mình tiêu-dao".

Luận giải: *(dòng 21 tới 26, trang 137)*

Tu, cầu nguyện ơn Trên ban phước cho:

- *Người đời khỏi bị khó khăn, đau khổ;*
- *Các nước có liên lạc tốt, đối xử êm đẹp với nhau;*
- *Đất nước Việt Nam được hoà bình, nhà nhà yên ổn, người người sống vui vẻ;*
- *Tổ tiên, Ông Bà nội ngoại khỏi phải xuống cõi âm chịu hình phạt;*
- *Chư Phật ban cho sự sáng suốt, thông hiểu đạo lý để tránh khỏi lưới mê, được thông thả, thanh thoi, không bị một sự buộc ràng nào.*

Nghĩa chữ khó:

Chur quốc chur bang giao hoà: *các nước giữ liên lạc tốt với nhau.*

Cửu huyền Thất tổ- Cửu Huyền là chín đời: *Cao - Tầng - Tổ - Cha - Mình - Con - Cháu - Chắt - Chít.*

Thất Tổ là bảy đời ông tổ: *Cao - Tầng - Tổ - Cao Cao - Tầng Tầng - Tổ Tổ - Cao Tổ.*

Chín thế hệ trên, nếu phiên âm bằng chữ Hán: *Cao - Tầng - Tổ - Khảo - Kỳ - Tử - Tôn - Tầng - Huyền.*

Bảy đời ông tổ: là Ông Nội của đời mình đi ngược lên sáu đời nữa, gọi là Thất Tổ.

Diêm la: cõi âm, cõi của người chết.

Thoát hình: khỏi bị hành phạt.

Phật hoá tánh tình: nhờ ân của chư Phật cảm hoá ban cho suốt thông, hiểu đạo.

Tiêu dao: thong thả đi đó đi đây không bị trở ngại.

-- *** --

163.-"Tu cầu cửa PHẬT đặng vào - Gót sen thong-thả xiết bao thanh nhàn - Tu cầu bịnh tật tiêu-tan - Từ-bi-hỉ-xả PHẬT ban phép lành - Tu cầu thoát khỏi tử sanh - Nương theo Phật-Quốc lời lành hằng nghe - Cõi trần đừng đắm ngựa xe - Đeo tuồng mộng-huyễn lập-lòe sắc hương".

Luân giải: (dòng 1 tới 8, trang 138)

Tu, cầu nguyện:

- Được thành đạo và vào cửa Phật hưởng an nhàn thong thả;

- Được Ôn Phật từ bi tha thứ tội lỗi và ban phước cho bịnh tật tiêu tan;

- Được thoát khỏi vòng sanh tử, về nước Phật sớm tối nghe kinh;

- Được sáng suốt, hiểu biết cuộc sống muôn màu hương sắc đây là giả tạm để dẹp mọi ham muốn: giàu sang, sắc đẹp, tình cảm ghét, thương, buồn, giận theo thói thường của người chưa hiểu Đạo.

Nghĩa chữ khó:

Gót sen - Sen là hoa tinh khiết (trong sạch) không nhiễm dơ, ong bướm lánh xa nên người đời dùng hoa

sen dâng cúng Phật; chỗ Phật ngồi cũng gọi là tòa sen.
Gót sen ở đây chỉ bước thông thả của người thành đạ.

Từ - bi - hi - xả: bốn đức lớn của Phật, người tu phải học và làm theo. Xin xem số 3

Đắm ngựa xe: ham mê lên xe xuống ngựa - tức ham giàu sang, quyền thế.

Đeo tuồng mộng huyễn lập loè sắc hương: cuộc đời như một tuồng hát, có lớp lang diễn tiến nhịp nhàng, dầu hay dầu dở cũng phải có hồi chấm dứt. Người hiểu đạo xem cuộc đời như giấc mộng, chuyện ngựa xe (danh vọng, giàu sang) như bọt nước, làn mây, sóng thì thế nọ thế kia, nhưng khi nhắm mắt xuôi tay nào có mang theo được vật gì. Còn về hình dáng, hương sắc của người nữ, đẹp thơm đó rồi tàn tạ đó. Tất cả đều giả tạo, đều không bền vững.

-- *** --

164.-"Tu cầu trăm họ hiền lương - Đồng tinh niệm PHẬT tai-ương chẳng còn - Tu cầu gia-đạo vuông tròn - Chồng hòa vợ thuận cháu con thảo hiền - Tu cầu thoát khỏi xích-xiêng - Dựa kê chơn PHẬT xa miền trần-lao -Tu cầu chóng hết binh đao - Gặp đời bình trị xiết bao vui-vầy".

Luân giải: (dòng 9 tới 16, trang 138)

Tu, cầu nguyện:

- Người đời lòng dạ hiền lành, thật thà, thương yêu nhau và cùng tu, cùng niệm tưởng Phật, vui vẻ tha thứ nhau, giữ gìn giới luật, cuộc sống không còn tai họa chẳng có đau buồn;

- Trong gia đình chồng nhường vợ nhịn, con cháu hiếu thảo, nghe lời, kính trọng Ông Bà, Cha Mẹ;

- *Tất cả người đời tai qua nạn khỏi, được về miền đất trong lành an vui, tránh xa cuộc đời cát bụi dơ bẩn khổ cực;*

- *Sớm chấm dứt các thứ giặc giết người để dân chúng trên thế gian sống yên vui.*

Nghĩa chữ khó:

Đồng thanh niệm Phật tai ương chẳng còn: *tất cả biết tu, cùng chung tiếng niệm Phật thì chắc chắn không ai làm điều hung dữ, ác độc để chịu quả báo. Ví như ai đó, trót làm nhiều tội lỗi, nay biết ăn năn niệm Phật, sửa tánh răn lòng, sớm tối thành tâm tu hành, có thể được ơn điển lành chư Phật độ cho vượt qua khỏi tai ương.*

Gia đạo vuông tròn: *lễ lới cư xử trong gia đình được êm đẹp, vui vẻ, trên thuận dưới hoà.*

Chồng hoà vợ thuận cháu con thảo hiền: *chồng vợ chịu chuộng kính trọng lẫn nhau, con cháu biết nghe lời dạy dỗ và hiếu kính với Ông Bà, Cha Mẹ.*

Tu cầu thoát khỏi xích xiềng: *trau sửa mình, ăn năn tội lỗi, cầu nguyện qua khỏi tai nạn.*

Xích xiềng: *nghĩa bóng chỉ về tai nạn, tội tù mất tự do.*

Trần lao: *cảnh đời bụi dơ, khổ cực, đời như ngục tù.*

Binh đao: *chiến tranh, giặc giã, chết chóc.*

Đời bình trị: *Nhà cầm quyền tốt, chăm lo đời sống dân được yên ổn, vui vẻ làm ăn, đất nước không giặc cướp, không bị tai họa của Trời đất như: bão lụt, động đất, nắng hạn, thiếu nước...*

-- *** --

165.-"Mắt nhìn chư PHẬT đông đầy - Thành vàng điện ngọc trò THẦY đấng tiên - Ai mà muôn đặng phước-duyên – Nghe lo*(lời) khuyển-thiện lòng liền phát tâm - Tu cho rõ

**môi huyền thâm - Qui đầu Phật-Pháp khỏi
lâm tai nạn". - * Ấn bản 1998 in lời.**

Luận giải: (dòng 17 tới 22, trang 138)

Xong việc giảng giải Đạo lý, **Trò Thây** về cảnh Tiên. Ai muốn được hưởng cảnh an vui thông thả, tận mắt nhìn chư Phật, nên theo như lời khuyên này làm hiền, tránh xa điều hung dữ và một lòng nguyện tu đến thành đạo. Tu học để hiểu rõ lý Đạo cao sâu, thành lòng niệm tưởng Phật, làm theo điều Phật dạy chắc chắn tránh khỏi đau thương, tai họa.

Nghĩa chữ khó:

Đăng tiên: lên cảnh Tiên.

Phước: làm việc tốt; được hưởng cuộc sống vui nhiều may mắn, đó là Phước.

Duyên: ví như hạt giống tốt là non tốt rồi nhờ nương vào đất, nước, phân bón và sự chăm sóc, những thứ đó là duyên, mới được hạt tốt là quả tốt. Non với duyên tốt nương tựa nhau, giúp nhau mới thành kết quả tốt.

Lời khuyên thiện: lời khuyên làm việc hiền, tốt, có nghĩa khuyên nhắc tu hành.

Phát tâm: khởi ý nguyện tu hành đến khi thành đạo.

Huyền thâm: cao sâu không lấy tâm ý người trần mà hiểu, giải thích được.

Qui đầu Phật Pháp: trở về, nương theo đạo Phật, làm theo lời Phật dạy.

Khỏi lâm tai nạn: khỏi vướng tai họa.

-- *** --

166.-"Phước đức quý hơn bạc vàng - Những người bạc-ác giàu sang ích gì - Chi bằng ăn ở nhu-mì - Nghe lời PHẬT THÁNH kính vì người trên".

Luân giải: (dòng 23 tới 26, trang 138)

Bạc vàng nhiều cũng không mua được vé vào Niết Bàn, sao bằng mở rộng lòng thương cứu giúp người nghèo đói, bệnh tật. Những kẻ quên ơn bỏ nghĩa dầu giàu sang cũng chẳng được ai quý mến. Hãy sống với lòng ngay thật hiền lành, nói năng cư xử dịu dàng, nghe và làm đúng lời dạy của Phật Thánh, lễ phép, kính vì người cao tuổi, nể trọng bậc trên trước.

Nghĩa chữ khó:

Phước đức có 2 nghĩa:

a/- làm tất cả việc hiền tốt, sửa tánh răn lòng đồng nghĩa với **công đức**: vui làm điều lành có ích cho người là **công**, lòng yêu chuộng điều lành là **đức**.

b/- nhờ đã làm nhiều việc tốt, nên hưởng được may mắn, yên vui, đó là **phước**.

Bạc ác - **Bạc** là lạt lẽo, nhỏ nhen, không biết ơn, thay lòng đổi dạ. **Ác**: thâm hại người.

Nhu mì: cư xử dịu dàng với người, lời lẽ đúng đắn, nói năng chậm rãi.

Kính vì người trên: lễ phép, nể trọng người trên trước, người cao tuổi.

-- *** --

167.-"Hiếu trung lòng chó vợi quên - Sống lo trọn Đạo thác lên TIÊN ĐÀI - Nam-mô miệng niệm hằng ngày - Lánh lời dua-mị học rày kệ kinh - Trau tâm luyện tánh cho mình - Chuyên lo niệm PHẬT sửa mình cho trọn".

Luân giải: (dòng 27 tới 32, trang 138)

Lòng đừng bao giờ quên hai chữ hiếu trung, luôn giữ tròn Đạo Đức, ngày đêm thường tưởng niệm

Phật, tránh xa lời nịnh bợ, siêng học kệ kinh, tập tánh luyện lòng, giữ gìn tâm trí yên tĩnh, trong sáng.

Nghĩa chữ khó:

Hiếu: *chăm sóc dưỡng nuôi và không làm gì để Ông Bà Cha Mẹ buồn lòng.*

Trung: *dám liều mình (không sợ chết) giữ gìn Tổ Quốc, Quê hương.*

Đạo Đức: *xin xem số 148*

Dua mị: *bung bợ, nói hùa theo người có quyền thế, giàu sang để nhờ cậy.*

Trau tâm luyện tánh cho mình: *sửa lòng, luyện tập tánh, sống trong sáng, ngay thẳng.*

Chuyên lo niệm Phật sửa mình cho tron: *cố gắng, dày công tưởng niệm Phật, lúc niệm lòng phải thành; không để lòng hận thù, phiền não (lo buồn, xao xuyến) vướng mắc danh lợi, tình cảm, sắc đẹp, ham muốn của xác thịt. Được vậy, thân mới tron, mình mới nhẹ.*

-- *** --

168.-"Lóng tai nghe rõ tiếng đờn - Không giây không phiếm oán hờn cũng không - Đờn tây rồi lại đờn đông - Trách trong bá-tánh gặp sông quên nguồn- Phàm-trần như chỉ rối cuộn Mà còn say-đắm theo tuồng lẳng-lo "

Luân giải: *(dòng 1 tới 6, trang 139)*

Lóng tai nghe rõ tiếng đờn, nhưng đờn sao không giây, không phiếm, cây đờn là vật chất, vật có hình thể phải chịu hư nát theo luật tự nhiên, vậy, hiểu nghĩa bóng, tiếng đờn đây là tiếng trong tâm, tiếng từ bi của Bồ Tát với ý khuyên đời:"Tất cả là giả tạo, tất cả đều phải hư nát như thân xác và đời sống con người, vậy thì nuôi oán hờn làm chi". Cũng trong

tiếng đồn, ngầm trách người đời bạc bẽo, uống nước không nhớ nguồn, và cũng nhắc rằng cuộc đời đang hồi rối rắm, khó khăn, sao chưa chịu tỉnh thức lo tu, cứ ham vui chạy theo lợi danh bỏ quên đạo lý.

Nghĩa chữ khó:

Gặp sông quên nguồn: nguồn là nơi khởi đầu của con sông, câu này chỉ người đời bạc bẽo, quên ơn bỏ nghĩa, như uống nước không nhớ đến nguồn của con sông.

Phàm trần như chỉ rối cuộn: cõi đời cát bụi này lộn xộn như cuộn chỉ rối.

Say đắm: chìm trong mê say mất hết sáng suốt, không dứt ra được.

Lẳng lơ: không đàng hoàng. Thường chỉ người phụ nữ không đứng đắn.

-- *** --

169.-"Lời lành mắt lấp tai ngơ - Đua theo vật-chất hăng-hờ đàng tiên - Hồ sâu tình-dục lại ghiền - Ghiền cho đến lúc chúng không quan-tài - Nhắm mắt cũng nắm hai tay - Đâu đem tiền của đem rày hầu non".

Luận giải: (dòng 7 tới 12, trang 139)

Nghe tới lời khuyên làm điều tốt, làm việc lành thì người đời giả bộ như không nghe, không thấy, cứ ham mê chạy theo vật chất chẳng nghĩ gì đến việc học hiểu Đạo lý để sửa tánh răn lòng, tìm cuộc sống thanh thản cho tâm hồn. Về chuyện tình dục, không biết đó là hồ sâu, lại mê, thích, ghiền, không dứt bỏ được cho tới khi xuôi tay nhắm mắt. Chết rồi đâu ai mang được cái gì theo, từ tiền của cả đến cô vợ bé xinh đẹp cũng phải bỏ lại !

Nghĩa chữ khó:

Mắt lấp tai ngo: làm bộ như mắt không thấy, giả như điếc không nghe.

Vật chất: những thứ cần dùng cho thể xác, những thứ có hình thể, có chất riêng mà cảm giác con người có thể nhận ra - nghịch nghĩa với tinh thần.

Cảm giác: sự hay biết do một trong 5 giác quan (tai, mắt, mũi, lưỡi, da)

Hãng hờ: hay **hững hờ**, coi như không quen biết; không để ý tới, bỏ lơ. **Hãng hờ đàng Tiên:** không màng đến đường lên cõi Tiên. **Nghĩa bóng:** người đời lo chạy theo tiền của lợi danh, quên bỏ, xao lãng việc tu, như vậy làm sao về được cõi yên lành - về cảnh Tiên.

Hố sâu tình dục: sự ham muốn về xác thịt – thường là không chánh đáng – đó là hố sâu, rất nguy hại mà người đời say mê cho đến chết.

Ghiền: một thói quen không tốt khó dứt bỏ.

Hầu non: vợ lẽ (vợ bé) còn trẻ tuổi.

-- *** --

**170.-"Chỉ có tội phước hồi còn - Đến nơi
thảm-phán cửa sơn Diêm-Đài - Phước nhiều
Tiên-cảnh lên rày - Tội nhiều sa-đọa nhiều
ngày thảm thê - Chùng ấy mới biết chửi ghê -
Ăn-năn chẳng kịp khó bề tính-toan".**

Luân giải: (dòng 13 tới 18, trang 139)

Chết thì cái gì có trên đời cũng đều bỏ lại hết, chỉ phải mang theo tội và phước để chờ xét xử ở toà án dành cho người chết. Những ai có phước thì được về nơi trong sạch thong thả hưởng cảnh an vui, còn kẻ nhiều tội bị hình phạt, chịu khổ đau ghê ghớm, chùng đó biết sợ, lo lắng, có hối hận cũng không còn kịp nữa.

Nghĩa chữ khó:

Thẩm phán cửa son Diêm Đài: *chịu sự xét xử nơi toà án Âm phủ – cõi của người chết.*

Sa đọa: *rớt xuống chỗ thấp hèn; hư đến mức thật tội tệ.*

Thảm thê: *nhiều đau khổ, quá buồn rầu.*

Chấn ghê: *ghê sợ, thật đáng sợ, tiếng dân gian.*

Ăn năn: *hối hận, tiếc vì đã lỡ làm nên lỗi.*

-- *** --

**171.-"Ngày nay sớm đến Phật-đàng - Tu cầu
chư PHẬT cứu an linh-hồn - Tội tiêu phước
hưởng trường-tồn - Không còn mắc nẻo đại-
khôn luân-hôi".**

Luận giải: *(dòng 19 tới 22, trang 139)*

Nay đã tìm thấy ngọn đèn chánh pháp thì hãy rán tu, nguyện cầu chư Phật cứu độ linh hồn được tiêu trừ tội lỗi, hưởng phước lâu dài, không phải bị lẩn quẩn trong vòng sanh tử với luân hồi nữa.

Nghĩa chữ khó:

Linh hồn: *hồn thiêng, phần hồn, phần hiểu biết của con người sau khi chết.*

Trường tồn: *còn hoài.*

Nẻo: *lối đi, đường đi.*

Luân hồi: *xin xem số 21.*

-- *** --

**172.-"Thấy đời khó nổi yên ngơi - Thêm lời
THẦY nhắc một hồi thấp cao - Nữ nam muốn
rõ âm hao - Rán trau đức hạnh ngày sau sẽ
tường".**

Luận giải: *(dòng 23 tới 26, trang 139)*

Trước cảnh khổ của người đời, không thể ngơi yên, Người đi khắp nơi hết lòng khuyên dạy, nhắc nhở

dân chúng nên sửa tánh, răn lòng, răn từ bỏ thói hư tật xấu, sửa dáng đi tướng đứng, cố gắng làm việc lành, lánh xa điều dữ. Ngày sau nữ nam sẽ thấy rõ ràng giá trị của những lời dạy khuyên này.

Nghĩa chữ khó:

Trau thân: *giồi mài, cải sửa thân tâm, từ bỏ nét hư xấu, sửa cả dáng đi, đứng, nằm, ngồi, phải ung dung, thông thả, nói năng dịu dàng.*

Đức hạnh: *ưa thích và làm điều lành là đức.* Tu hành ngay thật, bền lòng giữ gìn giới luật đạo, tu cho thành đạo đó là **hạnh**.

Giới luật: *những điều nghiêm cấm của Đạo mà người tu phải tuân theo.*

Âm hao: *tin tức. Ý ở đây là ngày sau người đời sẽ thấy kết quả của những lời dạy tu hành của Người đúng hay là sai.*

Giá trị: *Cái được xác định có ích, có hiệu quả; xác định hiệu quả của một việc làm.*

-- *** --

173.-"Ngôn-từ đạo hạnh ý THẦY khuyên - Hạnh đức ân-cần răn tập chuyên - Thất-tổ cửu-huyền nơi chín suối - Mĩa-mai xa lánh sáu đường duyên".

Luận giải: *(dòng 1 tới 4, trang 140)*

Lời lành của **Thầy** khuyên dạy nên răn siêng năng tu tập đạo hạnh và đức hạnh để cứu Cửu huyền Thất tổ nơi cõi chết khỏi phải qua sáu nẻo luân hồi.

Nghĩa chữ khó:

Ngôn từ: *lời nói hiền lành.*

Đạo hạnh: siêng học kinh kệ, tu hành nghiêm chỉnh, giữ đúng giáo luật, giữ thân tâm luôn trong sạch, lòng dạ yên lặng, dốc lòng tu đến thành đạo.

Hạnh đức- Hạnh: cố gắng sửa mình, giữ gìn đạo lý, xa điều dữ, giúp đỡ người nghèo khó hoạn nạn, lời nói và cách đối xử hiền dịu; dốc lòng tu đến thành đạo. **Đức:** nghiêm chỉnh, tánh ngay thẳng, lòng dạ hiền, vui thích làm việc lành. Xin xem số 172.

Tập chuyên: để ý, đem hết ngày giờ tập luyện.

Mía mai xa lánh sáu đường duyên: mới mong, có hy vọng tránh khỏi sáu đường luân hồi.

NAM MÔ BỒN-SU' THÍCH-CA MẬU-NI PHẬT

Ngôn-từ đạo hạnh ý THẦY khuyên,
Hạnh đức ân-cân rán tập chuyên.
Thất-tổ cửu-huyền nơi chín suối,
Mía-ai xa lánh sáu đường duyên.

Phỏng dịch:

Lời lành Phật dạy, lý THẦY khuyên,
Hạnh đức tu hành rán tập chuyên.
Cha mẹ, Ông bà nơi chín suối
Mới mong thoát khỏi sáu đường duyên.

-- *** --

Vô thượng thậm thâm dĩ ý truyền
Danh ngôn chép để rạch đàng Tiên
Cư-gia Tịnh-Độ tâm viên-mãn
Sĩ xuất văn-từ dốc dạy khuyên.

Phỏng dịch:

Huyền nhiệm cao siêu dụng ý truyền
Lời hay chép lại chỉ đàng Tiên
Tại gia tu tĩnh tâm tròn sáng
Cư Sĩ dụng văn giáo đạo khuyên.

Phụ giải:

Vô thượng tậm thâm dĩ ý truyền: giáo lý Phật giáo cao siêu mầu nhiệm không thể dùng văn chương diễn giải rõ ràng, đầy đủ được mà chỉ truyền đạt bằng Ý (trong đại hội tại Linh Sơn, đức Phật cầm cành hoa đưa lên, đại chúng ai cũng ngỡ ngác, chỉ có Ca Diếp mỉm cười – và Ca Diếp được Phật truyền tâm ấn – xin đọc *Kinh Pháp Bảo Đàn*)

Danh ngôn chép để rạch đàng Tiên: lời hay (trong *Khuyến Thiện*) chép lại chỉ rành nẻo tục đàng Tiên.

Cư gia Tịnh Độ tâm viên mãn: người tu tại gia theo pháp môn Tịnh Độ sẽ được tâm tròn sáng (đắc quả Đạo).

Sĩ xuất văn từ đốc dạy khuyên: Người viết quyển *Khuyến Thiện* này chỉ dạy người đời tu.

NAM MÔ A-DI-ĐÀ PHẬT



MUC LUC .-

QUYỂN I .-

Sám Giảng :

Khuyên người đời tu niệm

Trang 1 - 154

QUYỂN II .-

Kệ dân của người khùng

Trang 155 - 237

QUYỂN III .-

Sám Giảng

Trang 238 - 319

QUYỂN IV .-

Sám Giảng :

Giác mê tâm kệ

Trang 320 - 416

QUYỂN V .-

Sám Giảng :

Khuyên thiện

Trang 417 - 548

HẾT



XIN CHÚ Ý

-- *** --

- Sách này phổ biến hoàn toàn miễn phí.
- Bản gốc có chữ ký của người dịch, được lưu trữ tại hội sở **PGHH** hải ngoại dùng làm tài liệu tham khảo và đối chiếu.
- Mọi trích đoạn, sửa chữa, yêu cầu chú thích rõ.
- Địa chỉ liên lạc:

Mr. HỒ Minh Châu
7, rue des Chalets
94450 Limeil Brévannes
FRANCE

- Ấn bản năm 2008

